

BÁCH KHOA

SỐ 92 — NGÀY 1 - 11 - 1960

KHẢO-LUẬN

HOÀNG-MINH-TUYNH	Hiệp Chúng Quốc trước ngày tuyên-cử Tổng-Thống.
NGUYỄN-VĂN-THU	Đồ-sứ và tranh Đại Tống.
NGUYỄN-VĂN-HẦU	Tế cầu văn của cụ Thủ-khoa Huân
BÛU-KẾ	Thảm cảnh ngoài bề khỏi.
NGUYỄN ANH-LINH	Nietzsche (1844-1900).
ĐOÀN-THÊM	Vài thác mắc của người ham đọc báo.
NGUYỄN BẠT-TUY	Tên cá trong Việt- Ngữ.
PHẠM-HOÀNG	Mức thang giá-trị.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

ĐÔNG-HỒ	Mạn đàm về văn-hóa.
BÙI-KHÁNH-ĐÀN	Âm hưởng.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Mưa.
(dịch Somerset Maugham)	
ĐOÀN-THÊM	Hòa hợp.
HUY-LỰC	Đời xa.
PHAN-DU	Tình người (truyện ngôn).

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh « **EAU DE VIE CŨ** » 40° và 50°

— Rượu Tàu « **LÃO-MẠNH-TỬU** »

— Rượu Tàu « **ÍCH-THỌ-TỬU** »

SI-RÔ « **VERIGOUD** » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm « **DISTAROME** »

DISTILLERIES **DE L'INDOCHINE**

NƯỚC HOA và DAU
THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHAP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : **HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)**

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : **CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ**

(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẰNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

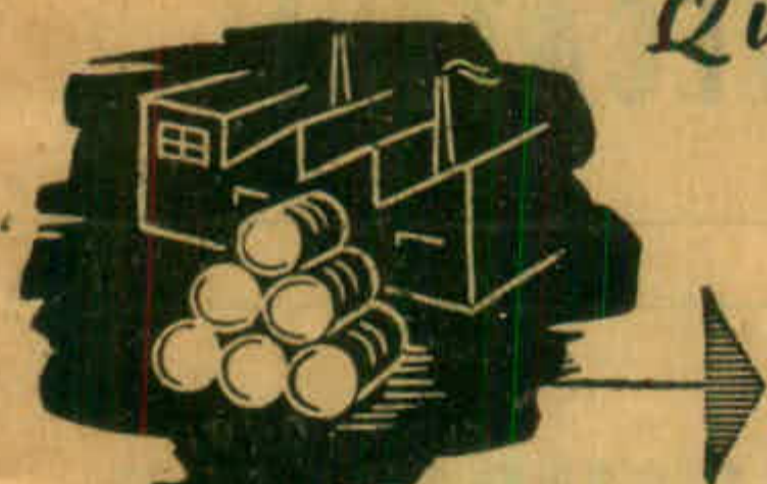


Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

*Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



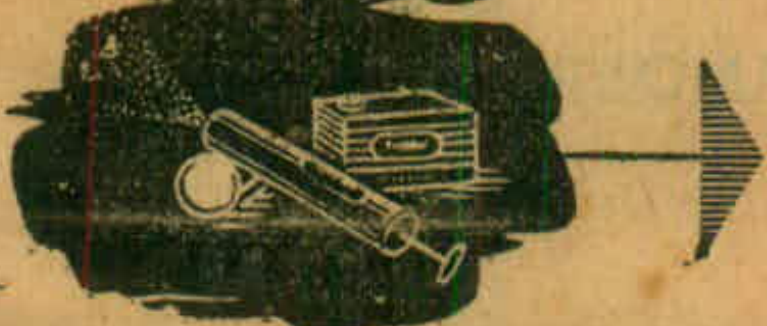
Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIÊN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA

NECCHI

MARELLI

OLIVETTI

LOMBARDINI

MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SƠ VON 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn - Huệ — SAIGON

Điện-thoại số : 21.624 — 25 — 26

ĐƯỜNG NGOẠI-QUỐC

S A I G O N	VIENTIANE và SENO	— Mỗi thứ Tư và thứ Bảy bằng DC. 4	
	PHNOMPENH	— Mỗi thứ Ba, thứ Năm thứ Sáu và thứ Bảy	} Bảng DC. 3 và DC. 4
	SIEMREAP	— Mỗi thứ Ba và thứ Bảy	
	BANGKOK	— Mỗi thứ Ba và thứ Sáu	
	HONGKONG	— Mỗi thứ Hai	} Bảng Super Constellation
	PARIS	— Mỗi thứ Năm	

TỔNG ĐẠI-LÝ :

B. O. A. C.

AIR INDIA INTERNATIONAL

JAPAN AIRLINES

K. L. M.

AIR FRANCE (trừ SAIGON)

ROYAL AIR CAMBODGE

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Petersen International 3rd Edition

Fentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON: 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH: 415-417 đường Hai Bà Trưng.
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR: TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

PHÒNG

UỐN

TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP

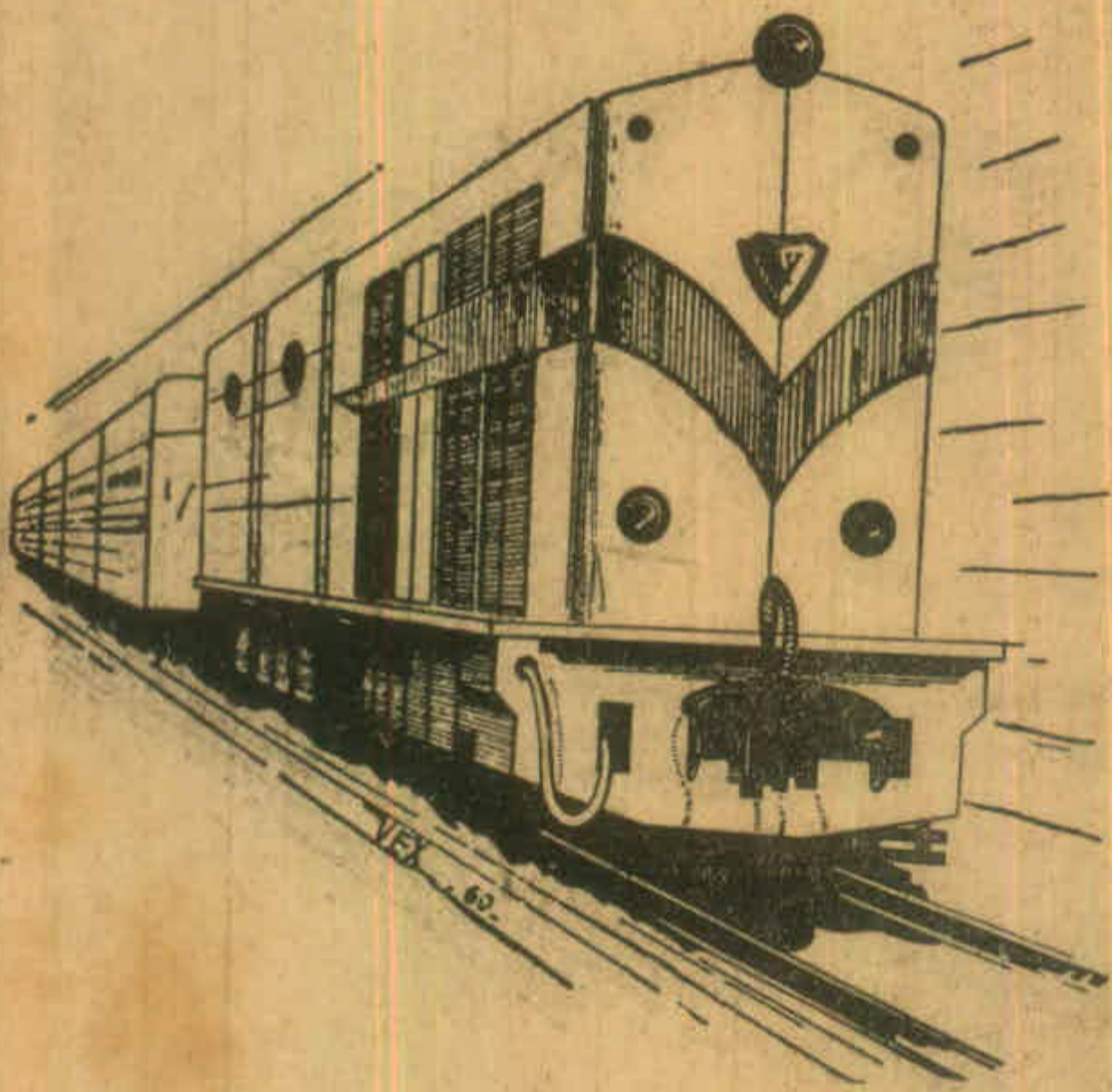


BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

ĐƯỜNG XE LỬA XUYÊN VIỆT

Đường Xe lửa Xuyên Việt là một nguồn lợi
tối quan trọng cho nước nhà.



Dưới quyền điều khiển của
kỹ-sư và kỹ-thuật gia Việt-
Nam, Đường Xuyên Việt nỗ
lực kiến-thiết để góp phần
độc-lập kinh-tế.

Từ Saigon đến Đông-Hà,
Nha Hòa-Xa Việt Nam đã
đặt và sửa lại 1.110 cây số
đường sắt, 20 vầy cầu sắt
mới, 75 cầu sắt Krupp, 68
cầu đúc và bê tông...

Phương tiện giao thông
và chuyên chở này cũng
như các kỹ nghệ khác đều
cần đến dầu để chạy máy
và giữ gìn dụng cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v...

BACH-KHOA

Số 92 — Ngày 1-11-1960

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Hiệp-chủng-quốc trước ngày tuyên-cử tổng-thống.</i> 3
NGUYỄN-VĂN-THU	<i>Đồ sứ và tranh Đại-Tống</i> 13
NGUYỄN-VĂN-HẦU	<i>Tế cầu văn của cụ Thủ-khoa Huân.</i> 17
BỬU-KẾ	<i>Thăm cảnh ngoài bể khơi.</i> 22
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Nietzsche (1844-1900)</i> 29
ĐOÀN-THÊM	<i>Vài thắc mắc của người ham đọc báo.</i> 47
NGUYỄN-BẠT-TUY	<i>Tên cá trong Việt-ngữ</i> 55
PHAM-HOÀNG	<i>Mức thang giá-trị</i> 64
ĐÔNG-HỒ	<i>Mạn đàm về văn-hóa.</i> 65
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	<i>Âm hưởng (thơ).</i> 71
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Mưa (truyện dịch)</i> 72
HUY-LỰC	<i>Đời xa (thơ)</i> 86
ĐOÀN-THÊM	<i>Hòa hợp (thơ)</i> 90
PHAN-DU	<i>Tình người (truyện ngắn)</i> 91

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Hiệp-Chúng-quốc trước ngày tuyên-cử
Tổng-Thống (II)*
- ĐOÀN-THÊM : *Sống mạnh hay không sống mạnh.*
- NGUYỄN-PHÚC-SA : *Viện-trợ cho các nước kém mở mang.*
- NGUYỄN-CHÂU : *Nữ-sĩ Nhật.*
- NGUYỄN-VĂN-HẦU : *Nguyễn-Hữu-Cảnh.*
- NGUYỄN BẠT-TỤY : *Đường lối đặt tên cá chép.*
- TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ : *Đôi nhận-xét về âm-điệu Vọng-cô.*
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : *Nhân-loại-học — Nhân-chủng học.*
- CÔ-LIÊU : *Thuyết hoán-cải và đào-thải tự nhiên
của Darwin còn đúng không ?*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc
tài-tử ».*
- VŨ-HẠNH : *Vàng Hời (truyện ngắn).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn).*
- NGUYỄN-CHÂU : *Hung thần La-Mã (truyện dịch).*
- NGUYỄN-VĂN-XUÂN : *Dịch cát (truyện ngắn).*
- VÂN-TRANG : *Một lối trả thù (truyện ngắn).*

HIỆP-CHÚNG-QUỐC

TRƯỚC NGÀY TUYỂN-CỬ TỔNG-THỐNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

Trước khi trình bày về những lý do thúc đẩy Hiệp-Chúng-quốc đi tìm một chính-sách mới đề đối phó hữu hiệu và kịp thời với tình-trạng thế-giới hiện nay, chúng tôi xin hiến quý vị độc giả một bài biên khảo theo tài-liệu của báo chí ngoại quốc về không khí vận động tuyển-cử tổng-thống đang diễn hành náo nhiệt tại một phương trời (1), trong một liên-bang lãnh đóng vai trò quyết-định vận-mệnh cho cả thế-giới tự-do. Chúng tôi hy-vọng bài biên khảo này sẽ phô bày được ít nhiều khía cạnh tâm tình của người dân Mỹ từ trên xuống dưới, cắt nghĩa được hành-vi xử sự của họ trong cuộc sinh-hoạt quốc-gia, nhân dịp tuyển-cử tổng-thống, khiến chúng ta, những kẻ nơi xa xôi, lĩnh hội được phần nào cảnh sắc tinh-thần và tâm-lý của một nước bạn cùng đang tranh-đấu với chúng ta đề bảo-vệ tự-do và dân-chủ. Những ý nghĩ và cử chỉ của họ có nhiều điều ngộ nghĩnh, vui vui; những phản ứng và hoạt-động của họ có nhiều khi nồng nàn, lạ lạ, chứng tỏ họ là một dân-tộc hồn nhiên, lạc quan, ưa tranh-đấu, nhiều đam mê mà cũng thật dung dị.

Tám năm của chế độ Eisenhower (Aixen-hao) đã kết thúc trong sự ngỡ-ngàng, băn khoăn của toàn thể nhân dân Mỹ-quốc. Đối với họ, tám năm ấy có thể coi như một kỷ-nguyên trái-thường trong cuộc sinh hoạt bình thường của người dân Mỹ.

Hồi tháng 11 năm 1952, khi quốc dân Mỹ trao vận mệnh đất nước cho một vị anh hùng dân tộc, thật họ đã tỏ ra chán chường

(1) — Revue de Paris, tháng 9 năm 1960
Réalités, tháng 9 năm 1960
Le Monde, 47, 48-49, 21 tháng 9 năm 1960.



Tòa Bạch-Ốc

về những mảnh khóc, thủ đoạn của các đảng phái chính trị. Đảng Dân chủ đã nắm giữ chính quyền trong một thời gian kéo dài hàng hai mươi năm trời và đã tỏ ra tới lúc kiệt quệ, không còn đảm đương nổi việc nước nữa. Ông Truman và ông Acheson bị vấp trong trận chiến tranh Triều-Tiên một cách rất không vinh dự và người dân Mỹ kinh ngạc nhận ra cuộc xung đột có thể kéo dài vô hạn định, mà kết quả chưa chắc đã đem lại chiến thắng cho Hiệp-Chúng-quốc. Đó lần đầu tiên, người dân Mỹ gặp sự rủi ro bất ngờ và họ có cảm giác như bị lường gạt.

Đối với Liên-Xô, chính sách của người Dân chủ bấy giờ là chính sách Cầm cự,

« *Containment* », vốn là chủ trương của ông George Kennan. Đó là một thái độ bất động chua chát, tiêu cực và bi quan tự bản chất, không có năng lực làm cho người ta phấn khởi chút nào. Tại Hoa-Thịnh-Đốn, có nhiều vụ được coi như đống mạt xảy ra, thực cũng có, hư cũng có, song đã được các báo chí phóng đại ra cốt để sỉ nhục tập đoàn Truman cho bỏ ghét. Ngoài ra, còn vấn đề cộng - sản thâm nhập được vào tận trong các cơ quan hành chính và cả trong bộ ngoại giao, càng làm cho dân chúng trở nên hoang mang, tức bực. Tướng Mc Carthy đã thấy xuất hiện trên sân khấu chính trị. Hàng triệu người dân Mỹ có mặc cảm sống trong một đồng bùn như.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Chính quyền do đảng Dân-Chủ nắm giữ sụp đổ giữa những tiếng kêu đã đảo : « Cộng-sản, Triều Tiên, Thối nát. » — Eisenhower lên thay thế, ông hứa sẽ đích thân đứng ra cầm đầu một đội quân liêm khiết, để đem lại hoà bình và bảo đảm tiến bộ, phồn vinh cho dân tộc. Chính sách Containment sẽ bị phế truất và một chính sách cả gan, lớn mật sẽ được tiến hành như vũ bão, dưới danh nghĩa giải-phóng các dân-tộc khỏi ách thống trị của Cộng-Sản. John Foster Dulles (Giôn Phốt-tơ Đơ-lốt) sẽ đem tất cả trí lực và quả cảm của ông mà tung hoành trên trường ngoại giao với thanh danh không thể chối cãi của người tài ba đệ nhất Mỹ-quốc, từ xưa tới nay không ai sánh kịp.

Còn Eisenhower thì là người ở ngoài hàng và ở trên các đảng phái chính-trị. Ông sẽ ngự trị vẻ vang trên những mảnh-khóe, thủ đoạn ty tiểu của những tay chính-trị hoạt tẩu. Ông là kẻ mọi người có thể tin-tưởng uyết đối và yên lòng giao phó công việc đưa quốc dân Mỹ tới chỗ hoà thuận với nhau, để rồi khiến cho toàn-cầu hoà-thuận với quốc dân Mỹ.

Ngày nay, đã tám năm xa cách, ta khó lòng tưởng tượng nổi của hàng triệu người Mỹ nồng nhiệt bỏ phiếu bầu cho vị đại tướng phương danh của đồng minh thắng trận. Những tật không hay của ông trở thành những tính rất tốt : ông nói có chiều khó khăn, lại thích dùng những câu mập mờ, để diễn đạt những ý kiến có phần khái quát, nhiều khi bắt chấp cả qui-tắc văn - phạm. Song quốc dân không vì vậy mà bớt lòng thương mến ông. Trái lại, họ càng hân hoan vì thấy có được một vị Tổng - Thống ít nói,

nhưng khi nói, cũng biết trở nên hùng hồn mà không đến nỗi hóa thành ba hoa.

Người ta biết ông ít đọc, nhưng người ta lấy đó làm điều thú vị, vì nó chứng tỏ « Ike » gần gũi đám bình dân hơn. Ông ham chơi đánh cầu golf, người ta cho đó là một thứ thể thao lành mạnh, một thứ tiêu khiển thanh nhã của hạng tư sản ôn-hòa, thích-hợp với đạo đức hơn là những canh bài koker của ông Truman và các chính-trị gia khác. Ông làm việc không cần căn cứ vào hồ-sơ và cương-quyết không chịu để giấy tờ tràn đầu, ngập cổ ; đó là ông lại có thêm một đức tính phụ khiến người dân Mỹ càng thêm lòng quý chuộng. Người dân Mỹ quan niệm rằng một nhà kinh-doanh hay một nhà chính trị, khi đạt tới một trình-độ thành công nào đó, vẫn có quyền dành cho mình những thú khiển hững không những vô hại mà còn giúp cho họ được sáng khoái, để liệu lý công việc một cách tỉnh trí hơn.

Eisenhower chẳng bao giờ tự cho ông là một nhà tiên tri hay một kẻ có thiên tài. Ông chỉ là một người bình thường như những người bình thường khác, hơn nữa lại có sự khiêm tốn, để khiến cho ai nhạ ra được mình ở trong con người của cũng có thể ông. Người dân Mỹ bấy giờ đã chán ngán những hạng tiên tri theo kiểu Wilson hay Roosevelt. Tự bản chất, họ nghi ngờ trí thức. Đối với Eisenhower, họ không có điều gì cần phải e ngại về mặt đó cả.

Một không-khí đặc-biệt, phi-chính-trị, bao bọc tòa Bạch-ốc trong suốt tám năm trường, và uy tín của vị tổng-thống, sau tám năm, vẫn còn giữ được gần nguyên

ven, mặc dù có những chỗ xoi mòn không thể tránh khỏi, những bản báo nguy về sự khiếm an, những nỗi thất bại trên trường ngoại-giao và những đòn chính-trị gian quyết của ông Kơ-rút-sốp.

Nếu không có khoản tu chính thứ XXII trong Hiến-pháp giới hạn nhiệm kỳ tối đa của tổng-thống là hai khóa liên tiếp (1), chắc chắn Eisenhower vẫn còn có thể chiến thắng oanh liệt trong Hiệp-ước hội-nghị của Đảng Cộng-Hòa tại Chicago trong cuộc vận-động tấn-phong ứng-cử-viên tổng-thống của Đảng và có thể được tái bầu tổng-thống không chút khó khăn vào tháng 11 này. Hiệp - Chủng - quốc đã tinh tọạ luôn tám năm, trong một chiếc ghế êm ru. Họ tinh tọạ trước hết vì họ muốn tinh tọạ, thứ nữa vì « những năm năm mươi » đã cho phép họ được tinh tọạ, nghĩa là giữ được thái-độ « bất động » mà không hề hấn gì. Tới nay, họ đã khởi sự bước sang ngưỡng cửa của « những năm sáu mươi » liệu họ đã cảm thấy cần thức tỉnh để hoạt động trở lại hay chưa? Có người hoài nghi và cho rằng Hiệp-Chủng-quốc chưa thật thấy cần thức tỉnh và cũng chưa thật thấy cần vận động toàn lực để tìm kiếm cho ra một đường lối mới trên địa hạt lý tưởng và cả trên địa hạt nhân vật nữa. Ý kiến trên đây có phần thiên lệch quá chăng?

Dù sao, buổi « tịch dương » của tổng thống Eisenhower cũng không thể làm ta lãng quên một vài điểm thiết thật, là cuộc vận động tuyển cử tiến triển ra sao đi nữa hay các lời trách vấn chính quyền Eisenhower có kịch liệt đến đâu đi nữa, tổng

(1) Tu chính XXII này, thật ra, đã được biểu quyết do một đa số của Đảng Cộng-Hòa dụng tâm muốn truất phế ông Truman.

thống đương kim vẫn còn giữ nguyên vẹn mọi quyền binh cho tới ngày 20 tháng giêng 1961, nhất là quyền phủ quyết, cùng với các phương tiện can thiệp trong sinh-hoạt kinh-tế quốc-gia và trong sách lược đối ngoại của chính-phủ. Ông vẫn được hoàn toàn tự do hành động và tự phát sáng ý. Uy lực đặc biệt của tòa Bạch-ốc còn để cho ông Eisenhower được gây ảnh hưởng trực tiếp vào tình hình tuyển cử và công luận, nếu ông muốn.

Ông Eisenhower vẫn còn giữ được phương-tiện hành-động.

Cái kho dự trữ uy lực tích lũy trong tòa Bạch-ốc đó, không một nhà quan-sát chính tình quốc-tế nào không biết nó chứa đựng một sức mạnh ghê gớm, song điều khó biết đối với họ, vẫn là kẻ có quyền sử-dụng nó sẽ sử-dụng thế nào và sẽ sử-dụng tới đâu. Cứ như hiện nay, có nhiều lý do để tin được rằng ông Eisenhower chưa muốn mà cũng chưa cần dùng nó để can thiệp trực tiếp vào cuộc vận động tuyển cử. (Nhưng lại vừa có tin cuối cùng từ Hoa-thịnh-đốn cho hay : ngày 7-10 vừa qua Tổng-Thống Eisenhower đã quyết-định bắt đầu vận-động tuyển-cử cho ông Nixon, bằng cách bác bỏ luận cứ của ông Kennedy và cổ võ dân chúng bỏ phiếu cho ứng-cử-viên Cộng-Hòa.) Điều ông quan tâm hơn hết hiện nay là phải coi xem ông Nixon và đồng minh là ông Rockefeller liệu có đi ra ngoài đường lối chính trung và khi đi đuổi bắt lá thăm, liệu hai ông này có làm những điều quá thất, đi ngược lại với những chủ-trương về hết mọi khoản, nhất là về những nguyên-tắc quân binh ngân-sách chống lạm phát vốn là cương lĩnh của chính-phủ ông và của đảng Cộng-hòa?

Mỗi lần khoản đó, rõ hơn là mỗi thắc mắc coi xem kẻ kẻ vị mình liệu có phé bỏ chính-sách của mình không, không phải là mỗi thắc mắc riêng của mình ông Eisenhower mà là mỗi thắc mắc của mọi vị Tổng-thống mãn nhiệm-kỳ, nhất là của vị Tổng-thống nào, khi tại chức, đã tỏ ra thiếu kiên-quyết, hay kém cương-ngạnh.

Nó thường khi dồn vị Tổng-thống mãn nhiệm-kỳ tới chỗ thủ thế, đối kháng, gây gổ, kiếm cách thế ngăn cản kẻ kẻ-vị muốn bày vẽ ra cái mới lạ để khuynh đảo mọi cơ-sở mình đã tốn công xây dựng. Cách đây tám năm, ông Truman đã từng gây nhiều khó dễ cho ông Adlai Stevenson chỉ vì ông này có nhiều tư-tưởng độc-lập và tỏ ra thiếu sự trung-thuận với ông. Tuy đại-lượng hơn ông Truman, ông Eisenhower vẫn có thể là trở lực lớn cho ông Nixon trên con đường tiến tới tòa Bạch-ốc. Ông Stevenson, dù sao, cũng chỉ là kẻ đứng ngoài « cửa ngõ », không có chân trong chính-quyền mãn hạn. Ông Nixon thì lại là đương kim phó Tổng-thống, có chân trong tập đoàn Eisenhower từ ngày sáng - lập.

Tổng-thống đã trao cho ông nhiều quyền hành rộng-rãi, đã đào luyện ông, đã chu toàn thời kỳ tập việc cho ông, đã cố-gắng để ông được tham-gia quốc-sự trên khắp mọi địa-hạt. Tuyên truyền của đảng Cộng-Hòa thường vẫn ca tụng ông Nixon là chính-trị gia Mỹ-quốc đã được chuẩn bị chu đáo nhất và đã được tập dượt kỹ càng nhất để đảm đương trách-nhiệm nặng nề của chức vị Tổng-thống.

Tuy nhiên, tám huy chương trên vẫn có mặt trái. Vẫn là nhân viên trong « gia-đình quan chức » của Eisenhower, lại đã chịu

sự đào luyện tận tâm của ông này, Nixon không thể « muối mặt » tỏ ra vô ơn với bậc sư phụ, nên dù có những ý kiến tân kỳ độc sáng, ông cũng không thể ngang nhiên đưa ra một cách đường hoàng ; tự do hành động của ông do đấy bị hạn chế phần nào. Ông phải buộc lòng tìm thế gián tiếp, quanh co bơi lượn trong một khoảng lạch chạt hẹp, giữa sự trung thành và sự vi bội. Tòa Bạch-ốc canh chừng ông từng đường đi, nước bước.

Một sự việc xảy ra tại Nữu-Uớc trong đêm 22 rạng 23 tháng bảy và mấy ngày sau tại Hiệp ước hội nghị của đảng Cộng-hòa tại Chicago, chứng tỏ điều nhận xét trên không phải quá đáng.

Nguyên vị thống đốc tiểu bang Nữu-Uớc là ông Nelson Rockefeller (Nen-xơn Roc-phen), đảng viên có uy tín đặc biệt lớn lao của Đảng Cộng-Hòa, vẫn thường hay lên tiếng đòi hỏi nhiều khoản canh tân trong chương trình Đảng. Ông muốn mọi người phải đếm xỉa đến những đòi hỏi của ông và cố nhiên, ông Nixon không thể nào làm lơ không đếm xỉa đến những đòi hỏi ấy được. Ông cần phải được sự ủng hộ mãnh liệt của ông Rockefeller và của đại biểu tiểu bang Nữu-Uớc, ông cũng cần có liên minh của phe tự do trong đảng Cộng-hòa do ông Rockefeller lãnh-đạo và chỉ-huy.

Ông Rockefeller đặt cho ông Nixon nhiều điều kiện thật gắt gao. Trước hết, ông quả quyết rằng vấn đề quốc-phòng hiện nay không được giải quyết tương xứng với nhu cầu thực tế của quốc gia và cần phải tăng gia ngân sách quân bị lên rất nhiều mà không ấn định trước mức tối cao. Ông thống đốc đưa hẳn ra một con số : ba tỷ

rười mỹ-kim cho một ngân sách phụ — Chủ trương của ông rất gần với chủ trương bí quan của Đảng Dân Chủ và đi ngược hẳn lại với chính sách của ông Eisenhower, chủ trương ấy cũng ngầm chứa lời chỉ trích vị đương kim Tổng-Thống về một điểm làm cho vị này phải bận tâm hơn hết.

Ông Rockefeller còn đòi đảng Cộng-hòa phải cam kết tăng cường hệ thống liên-minh với các quốc gia tại Á-Châu, Phi-Châu, Mỹ-Châu la-tinh và Âu-Châu tây bộ, ngoài ra, lại phải cam kết thiết lập các bang liên địa phương về kinh tế và chánh-trị để cho Hiệp-Chúng-quốc cũng được tham dự vào.

Trên địa hạt « dân quyền » nghĩa là về mặt quan hệ chủng tộc, đặc biệt là tại các tiểu bang miền Nam, ông Thống đốc đề-nghị một chương-trình thật rộng rãi, khoan đại, đòi đảng Cộng-hòa phải chấp nhận các cuộc biểu-tình bất bạo động của người da đen chống lại tinh-thần kỳ thị chủng tộc của người da trắng.

Sau hết, ông đòi nhà nước phải tham-gia trực-tiếp vào các chương-trình bảo-hiểm xã-hội, vào các kế-hoạch chính đốn học đường, vào tổ-chức hưu dưỡng cho các lão ông, lão bà v.v... Đó toàn là những chủ-trương trái nghịch với « triết lý » Eisenhower không muốn cho chính quyền trung-ương can-thiệp quá nhiều vào công việc của các chính quyền địa-phương và vào sáng kiến của các tư nhân.

Ông Nixon bị đặt vào trong một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Ông Rockefeller muốn ông Nixon lựa chọn dứt khoát : một là ưng thuận hai là chối từ. Nếu ông ưng thuận thì đó là ông đoạn tuyệt với ông Eisenhower ; còn nếu ông chối từ thì sự thất bại trong cuộc tuyển cử của

ông được kể như chắc chắn. Ông phải vội vã tới Nữu-Uớc là nơi ông Rockefeller, đã được báo trước bằng điện thoại, đang đón chờ ông. Hai người hội đàm bí mật với nhau thông luôn bảy tiếng đồng-hồ trong văn-phòng cửa thổng đốc tiểu bang. Tới rạng đông, hai bên đi tới chỗ kết thúc một thoả hiệp gồm mười bốn khoản. Đại thể, ông Nixon chấp thuận trọn vẹn chương trình của ông Rockefeller.

Thế là cùng một lúc bùng nổ hai cơn thịnh nộ, lôi đình. Tại Chicago, ủy ban Cộng hòa soạn thảo chương trình tuyển cử cho Đảng bị đặt trước một Diktat (Giáo lệnh). Phe bảo thủ tuyên bố ông Nixon đã đầu hàng địch và tai hại hơn thoả hiệp của ông là một đầu hàng theo kiểu « Munich ». Phải mất ba ngày tận lực thương thuyết bí mật ông Nixon mới dẹp yên được sự bất bình của phe bảo thủ.

Tại Newport là nơi ông Eisenhower đang nghỉ mát, mười bốn điểm ký kết của ông Nixon, bị ông Eisenhower coi như là một phủ nhận trắng trợn chính sách tốt đẹp của ông. Lại phải mất ba ngày nữa, ông Nixon mới thuyết phục được vị tổng thống lão thành mà cương quyết. Nói là thuyết phục có lẽ quá đáng, vì ông Nixon, tuy giữ được mười bốn điểm, nhưng đã phải cùng với ông Rockefeller tốn công sửa chữa, thêm vào, bớt đi một cách cực nhọc, nhất là về khoản quốc phòng, hai ông đành phải gạch bỏ con số ba tỷ rưởi. Chương trình xã hội cũng phải giảm đi rất nhiều.

Sau đó, mọi việc mới trở lại êm thấm. Ông Eisenhower phải tới Chicago để đọc bài diễn văn theo tục lệ của vị tổng-thống mãn nhiệm kỳ, thường có mục đích ca tụng quá khứ, lạc-quan một

cách hồn nhiên và không dự đoán gì cụ thể về tương-lai cả Tuy nhiên, trong bài diễn văn của tổng-thống Eisenhower, nhiều người chú ý tới những đoạn chua cay, gay gắt, ông dụng ý muốn gửi gắm cho những kẻ mà ông gọi là « bè lũ hoang phí », cho những kẻ bi quan và « lo âu chuyên nghiệp », những kẻ « mà hiện nay nước Mỹ chúng ta đang bị thâm nhập và khuấy phá như ông Job trong Kinh-Thánh ngày xưa bị mụn nhọt thâm nhập và khuấy phá vậy ». Ai cũng biết với những lời đó, ông ám chỉ ai, ngoài những đảng viên dân-chủ.

Tuy nhiên, ông Nixon vẫn được đảng Cộng-hòa nhất trí bầu làm ứng-cử-viên tổng-thống cho Đảng. Chúng ta có đủ lý do để tin rằng, nếu được ở ngoài vòng trói buộc của Eisenhower, chắc chắn ông Nixon sẽ theo khuynh hướng thiên tả. Ông đã phải buộc lòng nhượng bộ và câu chuyện « mười bốn điểm » minh chứng rõ ràng ông phải chịu nhiều hạn chế trong những tư tưởng, ý chí canh tân của ông. Nếu được bầu vào tháng mười một này và được « khánh - thành » vào tháng giêng năm 61, với ông Rockefeller ở bộ Ngoại-Giao hay Quốc-Phòng, chắc ông Nixon sẽ chẳng chịu dừng bước trên đường canh tân nữa. Còn cứ như hiện nay, những điều ông có thể trưng ra để tuyên truyền cho chính bản-thân chỉ gồm có những kinh-nghiệm không thể chối cãi của ông trong các vấn đề quốc sự, bộ dạng xác tín sâu xa của ông đối với tình thế và tài ba khôn khéo, tháo vát của « con nhà chính-trị ». Đó không phải là những lá bài vô giá-trị trước hiện trạng khó khăn của Hiệp-chúng-quốc. Đa số các đảng-viên Cộng-hòa cũng chỉ đòi hỏi có vậy. Họ hằng tự nhận

là những người có óc thực tế, thức thời. Họ rất không ưa lý tưởng và những người lý-tưởng, họ rất ghét những nhà chính-trị lý thuyết và những kẻ hay biện-luận dài dòng. Họ thường nói : « Lý thuyết đối với chúng tôi chẳng có nghĩa gì, chúng tôi sẽ đầu phiếu tháng mười một tùy theo giá cả mục-súc vào mùa thu này ở công-trường Saint-Louis. »

Tuy nhiên, chúng ta cũng nên phụ thêm vào giá-cả mục-súc tại thị-trường Middle-West, những lời tuyên bố mà ông Kơ-rút-sốp sẽ tung ra vào dịp mùa thu tới tại điện Cẩm-Linh hay một nơi nào khác nữa. Trước mắt người dân Mỹ, ông Nixon là kẻ có khả-năng đương đầu thắng- lợi với Nikita. Người đánh cặp với ông là Henry Cabot - Lodge cũng là kẻ, trong bao năm, tại Liên - hiệp - quốc, đã từng biết văng vào mặt các tay ngoại giao gian quyết xô-viết những lời đối đáp sấm-xét mà nghiêm khắc cực kỳ. Đó mới là điều đáng kể nhất. Vì người dân Mỹ có đi bầu vào tháng Mười một cho ông này hay ông nọ, cũng chỉ là đi bầu cho giá cả mục súc, lúa bắp trên thị trường, nghĩa là rút cuộc đi bầu để chống lại ông Kơ-rút-sốp như chống lại quỷ ma. Mà đi bầu để chống lại quỷ ma, thì ai cũng thấy rằng chẳng cần phải có nhiều lý-thuyết cho lắm làm gì.

Về phe Dân-chủ

Giữa quỷ ma và Eisenhower, đảng Dân-chủ Mỹ có thái-độ nào và quốc-dân Mỹ quan-niệm về họ ra sao ? Người đảng Dân-chủ Mỹ tập họp tại Hiệp-ước hội-nghị từ ngày 11 tới ngày 15 tháng Bảy tại Los Angeles, đã tấn phong thượng nghị

sĩ Kennedy làm ứng-cử viên tổng thống cho Đảng, tuy vẫn tiếc không thể bầu được cho ông Stevenson. Cứ theo các chuyên viên về các vấn-đề « public relations » đã hoạt-động quanh ông thượng nghị-sĩ, trong dịp vận-động tuyển-cử, thì sự thăng tiến của « Jack » sẽ chấm dứt một thời đại suy tàn và mở một kỷ nguyên mới mẻ. Thế kỷ XX sẽ lọt được vào tòa Bạch-ốc; giờ của hưu dưỡng và viện bảo-tàng sẽ cho điểm cho những đoàn thể già nua, tuổi tác, công chúng đã bấy lâu quen thuộc và mọi người sẽ có dịp chứng kiến những kiến tạo tân kỳ, những lời lẽ mới, những thể thức mới, v.v...

John Fitzgerald Kennedy (Jack là tên gọi của gia - đình và của thân hữu) năm nay mới bốn mươi ba tuổi, đối với ông Nixon vừa bốn mươi bảy. Kể hơn kém nhau có không đầy bốn tuổi thì cũng khó lòng phân định được ranh giới giữa trạc thanh niên với vóc trưởng thượng. Ông Kennedy có vẻ trẻ hơn tuổi nhiều. Ông là « dòng dõi con nhà », tốt nghiệp Đại học Harvard, lại ăn vận quần áo đo theo kích thước, nên vẫn mang nơi thân hình một vẻ phong lưu, anh tuấn khiến người gần ông còn cảm thấy sự mùi « đại học ».

Tóc ông khô cứng, do bởi thuộc giống Ái-nhĩ-Lan, chứng tỏ ông là người kiên quyết, có nhiều khí lực. Hơn thế, ông còn được công kênh, nâng đỡ, chăm chút bởi một gia đình đông đảo đầy những anh ruột, em dâu, người nào cũng vui tươi sang giàu, ham hố, đam mê bênh vực lẫn nhau và cũng ưa dùng những phương tiện mới mẻ nhất để mưu sự thành công; họ không từ cả đến những phương tiện có tính chất

xung phong nhất, như hội họa trừu tượng và thời trang Ý-đại-lợi.

Tóm lại là họ có đủ khả-năng phát-động nổi một « đợt sóng mới ».

Từ ngoài ngó vô, kiểu cách sinh-hoạt của gia-đình đó không làm cho người dân Mỹ thích thú chút nào. Người ta cảm thấy tất cả mọi người trong gia-đình đó đang cắt công vận động với một tính toán kỳ khu, để cho người của họ bước lên những mức thang của đài danh vọng tuyệt đích. Họ thấy rõ ở bản thân của ông Thượng nghị sĩ, của người anh em ruột thịt với ông, là ông Robert (thường gọi là Bob) và của nhân vật đáng sợ hơn hết là ông già quắc thước vẫn được mệnh danh là « Old Joe », ba cha con dưới một mái nhà có thể hợp thành ba quái kiệt chính trị thượng hạng, dám làm những việc « động trời ». Ai cũng biết thế và ai cũng lấy điều làm ngại.

Người dân Mỹ không phải ghét bỏ gì cái vẻ thanh-niên cương liệt, nhưng hình như họ không muốn giao quyền hành cho những người mà họ cho là phù bạc, kênh kiệu, nhất là họ không muốn cho tòa Bạch - ốc trở nên thái ấp của một gia-đình.

Cũng nên biết thêm điều này là: dòng dõi Kennedy tuy ở Ái-Nhĩ-Lan và vốn theo công-giáo, song đã gia nhập dòng dõi quý tộc Tân-Anh-Cát-Lợi từ hai thế hệ; thủ-đô của Tân-Anh-Cát-Lợi lại là Boston nơi vẫn từng nổi tiếng là chuộng thói phù hoa nhất liên bang. Đó là điều làm tăng uy tín cho họ Kennedy rất nhiều trước mắt toàn bộ miền duyên hải phía Đông, miền Nữu - Ước, phái thượng lưu ở đô

thị và hạng giàu có ngoại châu thành. Đối với họ Kennedy, gia - đình Nixon có vẻ là một gia-đình chí thú miền quê. Tên tuổi, hình ảnh ông, bà ít thấy được phô bày trên màn ảnh hay báo chí, trái hẳn với gia-đình Kennedy. Không có tuần lễ nào qua mà báo chí không tung ra trước hàng triệu độc giả hiếu kỳ, tọc mạch, mãi miết nhìn ngắm những bức hình chụp phong cảnh sung túc, quý phái của gia-đình Kennedy, với những màu sắc rực rỡ trên nền giấy láng bóng trắng tinh. Công chúng có thể trầm trồ, khen ngợi và đôi khi cũng thêm muốn, ước ao, song bản năng nghiêm cách, « *puritain* » của họ thậm nhủ họ rằng không cần phải thuộc hạng cao sang mới có thể trở nên một Tổng-thống giỏi. Họ biết rằng xuất thân từ trường tiểu học, các bậc vĩ nhân của họ hầu hết đều « thân lập thân » đã từng ngủ trong những căn nhà gỗ ọp ẹp, phải bán báo hay lao động chân tay để nuôi sống mình và đi học, như Lincoln hoặc Eisenhower.

Người ta đã nói rất nhiều đến tôn giáo của ông Kennedy trong cuộc vận động tuyển cử, song như chúng tôi đã trình bày trong một số báo trước đây (Bách khoa số 85-86) vấn đề ấy, do bởi cuộc tiến triển trong tâm lý của người dân Mỹ Tin Lành đã bớt đi được nhiều phần kịch liệt, và cũng chưa chắc gì hết mọi người công giáo sẽ nhất tề bỏ phiếu cho ông Kennedy chỉ vì ông là người công giáo như họ.

Thái độ của hàng giáo phẩm Mỹ-quốc cũng tỏ ra hết sức dè dặt. Chưa có dấu hiệu gì tỏ ra họ sẽ chính thức lên tiếng ủng hộ ông Kennedy, trái lại, có những triệu chứng tỏ ra họ lo ngại khi có một tổng thống công-giáo ngồi tòa Bạch-Ốc. Ở La-

Mã cũng vậy, Đức cha Montini, mùa xuân vừa qua, đã rất kín đáo du hành qua Hiệp-Chúng-quốc để thăm dò dư luận. Kết quả của cuộc thăm dò ấy ra sao, chưa ai được biết. Song có điều chắc chắn là ngài đã không gặp ông Kennedy và trong các cuộc tiếp tân tổ chức mừng vị Hồng-Y Tổng giám mục Milan, ông thượng nghị sĩ đã không được mời dự, tại Hoa-Thịnh-Đồn cũng như tại các nơi khác.

Cũng như chương trình của ông Nixon, song vì những lý do khác, chương trình của ông Kennedy chẳng có gì mới lạ lắm, có lẽ nó cởi mở hơn, tích cực hơn đôi chút, và theo đúng đường lối New Deal (1) của ông Roosevelt và đường lối Fair Deal của ông Truman trước — Điểm dị biệt căn bản có lẽ nằm trong vấn đề ngân sách, do hai phe trí thức của hai đảng đối lập. Đối với phe trí thức Cộng hòa thì quân bình ngân sách là điều tối linh, bất khả xâm phạm. Khẩu hiệu của ông Eisenhower là « không thể chi hơn nếu không thu hơn ». Đối với « bè lũ hoang phí », ông có sự khinh miệt của bà nội-trợ phải « giật gấu vá vai » mới tạm đủ dùng, mà có đàn con cứ chực đòi tiêu « vong mạng ». Chúng ta nên biết rằng có hàng triệu người Mỹ cũng đồng một ý kiến với ông Tổng-thống đương kim.

Phe trí thức Dân-chủ thì lại nghĩ khác.

Họ cho rằng nguồn gốc suy yếu của quốc-gia hiện tại gây ra chính bởi Đảng Cộng-hòa kém trí tưởng tượng.

Họ lên án Cộng-hòa vì đã không đánh giá đúng mức năng-xuất phát triển kinh tế quốc-gia ». Triết-lý của bọn Cộng-hòa chủ yếu

(1) Newdeal, Fairdeal : Chương trình (chính trị vài kinh tế) của các ông Roosevelt và Truman.

bi-quan, người Nga sở-di thắng thế là do bởi sự rụt rè của « Ike » và cũng do bởi đó, mà chính-sách đối ngoại của Mỹ-quốc kém sự bao quát và thiếu hẳn nhiệt tình ». Họ còn nói : « Eisenhower thật là con người kỳ dị. Ông khua động luôn luôn mà chẳng làm nên công cán gì. Ông đi hết ngày mà chẳng tới đâu cả. Hình như ông chỉ lo tránh tiếng cho hiện tại, còn để mặc cho tương-lai phải mang gánh nặng của đồng tiền mà ông tưởng là tiết-kiệm được. »

Người Cộng-hòa liền đối lại : « Chính các ông mới là bọn người bi-quan. Chính các ông đã luôn miệng rêu rao Hiệp-Chúng-quốc đã trở thành cường-quốc hạng nhì. Chính các ông đã đòi Tổng - thống phải xin lỗi Kơ-rút-sốp sau vụ « U-2 ». Đây, giấy tờ còn đây, các ông còn bảo ai là kẻ chủ bại ? »

Những lời qua tiếng lại như trên sẽ diễn ra mỗi lúc một hăng cho tới ngày 8 tháng 11 này.

Sau hết, còn có một yếu tố khá quan trọng nữa, yếu-tố này có lẽ sẽ làm nặng đồng cân cho phe Dân-chủ trong cuộc tuyển-cử. Đó là thành phần trí - thức xuất thân từ các trường Đại - học có tiếng của

Mỹ - quốc, hợp thành một nhóm riêng biệt cũng như đã xảy ra trước đây nhân dịp ông Stevenson ra ứng cử Tổng-Thống trước đây. Một số đông các văn gia, nghệ sĩ, bác học, giáo-sư, học giả hiện đang quây quần quanh ông Kennedy, quyết lòng đem tài trí ra ủng-hộ, phò tá ứng-cử-viên của đảng Dân-chủ. Phe nhóm trí-thức này kết tập dưới hình thức một chủ não đoàn, *brain trust*, cùng nhau tranh-luận, suy tính, viết lách với hy-vọng thiết lập đại bản doanh tại tòa Bạch-Ốc và người nào cũng tưởng như mình đã ngự tại đó rồi. Đây có phần là một cách phục thù của họ sau tám năm bị người ta coi rẻ. Vì ai cũng biết tinh-thần là món chỉ người Dân-chủ mới thật ưa thích, còn người Cộng-Hòa thì thường khi vẫn tỏ vẻ khinh miệt.

Thật ra thì thành phần trí-thức chỉ đại-diện được có một phần trăm trong dư luận tuyển-cử và dù sao cũng còn một đại đa số người Mỹ quyết-định bầu theo giá cả mục-súc ở trên thị-trường và những lời si và mới nhất của ông Kơ-rút-sốp...

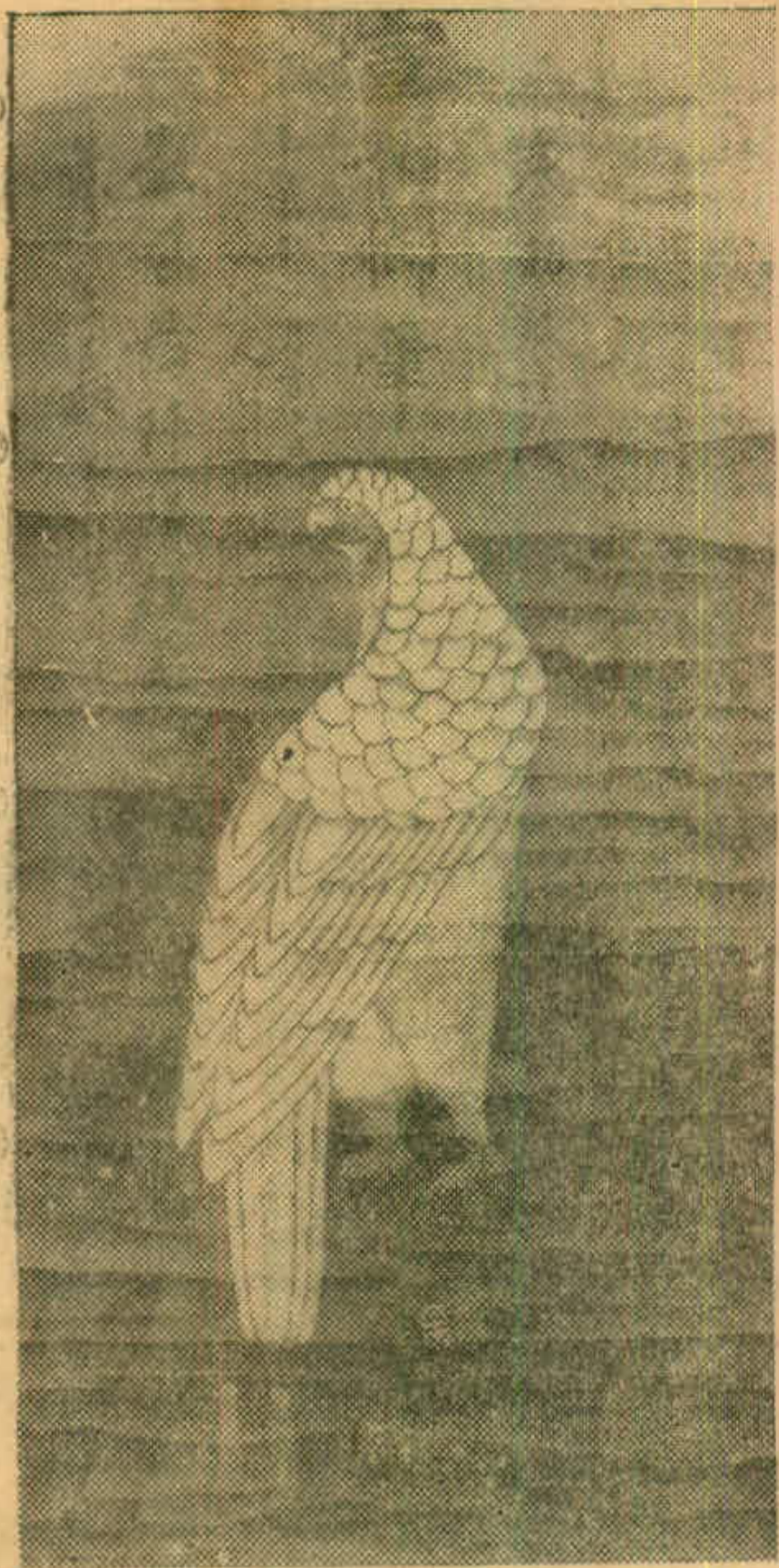
HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT ĐÀO LUYỆN NGƯỜI CỘNG TÁC

- ★ Người cầm đầu giỏi không bao biện trong việc chỉ huy, trái lại, biết khuyến khích người khác chỉ huy và tìm dịp cho người khác chỉ huy. Lyautey nói : « *Chỉ huy là khiến cho người khác chỉ huy ; là làm cho tế bào sinh-động nảy nở thật nhiều trong tổ chức của cơ thể . những tế bào sinh động ấy là những người cầm đầu.* » (Courtois)



ĐỒ SỨ ĐẠI-TỔNG

VÀ

TRANH ĐẠI-TỔNG

NGUYỄN-VĂN-THU

NHÂN đọc bài (Từ chén trà Đại-Tổng đến tích trăm Trịnh-Ân) của Ông Vương-Hồng-Sên, tôi có dịp nhìn nhận tại trang phụ-trương mấy hình chén Tổng và một cái hũ.

Ai đã nhập môn nghề sưu tầm cổ vật tất phải được nghe giảng về giá trị của các cổ vật :

Đồ đồng như kiếm, lư đình, thì tìm nhà Chu, nhà Hán.

Đồ sứ men màu thì hỏi nhà Tống, nhà Minh và men Chàm thì phải tìm niên hiệu Khang-Hy nhà Thanh.

Đây là chuyện đồ sứ thuộc về thời đại nhà Tống tức là thứ đồ sứ quý giá nhất trong các loại đồ sứ.

Tác giả đã vui vẻ giảng cho ta một cách rất rõ ràng, ý vị — và rất thú vị nếu có thể nói thế được — quá trình của cái chén Tông-từ lúc nó là chén uống rượu cho đến ngày nọ bút giáng xuống làm chén uống nước trà, nghĩa là tất cả mảnh khốe của vua Thái-Tổ nhà Tống trong tấn tường « Xích-Long túy tửu, Hắc-Hồ Quy thần ». Tuy nhiên về chỗ chiếc hũ Tống thì chúng tôi còn vài diềm muốn thỉnh thị Vương quân.

ĐỒ SỨ ĐẠI-TỔNG VÀ TRANH ĐẠI-TỔNG

Vương quân có trình bày tấm ảnh một chiếc hũ nhỏ có chạy cánh hoa sen và viết rằng: «Tương truyền đời nhà Tống người Tàu qua chiến tranh cùng nước Việt-Nam ta khi chết thường liệm hài cốt Tướng-sĩ tử trận trong hũ sành loại này.»

Về loại hũ sứ này chúng tôi cũng có được một chiếc và thấy nó cũng có những đặc điểm như chiếc hũ trong ảnh ; nghĩa là :

— Cao độ 20 phân tây.

— Màu da trắng ngà ngà, có rạn mạng nhện (khác với màu da xanh rêu thẫm hay xanh đen của men Tống Trung-Hoa)

— Chất đất nhẹ (khác với chất sứ của đồ Tống Trung-Hoa).

Loại hũ này cũng như vài món vật dụng khác thuộc loại bát chén đều chung một sắc men, và một chất nguyên liệu, đều tìm thấy được ở vùng Thanh-Hóa cho nên loại đồ sứ được mệnh danh là đồ Tống Thanh Hóa.

Vấn đề đồ Tống Thanh-Hóa và đồ Tống Trung-Hoa cần được nhận định về nhiều phương diện :

a) *Phương diện nghệ thuật.* — Tuy rằng hai thứ đồ sứ đều do người Trung-Hoa thời Tống chế tạo ra, nhưng hai nghệ thuật khác hẳn nhau ;

Đồ Tống Thanh-Hóa rất mỏng mảnh, nhẹ, làm bằng đất nung, men ngà ngà và bóng. Không bao giờ có ánh kim-sa chỉ có đường nứt mạng nhện màu gạch.

Đồ Tống Trung-Hoa nặng chình chịch ; hơn nữa các chén đến đĩa, bình hoa đều dày dặn và mát lạnh (do đó những bát, bình hoa Tống dùng để thực vật trong mùa nực có năng lực giữ cho vật lâu hư, cắm hoa lâu héo.

Có người cho rằng sở dĩ đồ Tống mát và nặng vì nguyên liệu chế tạo là một thứ sa thạch. Đem đá tán nhỏ cho thật mát, lọc qua mấy tầng bể nước rồi rây qua lụa được một chất bột sứ, chất rất mịn. Vì lẽ phải dùng công phu như thế nên đồ sứ đời Tống rất hiếm và quý giá. Nghệ thuật hội ấy chỉ đủ để phụng sự quý tộc. Đồ sứ là một trong những sản phẩm ít khi lọt ra ngoài nhân gian. Làm được chiếc nào thì đem tiến nội. Vua dùng và thỉnh thoảng ban cho

Mở cửa

Vua Thái-Tổ nhà Tống, trọn đời giữ được tâm sự rất quang minh. Trong cung có bao nhiêu cửa, vua thường sai người mở hết ra cho mọi người trông thấy mà nói rằng: «Ta mở cửa ra thế để nếu lòng ta có gì quanh co, thần dân đều thấy cả». Đó cố nhiên chỉ là một hành vi tượng trưng, nhưng sau người đời hay dùng bốn chữ: «*Động khai trùng môn*», Mở trống mấy lần cửa, chỉ người có tâm sự quang minh, không hề sợ ai dòm ngó.

các đại-thần đề thường công, các quan đem cho lại thân thích của mình đề truyền tử lưu tôn làm kỷ vật.

b) *Mục đích khác nhau.* — Đồ Tống Trung-Hoa được chế tạo với cứu cánh dĩ nhiên của nó : chén đề uống rượu, uống trà, bình đề cắm hoa và bát đĩa đề đựng quả vật.

Đồ Tống Thanh-Hóa, như Vương quân đã nói đúng hướng về một mục đích khác. Các hũ sành được chế tạo ra cốt đề lưu trữ di hài của người Tống chết ở tha phương trong khi chờ đợi dịp đem về Bắc địa. Thàng hoặc người ta có thể tạo các chén bát khác thì cũng chỉ là những thứ làm thêm chớ không phải là mục đích chính.

Sau khi hoàn toàn đồng ý với Vương quân về nhiều điểm tôi nhận thấy, về đoạn giải-thích, tôi cần trình-bày một vài ý-kiến riêng mong Vương quân chỉ chính.

Các đồ sứ Tống gọi là Tống Việt-Nam đều đào được ở Thanh-Hóa. Ngoài ra không đâu có nữa vì vậy nên được hõn danh là Tống Thanh-Hóa. Người Trung-Hoa ở Thanh-Hóa, tác-giả các loại đồ sứ này, có một lịch-sử:

Khi Ông Lý-Thường-Kiệt và Tôn-Đản vào khoảng năm Ất-Máo (1075) đem quân sang vây Châu - Khâm, Châu Liêm, đề phản - đối chính - sách của Tề-tướng Vương-An-Thạch, có bắt về một số tù-binh. Số người này được phát lưu vào Thanh-Hóa đề dùng vào công cuộc khàn hoang. Đất Hóa Châu hồi đó là biên cương phía Nam của Nước Đại-Việt. Những người Tống này mang nghệ thuật nung đồ sứ của Trung-Hoa sang đề

cung ứng cho nhu cầu cần thiết của họ là đem tro xương của kẻ mệnh một chôn đất khách về chôn nơi quê nhà (khi có người chết họ đem lên đàn hỏa thiêu lấy tro đề vào hũ, y như kiểu các nhà sư làm lễ Trà-Tỳ,).

Vì không có nguyên hiệu và sản phương tiện tại chỗ, nên bọn Tống binh đã dùng đất nung chớ không dùng sa-thạch. Do đó bên ta mới có một thứ Tống Thanh là sản phẩm của dân Bắc - Quốc trên con đường di-cư cưỡng-bách; cố nhiên những đồ Tống này không có giá trị bằng những đồ sứ của chính-quốc Đại-Tống làm bên Trung-Hoa

Từ đồ sứ nhà Đại-Tống ta đi sang các họa phẩm.

Các loại tranh vẽ đời Tống, đời Minh đều quý giá không kém vì các loại đồ sứ; có khi hơn cả đồ sứ nữa vì lẽ đồ sứ đề giữ và các bức họa thường chịu ảnh-hưởng của thời-gian.

Xét các bức họa nhà Tống thì có lẽ quý nhất vẫn là mấy bức tranh hoa điều của Tống Huy Tôn (1253-1278).

Một nhà phê-bình nghệ-thuật có nói rằng : nghệ-thuật Trung-Quốc có thể tượng trưng bằng một lọ Túy-Hồng và một bức tranh chim Ưng-Dương.

Lọ Túy-Hồng là lọ tráng men ửng đỏ mà hiện giờ thứ men ấy đã thất truyền

Tranh Ưng-Dương thuộc về loại tranh cầm điều mà chính Vua Tống-Huy-Tôn ngự bút vẽ ra.

Đề Quý Vị có ý niệm về các bức họa của Tống-Triều, tôi xin hiến Quý-Vị một màu ảnh chụp bức tranh (Ưng-Dương) mà chúng tôi có may mắn giữ được.

ĐỒ SỨ ĐẠI-TÔNG VÀ TRANH ĐẠI-TÔNG

Sau đây là các đặc điểm của bức giồng chữ đại tự chân phương ghi câu tranh ấy :

1^o) Hình vẽ ngay ngắn ở giữa bức tranh biểu-lộ sản phẩm của ngòi bút đế-vương, lúc nào cũng ngay ngắn, nghiêm-trang và chính-vị.

2^o) Vẽ trên lụa, vì lâu ngày lụa đã nhuộm mùi thời-gian và mòn gần hết tơ.

3^o) Vẽ bằng thủy mặc, điềm trên châu phấn khiêu cho trải qua bao nhiêu năm mà màu trắng khôn bị phai nhạt.

4^o) Chính giữa bức tranh và về phía trên có đóng một dấu son nét son đã xuống màu.

5^o) Dấu son quốc bảo đóng lên một

« TUYÊN-HÒA NGỰ BÚT »

6^o) Bên phía tả là bài bạt của Đoàn-Minh-Điện Đại-Học-Sĩ Hạ Cháp Trung. Đại ý nói rằng : Bệ hạ đã dùng diệu bút lấy màu sắc mà diễn-tả một thế võ cánh vượt qua ngàn dặm trông rõ như muốn bay muốn kêu. Thật là thần trí của Đức Vua ngang với Tạo Hóa vậy.

7^o) Bên hữu là thủ bút của hai nhà danh họa Trường-Châu và Đông-Sơn. Hai người này đã từng được mắt coi bức họa (Tá Quan) nên ghi chữ làm bằng và có dấu son làm tín hiệu.

NGUYỄN-VĂN-THU

- ★ Muốn đào luyện người cộng-tác và muốn làm cho sự liên lạc giữa họ với nhau được dễ dàng, người cầm đầu phải nâng cao công việc chuyên môn của họ lên để họ được tham gia vào công việc của mình và phải cất nghĩ cho họ hiểu lai do chỉ thị của mình. Có hiểu biết đường lối, tư-tưởng của người cầm đầu, người công tác mới mau đạt tới tinh thần tập thể lý tưởng trong đó người cầm đầu chỉ mới nói có nửa câu là người công-tác đã biết người cầm đầu muốn gì rồi (Courtois)

Sức hấp dẫn của người có ân đức

Đời xưa, đề chỉ lý tưởng của người quân tử, có ân đức tràn khắp mọi nơi, người ta dùng bốn tiếng cực tả được sức hấp dẫn của lý tưởng ấy : « Cận duyệt viễn lai », người gần thì lấy làm vui mừng vì được ở gần người có ân đức, người xa thì nức lòng tìm đến để tôn sùng, học hỏi người có ân đức.

« TẾ CẦU VĂN »

CỦA CỤ THỦ-KHOA HUÂN

NGUYỄN-VĂN-HẦU

NÓI tới cụ Thủ-khoa Huân, đồng-bào trong nước chắc không ai không biết. Cụ tên thật là Nguyễn-Hữu-Huân, người tỉnh Mỹ-Tho, đỗ Thủ-khoa dưới triều Tự-Đức, bạn đồng học với các cụ Cử-Trị, Học-Lạc, Tiến-sĩ Đạo và Tiến-sĩ Tông.

Lúc quân Pháp chiếm Nam-Kỳ, bắt ép cụ Phan-Thanh-Giản ký tờ hoà ước 1.862, cụ Thủ-khoa cũng như nhiều sĩ-phu, hào-mục khác, nóng lòng vì Tổ-quốc bị xâm-lãng, nên vùng dậy phát cờ gióng trống hô hào khởi-nghĩa.

Võ công của cụ ra sao, nhiều sách, báo đã nói; ở đây chúng ta hông bàn đến chuyện đó nữa, mà thử cùng nhau đi thẳng vào con đường văn-nghiệp của cụ, để xem cụ đã đem tài khoa-mục mà đóng góp cho nền văn-học Việt-Nam những gì.



Xưa nay, thơ văn cụ, truyền-tụng có bốn bài này :

Trên đường đi đày

*Muôn việc cho hay số bởi trời,
Chiếc thân hồ-hải biết đâu nơi!
Ấy hồi tên đạn ra tay thử,
Ngàn dặm non sông dạo gót chơi.
Đến rượu Tần-đình nào luận tiệc,
Văn thơ cổ-quốc chẳng ra lời.
Cương-thường bởi biết mang nên nặng,
Hể đứng làm trai chác nợ đời.*

Thuật-hoài

*Nghĩ then mảy râu với nước non,
Nhìn nay từng cúc hây thom còn.
Miếu-đường cách trở bề tôi chúa,
Gia-thất riêng buồn nỗi vợ con.*

« TÊ CẦU VĂN » ...

*Áo Hán nhiều phen thay về lạ,
Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon.
Giang-Đông nổi tiếng nhiều tay giỏi,
Cuốn đất kìa ai dám hỏi đon!*

Vịnh cây bắp

*Luôn g chịu ba trắng trắn côi bờ,
Là vì thương chút chúng-dân thơ.
Nương oai thích-lich ôm con đỏ,
Vâng lệnh nam phong trời ngọn cờ.
Miễn đặng yên nhà cùng lợi nước,
Chi nài dãi gió lại dầm mưa.
Biền hồ dẫu lặng, tâm kình bất,
Giải giáp một phen chúng thầy nhờ.*

Bị bắt và bị hành-hình

*Hai bên thiên-hạ thấy hay không?
Một gánh cương-thường há phải gông!
Oằn-oại hai vai quân tử trúc,
Long-lay một cò trượng phu tông.
Sống về đất Bắc danh còn rạng,
Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.
Thắng bại, dinh du, trời khiến chịu,
« Phàn thần » ... đeo quả đũa cười ông!*

Bài thứ nhứt, cụ làm lúc bị bắt rồi bị đi đày sang đảo Réunion. Cụ tỏ lòng tin ở mệnh trời — Khi cần phấn-đấu thì hăng-hái phấn-đấu, khi gặp nguy-vong thì bình-thản với nguy-vong (bốn câu phá, thực); Cụ nức-nở nghẹn-ngào vì tình yêu nước, và cụ nhận nhiệm-vụ người trai biết chuyện là phải rước lấy nợ đời, phải đeo gánh « cương-thường » dù trĩu nặng cũng không nên từ chối (bốn câu luận, kết).

Bài thứ hai, cụ khâu-chiếm giữa bữa tiệc vui, có đông đủ quan-viên Pháp, Việt —

bữa tiệc người ta bày ra đề dụ hàng cụ. Cụ nói lên nỗi lòng thương nhớ xa-xôi của mình (bốn câu phá, thực), nói lên cái vô-sĩ của những kẻ vì ham miếng dinh-chung mà đòi thay lòng dạ (hai câu luận) và nhấn-nhủ ai là kẻ tài-năng, hãy qua về tranh-đấu lấy độc-lập nước non (hai câu kết) (1).

Bài thứ ba, cụ vịnh cây bắp. Bắp chịu đựng ba tháng ở ngoài bờ ruộng là vì muốn cung-cấp giống bắp cho dân (hai câu phá); bắp nương oai sấm chớp, nương ngọn gió nam mà trờ cờ, nầy cùi, sinh hạt (hai câu thực); bắp không nài « gian khổ », chỉ hy-vọng được gặp cơn thái-bình, một phen lột vỏ (giải giáp) mà ban rải hạt bắp cho thầy thầy chúng dân (bốn câu luận, kết). Tuy nói về bắp, nhưng tựu-trung cụ mượn bắp để bày tỏ ý-chí của mình: cái ý-chí yêu nước thương nòi, muốn tranh đòi làm sao cho dân đặng « yên nhà cùng lợi nước » mà không hề tưởng nghĩ đến thân-xác của mình phải chịu đựng trong cảnh dãi gió dầm mưa.

Bài thứ tư là bài thơ tuyệt mạng, cụ đọc lúc sắp bị hành-hình. Cảnh trạng gông tre oằn-oại ở hai vai và cò long-lay vì đau sắp rụng, cụ chẳng chút sợ hãi mà còn bình-tĩnh phân-bua với thiên-hạ là một gánh « cương-thường » (bốn câu phá thực). Cụ mong ngày rạng danh nơi Bắc-khuyết, nào ngờ bị nạn ở thành Nam; việc thắng bại đều do ở mệnh trời, trời định sao phải đành chịu vậy, duy căm giận bọn bán nước, cướp nước, mà còn dám lên tiếng cười cụ

(1) Hai câu kết, cụ Thủ-khoa mượn ý trong hai câu thơ của Đỗ-Mục vịnh Hạng-Vô:
*Giang-Đông từ-đệ đa tài tuấn,
Quyền thờ trủng lai vị khả tri.
(Giang-Đông từ-đệ nhiều tài tuấn,
Cuốn đất trủng-lai chừa biết đâu).*

là « phản thần » là cái lại hòa-ước của vua (bốn câu luận, kết).

Lời-ý trong bốn bài thơ, hầu hết cứng-cáp, tinh-mật : lời dễ-dàng mà ý đưng-chứa, chứng tỏ cụ Thủ-khoa là một thi-sĩ có tài về thơ Nôm thời cận-đại.

*
**

Nhưng trên đó là những bài thơ thường truyền, không có gì lạ lắm. Một điều mới lạ là vừa đây, tôi tìm thấy trong một bản văn Nôm, có ghi tên tác-giả cần thận, một bài *Văn tế chó* của cụ Thủ-khoa Huân mà lâu nay, riêng tôi, chưa hề thấy ai nói tới.

Bản văn ấy được sao lại trong một tập bút-ký của cụ Tú Trần-Hữu-Thường, người cùng thời với cụ Nguyễn-Hữu-Huân. Bản ấy chép bằng mực tàu, trên những tờ giấy lịch lộn ngược, chứng tỏ được giá-trị xưa cũ của một thời nào, khi người ta bắt đầu đem bút sắt đời ngon bút lông (Xem ảnh bản chữ Nôm) (1).

Đây là bài *Văn tế chó* của cụ, mà tiêu-đề trong bản Nôm, chép là *Tế cầu văn*. Xin mời bạn thưởng thức :

(1) Chú ý : Trong bản Chữ Nôm này chép là *Thủ-khoa-Quân*, không rõ người ta đã chép lầm hay có dụng ý gì.

*Bày vóc mình thoát đã năm trơ ;
Bặt tâm-tiếng sao không dậy sủa !*

Hỡi ôi !

Hết tường ba ơn ;

Đã về một ngõ.

Nhớ chó xưa :

Tánh-khí vốn ngưi-nghè ;

Nết-na hay cử-cổ.

Ở trời Nghiêu an phận,

đam thân thờ ngưi

Chích chẳng đời ;

Nằm đất Thục khoanh đuôi,

giật mình sủa văng

Hồng đương lỗ.

Lạc đường ngàn dặm, dẫn

chủ - nhân chẳng lộn

đường về ;

Giữ cửa năm canh, ngăn

đạo-giả đã khua tai mõ.

Nào mấy ai hết sức, nương

mây xanh theo Ngũ-Bị

ngày xưa ;

Cũng có kẻ toan mưu, trộm áo trắng-

cứu Mạnh Thường thuở nọ.

Lòng không quên chủ, gặp người quen

ngồi lại liếm quanh ;

Tánh ý gần nhà, thấy kẻ lạ chạy ra

nhảy bờ.

Ngươi bao quản lời qua cửa miệng, gã

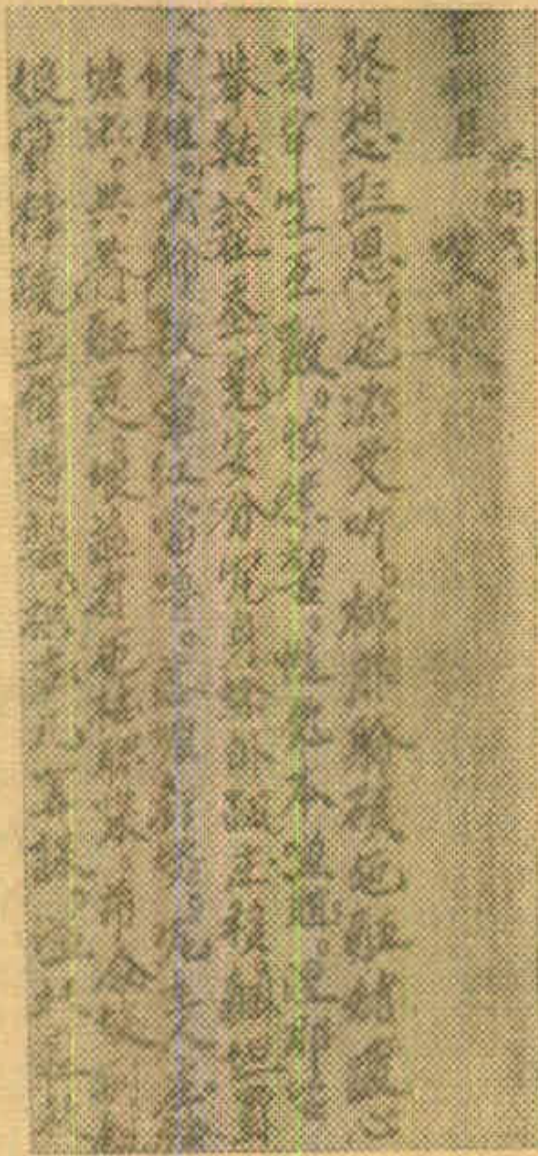
Tôn-Thông chê lũ cầu-du ;

Mầy đã đành ơn tạc trong xương, ông

Hán-Tô ví công Quan-vô.

Khi thanh vắng ở nhà gìn-giữ, dấy oai-

phong khiếp chuột kiêng mèo ;



Một trang đầu bản sách chép tay, chữ Nôm, chép bởi *Tế-cầu-văn* của cụ Thủ-Khoa Huân. Chữ *Huân*, trong bản này chép là *Quân*.

« TÊ CẦU VĂN »...

Lúc thành-thời theo chủ săn chơi, dở kỹ-
nghệ rượt chồn bắt thỏ.

Những tướng ở miền thế tục, sống trăm
năm rộng vóc dài lưng ;

Nào hay đâu bị lũ ả chơi, rứt một phút
nhăn răng méo mỗ.

Ôi !

Hồn xuống chín sông ;

Thịt ra một rô

Thương ới thương, mình rướm mỡ
vàng ;

Thảm ý thảm, thịt sa lửa đỏ.

Đồ tống táng có trưng, có mè, có sả,
có đậu, nấu-nướng rồi dọn đã đầy mâm ;

Việc tế chay này hằm, này xáo, này lụi,
này phay, mùi-mé đủ mức rồi khoả tộ.

Trên trước các thầy liêu-lại, đũa đôi
cây khêu gã vào mồm ;

Dưới sau mấy đũa xem hầu, rượu ba
chén đưa mảy vào cồ.

Chẳng sống chi năm chái năm hè ;

Thà thác đặng lên mâm lên cổ.

Thời nào thuở, cơm thì thừa, canh thì
cạn, thấy ốm-đau nào kẻ có màng ;

Đến lúc này, thịt thì béo, hơi thì thơm,
nghe xào-xáo nhiều người hỏi dọ.

Dầu có ức, mí lên thừa cùng Phật-Tồ,

— Sao Trí-Thâm thành Phật Ngũ-đi ?

Như có oan, gã xuống kiện với Diêm-La,

— Sao Phàn-Khoái phong hầu Vạn hộ ?

Phải tánh người thuần-hậu, để ai tài
chẳng t'ương tài ;

Bởi nết gã lẳng-loàn, nên phải số sao
đáng số !

Bài này làm trong trường-hợp nào ? Theo
lời chú-dẫn theo bài *Tế cầu văn* thì cụ
Thủ-khoa là một tửu-khách rất thích thịt
chó. Trong một buổi hội-âm liên-hoan, mà
đồ nhắm toàn là thịt chó, cụ đã thề theo
ý muốn của nhiều bạn hữu, viết bài này.

Nếu bốn bài thơ trên đã biểu-lộ được
lòng thương dân yêu nước của cụ Thủ-
khoa, rằng cụ bao giờ cũng khảng-khái bất-
khuất trước kẻ địch-thù, rằng cụ chẳng
thèm màng tới miếng ngọt mùi ngon của
thực-dân dụ dỗ .. thì ở bài dưới, tức bài
Tế cầu văn, cũng nói thêm rằng cụ luôn
luôn có một tâm-lõn trẻ-trung vui-vẻ, rằng
cụ là một người rất mực bình-dân, từng hòa

Đàn bà cực đoan

Cổ nhân có câu : « Phụ nhân nan hóa », Đàn bà khó giáo
hóa. Lời nói bi quan, nữ phái ngày nay hình như không chấp nhận.
Song cổ nhân nghĩ như vậy, phải chăng vì cùng quan niệm như
La Bruyère : « Les femmes sont extrêmes ; elles sont meilleures ou pires
que les hommes », Đàn bà thường cực đoan, họ tốt thì tốt hơn đàn
ông, mà xấu thì cũng xấu hơn đàn ông ?

mình với mọi người trong thôn-quê làng-mạc, rằng cụ cũng có tinh-thần trào-phúng, cười-cợt buông-đùa trước thế-sự thăng-trầm...

*
**

Thi - pháp và thi-tứ cụ, nói chung, dẫu thua kém những bài thơ của Cử - Trị, Học Lạc, mà đôi khi còn có chỗ chặt - chẽ, cạnh - sắc nữa là khác. Những bài thơ như vậy, chúng ta tin rằng vẫn còn mai một chứ chưa đã hết dẫu ; bởi vì trong thời bị-thuộc người ta sợ vạ lây mà không dám truyền. Những bài ấy, ai mà không ao-ước rồi đây có ngày sẽ được đọc thêm.

Về phần tôi, thấy ra sao, biết thế nào, xin « đọc » ra thế ấy ; còn như chuyện có hoàn toàn trung-thành theo nguyên-tác hay

không, thì xin nhờ sự xét lại, của các bậc thi-bá lão-thành trong nước (1).

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(1) Một vài người cho rằng trước khi hành-hình cụ Thủ khoa có đọc bài thơ này :

*Hân mã gian-quan vị quốc cửu,
Chỉ nhân binh bại trí thân lưu.
Anh-hung mạc bả doanh du luận,
Vũ-trụ tráng khang tiết-nghĩa lưu.
Vô bố dĩ kinh hồ lỗ phách,
Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu.
Đương niên Tho thủy lưu ba huyết,
Long đảo thu phong khởi mộ sầu.*

Mà Thượng-Tân-Thị dịch :

*Mồ hôi ngựa nước thù khó nổi,
Nhân thất binh đến đổi mình không.
Hơn thua nào luận anh-hung,
Rày xem tiết nghĩa lưu trong cõi bờ.
Lông chỏ sợ, hủi-hư phách giặc,
Đầu tướng-quân đánh chặt chẳng hàng.
Sông Tho nay giọt máu tràn.
Gió thu chiều thổi sầu lan còn rờng.*

Nhưng như vậy e không đúng. Vì nội cách xưng hô, ca ngợi, cũng đủ cho ta biết là bài thơ này của một nho-sĩ khuyết-danh nào khác về sau làm đề truy-tặng cụ Thủ-khoa chứ không phải chính cụ làm ra. Và không lý cùng một lúc mà cụ đọc luôn cả hai bài thơ tuyệt mạng.

★ Điều cần thiết trong mỗi công việc của tập thể là tránh sự chấp nối và muốn tránh sự chấp nối người cầm đầu phải lợi dụng hết, mọi cơ-hội đề bày tỏ cho mỗi người biết công việc của họ có liên-hệ đến công việc của người khác thế nào và nên chiết hợp với công việc chung của tập-thể ra sao. (Courtois)

Một câu nói của Louis XIV

Voltaire trong cuốn « Le siècle de Louis XIV, » thế kỷ vua Louis XIV, có nhắc lại một câu của vua này tỏ vẻ chán nản về thái độ của quần thần : « *Toutes les fois que je donne une place vacante, je fais cent mécontents et un ingrat* », Mỗi lần ta ban một chức vị khuyết chân là ta tạo ra một trăm kẻ bất mãn và một kẻ bội bạc. Phải chăng vì biết vậy mà người ta gọi Louis XIV là một bực anh quân ?

THẨM CẢNH NGOÀI BÈ KHƠI

HAY CÁI CHẾT BI-ĐÁT
CỦA 108 NGƯỜI TRUNG - HOA
THỜ TẠI ĐỀN CHIÊU-ỨNG Ở HUẾ

☉ BỮU - KẾ

N NGÀY 18 tháng 6 năm Tự - Đức thứ tư (16-7-1851) chiếc tàu Bằng Đoàn (1) đang đỗ ở bến Thị-Nại (2) bỗng hay tin có ba chiếc tàu khả nghi hiện bỏ neo tại đảo Chiêm-Dứ (3) đối diện với tỉnh Quảng-Ngãi. Chiếc Bằng-Đoàn, do Lang - Trung Tôn - Thất Thiệu và suất đội Phạm-Xích điều khiển, có nhiệm-vụ tuần tiễu hải phận các tỉnh Thừa-Thiên Quảng-Nam, Quảng-Ngãi và Bình-Định.

Hay tin có tàu lạ, chiếc Bằng - Đoàn nhổ neo lên đường. Đến trước cù-lao Chiêm-Dứ, thì quả có ba chiếc tàu Trung-Hoa tại đó. Tàu Bằng-Đoàn nã súng đại-bác bắn. Ba chiếc kia không dám chống cự, vụt chạy về hướng đông. Qua ngày 20 tháng 6 thì bắt gặp. Hai trong

ba chiếc trốn thoát, chỉ còn lại một, bị thương nặng, hạ buồm xuống đầu hàng.

Một thủy-thủ vâng lệnh của Phạm-Xích bắc loa gọi, yêu cầu hành-khách phải sang tàu Bằng - Đoàn để xét hỏi. Ba-mươi ba người Trung-Hoa, theo nhau kéo sang, sợ-sệt khúm-núm, trình thuyền-bài ra. Họ khai: « Chúng tôi đều là những người buôn bán ngụ ở Thừa-Thiên và Quảng-Ngãi nay trở về xứ trên một chiếc tàu buôn chứ đâu có phải là giặc bè. Chúng tôi có quen biết ông Tôn - Thất - Thiệu, trên chiếc tàu này.

Phạm-Xích và Tôn-Thất-Thiệu, không chấp - nhận lời khai ấy, sai Hiệp - Quản Dương Cù, đem một toán lính qua tàu kia khám xét. Trên tàu toàn hàng hóa, không có một thứ khí giới nào cả. Tuy thế

Dương-Cù vẫn được lệnh trói 47 hành-khách còn lại và qua đến canh hai thì giết tất cả và ném xác xuống bể. Những người Trung-Hoa bên tàu Bằng-Đoàn cũng chịu chung số phận. Tổng cộng là 107 người. Trong tàu có một hành-khách thoát nạn. Người đó ẩn dưới khoang thuyền vọt chạy ra, nhảy xuống bể. Tất cả đồ đạc, hàng hóa trên chiếc thuyền này đều chất sang chiếc Bằng-Đoàn và thủy thủ được lệnh sơn đen chiếc tàu buôn để biến nó thành tàu ô, thứ tàu của bọn giặc bể.

* * *

Thi hành thủ đoạn tàn-ác xong, ngày 27 tháng 6 (25-7-1851), Tôn-thất-Thiều và Phạm-Xích dâng phiến tâu lên vua Tự-Đức, miêu tả chiến - công oanh - liệt của chiếc Bằng-Đoàn như sau:

Hôm 18 tháng (6-7-1851), tôi hay tin có 3 chiếc tàu của bọn giặc bể ẩn núp tại đảo Chim-Dứ. Chúng tôi nhờ neo nhắm hòn đảo ấy thẳng tiến. Nhờ có ống viễn-vọng, chúng tôi trông thấy rõ ba chiếc tàu khả nghi ấy. Tàu giặc dùng đại-bác để tấn công chúng tôi, nhưng chúng tôi đã kháng cự lại rất anh dũng. Tàu địch phải bỏ chạy. Đến hôm nay 21 thì chúng tôi đuổi kịp. Hai bên lại chiến đấu dữ - dội. Chẳng bao lâu một chiếc của chúng bị trúng nhiều phát đạn chìm ngay tại chỗ. Chiếc thứ hai, chạy về hướng đông và mất biệt tăm dạng. Riêng chiếc thứ ba bị đạn rất nặng đang bồng bênh trên mặt bể. Bọn cướp trên tàu, sau cuộc chiến đấu, phần chết, phần bị thương, chỉ còn lại mười đứa, Hiệp quản Dương-Cù cầm đầu một bọn thủy-thủ bước sang thuyền địch. Bọn cướp vẫn không chịu

đầu hàng đã chống cự một cách thất vọng. Một trận đánh nữa đã xảy ra giữa chúng tôi và bọn cướp. Chúng nó bị tiêu-diệt hoàn toàn hoặc chết, hoặc nhảy xuống biển trốn thoát. Chiếc tàu giặc đã được kéo vào Chiêm-Dứ.

Về phần chiếc Bằng-Đoàn chỉ bị thương nhẹ, có thể tu bổ dễ dàng. Hai khẩu đại bác hư hại đôi chút, còn binh lính đều được vô sự.

Sau khi thêu dệt thành một câu chuyện để tăng thêm uy tín cho mình, Tôn-thất-Thiều và Phạm-Xích xin với nhà Vua ban thưởng cho quân lính, vì nhờ có lòng can-dảm của họ nên mới thâu hoạch được kết quả tốt đẹp ấy.

Tờ phiến nói trên đã khiến vua Tự-Đức hoài-nghi. Nạn tàu ô từ trước đến nay đã gieo họa lớn cho các thuyền buôn Việt-Nam triều đình đã cố sức tiêu trừ vẫn không đem lại kết quả mỹ mãn. Lúc ngự giá về thuận An, đặt kính viễn vọng nhìn ra ngoài bể khơi, Vua đã từng chứng-kiến việc tàu ô uy-hiếp các tàu buôn Quan quân đều bắt lượm. Lúc ấy vua Tự-Đức đã mượn lời của một người khác để làm thơ châm biếm.

Bài ấy khá dài, nhưng rất tiếc vì lâu ngày tôi không nhớ được hết. Trong đó có những câu :

*Tung hoành bố mẹ xi-lô,
Bắt đi hai chiếc, ai mô chẳng tường.
Bắn thì phát vẹo, phát xiên
Bắn thì chẳng trúng vào thuyền tàu ô.
.....
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Làm quan ăn uồng lộc trời lảm ru!*

Để rõ hư thực thế nào, vua Tự-Đức sắc giao cho Bộ Binh xét lại :

1. — Khám chiếc Bàng-Đoàn, nếu quả có cuộc giso-phong thì thế nào cũng có những vết đạn của địch bắn trúng.

2. — Khám chiếc tàu của địch, có phải là tàu giặc bề không ?

Vâng lệnh vua Tự-Đức, bộ binh phái Lang-Trung Phạm-Rá-Tùng ở Ty Hòa, bác Cai đội Tôn-thất-Quyền ở Dinh Thần Cơ khám chiếc Bàng-Đoàn.

Cứ phái viên phúc trình thì chiếc Bàng-Đoàn bị mấy vết nứt rạn ở mặt trước và hai bên, nhưng không phải dấu vết của đại bác bắn, mà do một vật gì chạm phải. Sau cuộc điều tra và chất vấn các binh sĩ đã ở trên chiếc tàu Bàng-Đoàn từ trước thì những vết thương đó có đã lâu vì mấy cái neo trên tàu chạm phải.

Khi đọc tờ tâu của Bộ Binh về cuộc điều tra này, vua Tự-Đức phê : « Phạm-Xích mang tâu cai thuyền vì phí xạ trúng thuộc khinh, trí võ xuyên quán, hy đồ yếm sức, dĩ thọ kỳ trá, quá hệ khi quân vong nghĩa vô sở bất chí » (Phạm-Xích tâu man rằng tàu của y bị giặc bắn trúng nhẹ nên không hy vọng che lấp sự thật để đặt điều dối trá quả thật khi quân vong nghĩa, chẳng việc gì là không dám làm).

Còn việc khám tàu giặc thì Bộ Binh giao cho viên ngoại của Bộ là Nguyễn-Văn-Tấn đến tận nơi để điều tra. Lúc trở về Nguyễn-Văn-Tấn phúc trình rằng « Tôn-Thất-Thiều và Phạm-Xích đã khai đúng sự thật. Chiếc tàu ấy dài 4 sào 1 thước, rộng 1 sào 1 thước, bề sâu 6 thước mình sơn đen, có hai cột buồm, 1 bánh lái và một cái ghe nhỏ kèm theo. Khắp thân tàu đều bị dấu vết của đạn bắn. Vật hạng trên tàu gồm có gạo, vải lụa và hàng hóa lặt vặt, lại có một khẩu súng bằng gang dài 9 tấc, hoàn toàn

bị rỉ không dùng được, hai viên đại bác, 1 thùng thuốc súng »

Trong khi dâng lên vua những lời điều tra của Nguyễn-Văn-Tấn, Bộ Binh thêm vào ý kiến như sau : Chiếc tàu ấy sơn đen lẽ tất nhiên không phải là tàu buôn, và theo lời khai của đội quân và quân lính trên tàu thì hành khách đều là đạo tặc. Nhưng trong khi kẻ địch không chống cự được mà lại tàn sát hết cả thì thật quá đáng ! »

Mấy hôm sau, viên đội trưởng Trần-Văn-Hựu bỗng nhiên sinh ra hổ hận, thản cảnh vừa diễn ra trên bề cả như đè nặng lên lương tâm, anh ta đem tất cả sự thật ra đề tố cáo. Bộ Binh đành phải đệ tờ khai ấy, dâng lên vua Tự-Đức.

Xem xong Ngài liền phê, đại ý : « Phạm-Xích và Tôn-Thất-Thiều dâng sớ tâu cho « trăm biết về việc bắt được tàu giặc. Đọc « xong tờ sớ, trăm ngạc nhiên khi nhận thấy, « chiếc tàu bị bắt nhưng sao lại không « có thủy thủ và cũng không có lấy một « tội phạm nào để làm bằng ? Điều đó « khiến trăm phải suy nghĩ và làm cho « trăm thương tâm. Trăm đã sắc cho Bộ « Binh phải điều tra việc này. Tờ phiến « đầu tiên của bộ cho hay bọn giặc khách « đã chống cự mãnh liệt và đều bị giết « chết tất cả, điều đó chỉ làm cho lòng nghi « hoặc của Trăm tăng lên mà thôi. Cũng vì « thế mà trăm ngần-ngại trước khi duyệt y.

« Nay Bộ lại tâu thêm rằng Phạm-Xích « và đồng lõa đã điều thoa mưu mẹo để mong « tưởng thưởng. Thật là những kẻ gian-sảo, « tham lam và tàn ác mất cả nhân-phẩm « con người. Tội ác tày trời, càng nghĩ đến « càng thêm ghê tởm, không sao quan niệm « được một điều tàn bạo như thế.

« Nay cần phải điều tra thêm về những
 « kẻ có tội phải bị xử theo phép nước.
 « Trẫm ra lệnh lập tức cách chức Phạm-
 « Xích, Tôn-Thất-Thiếu và Dương-Cù,
 « giam lại và giao cho Ty Tam Pháp (4)
 « xét xử và phúc tâu cho trẫm biết.

« Bộ binh đã gửi một viên quan vào điều
 « tra tại chỗ nhưng lại không tìm ra sự thật,
 « tưởng nên xử trị các nhân viên trong
 « bộ ấy.»

Theo chỉ thị của vua Tự-Đức Ty Tam
 Pháp mở cuộc điều tra thì quả đúng như
 lời Đội trưởng Trần-Văn-Hựu đã tố giác.
 Các bị can đều thú-nhận tội lỗi.

Ngày 23 tháng 9 (18-11-1851), Ty Tam
 Pháp dâng phiến, xin nghị xử các phạm
 nhân như sau :

Lang trung Tôn-thất-Thiếu và Chương
 vệ Phạm-Xích đều là chánh phạm chủ mưu
 trong vụ này. Tôn-Thất-Thiếu bị tước tịch
 (gạch trên trong sổ Hoàng phái) và cải
 tòng mẫu tánh là Đặng-Thiếu. (Cải qua
 họ mẹ). Cả hai đều bị xử lăng trì (5) vợ
 con dầy vào Nam.

Hiệp quản Dương-Cù bị xử tử và
 bêu đầu (6).

Hiệu quản Lê-Kỳ, Tôn-Thất-Cầm, Tôn-
 Thất-Giá, Tôn-Thất-Hành bị xử trảm về
 tội đã chứng giám việc tàn sát những
 người khách buôn.

Những người Tôn-thất đều phải cải theo
 họ mẹ : Nguyễn-Cầm, Lê-Giá, Nguyễn-
 Hành.

Suất đội Hồ-Tá-Hồ, Dương-Đức-Bửu,
 Nguyễn-Tị, tuy không trực-tiếp tham - dự
 vào việc tàn sát, nhưng cũng không phản
 đối, nên xử phạt 100 trượng, dầy 3.000

dặm. Hồ-Tá-Hồ an trí tại Biên - Hòa,
 Dương-Đức-Bửu, tại Gia-Định và Nguyễn-
 Tị tại Vĩnh-Long.

Hộ-vệ Tôn-Thất-Chấn, trong lúc câu giam
 đã cắn lưỡi tự tử. Tuy không chết nhưng
 chịu tật suốt đời vì thế nên chỉ cách chức
 đuổi về : vì phạm tội không chịu tố - cáo
 hành-vi độc-ác nói trên, với nhà chức-trách.

Hai mươi viên đội trưởng, và tất cả lính
 trên chiếc Bằng-Đoàn, vào lối 70, đều bị
 phạt 100 trượng và cách chức, chỉ trừ viên
 Hộ-vệ Tôn-Thất-An, chống lại việc tàn-sát
 nên cho lưu dụng.

Viên Đội-Trưởng Trần-Văn-Hựu, đã tố
 giác vụ này nên được miễn nghị.

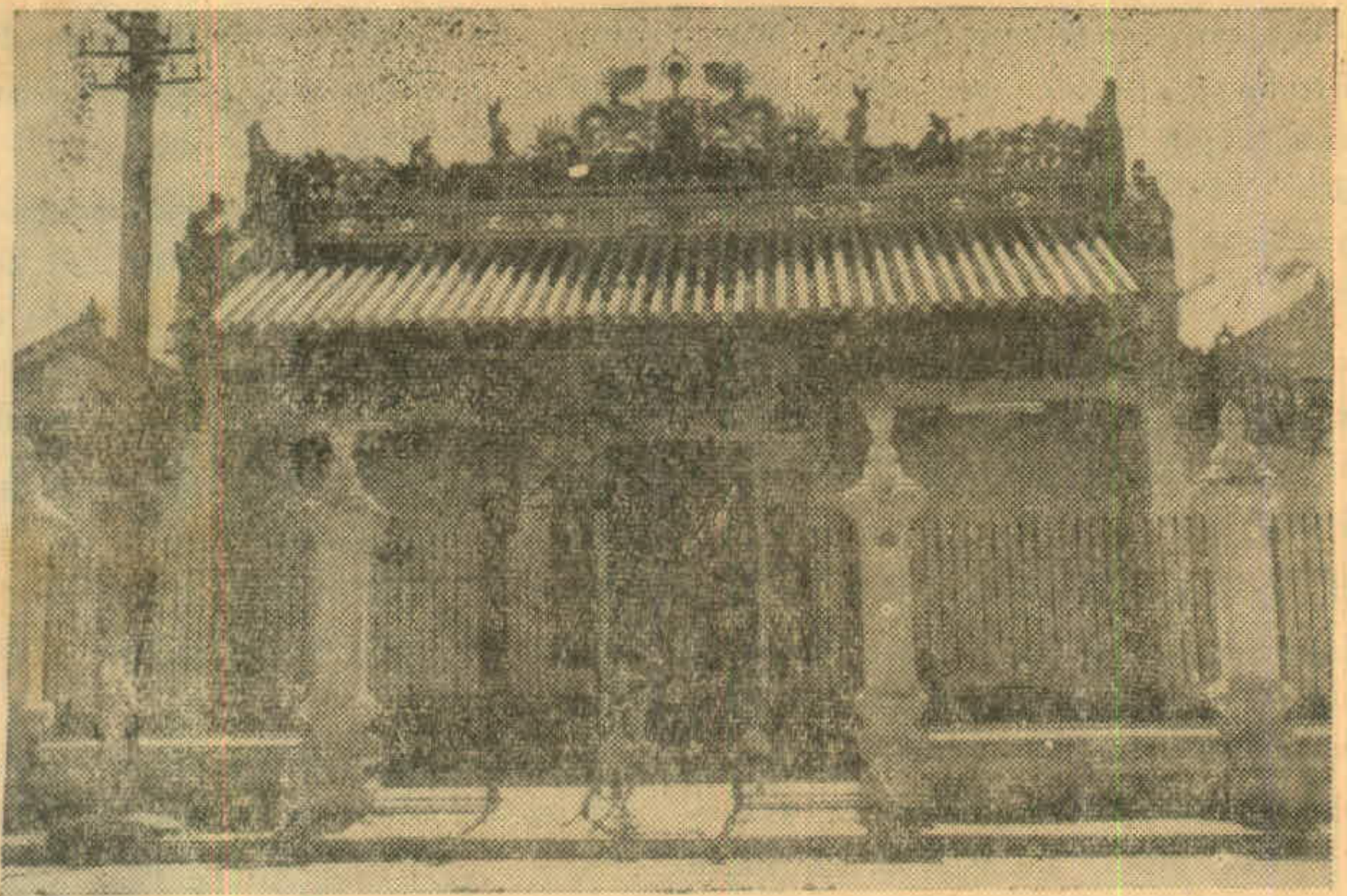
Viên ngoại Nguyễn-văn-Tấn, phái viên
 của Bộ-Binh vào Quảng-Ngãi điều tra, đã
 không tìm ra sự thật, bị giáng một cấp.

Ba viên quan cao cấp của Bộ Binh là
 Trương-Đặng-Quế, Trương-Quốc-Dụ và
 Nguyễn-Đình-Tấn đã làm phải một viên
 quan bắt lực đề đến nỗi dâng một bản phiến
 sai lầm, nên đều bị đình cấp một năm bổng.

Tài sản của các phạm nhân đều tịch biên
 để giao cho Phan-Cơ-Ký, ban trưởng Hải-
 Nam để phân phát lại cho gia-nhân những
 kẻ bị nạn. (Những hàng hóa mà bọn Phạm-
 Xích đã tịch thu đem qua tàu Bằng-Đoàn
 cũng thế).

Lại chuẩn một số tiền giao cho Phủ-
 Thừa - Thiên, mua sắm lễ vật đặt một lễ
 bên bờ biển Thuận-An để cầu-siêu cho linh-
 hồn những kẻ lâm nạn. Sau buổi lễ này,
 phải hành-quyết ngay các thủ - phạm.

Bản-án trên đây, đã được Nội-Các duyệt
 và vua Tự-Đức chuẩn y, vào ngày mồng 7
 tháng 11 năm Tự - Đức thứ tư (Dé-
 cembre 1851).



Chùa Chiêu Ứng

Trên đây, tôi viết theo sách sử của ta, nhưng về phía người Trung-Hoa, cũng có riêng tài liệu của họ. Tài liệu ấy nằm trong quyển Anh Liệt Chiêu Ứng Bát Công Hiền Linh Thiệt Lục (xuất bản mùa hạ năm Dân quốc thứ 10) Nếu đem so sánh, các bạn sẽ thấy tài liệu phần nhiều giống nhau, chỉ khác có mấy điểm như việc đốt tàu (ta có thể tin chắc việc này không đúng) cùng là việc vụ án phát-giác do một người lính đến uống rượu ở tửu quán....

Vậy tôi xin dịch ra đây để độc giả tiện đối chiếu chỉ bớt những đoạn hành văn dài-dòng chứ không bỏ bớt chi tiết :

« Đất Quỳnh Châu của chúng ta (tức Hải Nam), một hòn đảo thuộc miền duyên hải, xưa nay anh hùng hào kiệt kế tiếp ra đời, đem chính hóa để giúp ích nhân dân vốn cùng nước An-Nam tiếp cận. Từ ngày họ Nguyễn phục-quốc đã xin với Triều đình

ta sách phong. Quốc vương ta nghĩ rằng đó là đất cũ của Việt-Thường, nên ban quốc hiệu là Việt-Nam, hằng năm cống hiến.

« Người đất Quỳnh-Châu thường sang Việt-Nam buôn bán, xưa nay vốn được yên lành. Xét rằng Văn ấp ở về phía đông đất Quỳnh, biển ba mặt, ruộng xấu đất nghèo, dân cư nhờ thuyền bè mà sinh sống và phải đi tha phương kiếm kế sinh nhai.

« Từ thời xưa, họ tới các hải-cảng Thanh-Lang, Phố tiền, dong thuyền sang Việt-Nam buôn bán, cư ngụ đời nọ kế tiếp đời kia. Có kẻ khôn ngoan đã tìm cách giao hảo với các vị quan lớn của Việt triều.

« Một lần, vào mùa hạ, Hàm phong Nguyên niên (1851) có một chiếc tàu lớn tên gọi Mạnh Đầu đã chạy nhanh lại hết sức kiên cố đã từ già hải-cảng Thanh Lang đi sang đất Việt. Có những kẻ xa cách quê hương lâu ngày, nay nhân chiếc tàu ấy trở về

Trung-Hoa liền đi theo đề thăm xứ sở. Trong số đó có kẻ buôn to bán lớn, buôn ngọc bán quế, của cải đầy thuyền, gọi lòng tham của người Việt.

« Ngày 10 tháng 6 khởi hành, nhưng vì ngược gió, nên ngày 20 phải núp lại ở cửa Mạnh Tảo thuộc tỉnh Quảng-Ngãi.

« Qua ngày 21, trời mờ mờ sáng, thuận gió xuôi chèo tàu lên đường; chưa bao lâu thì gặp chiến thuyền tuần tiễu trên mặt bể do hai viên quan vô điều khiển. Trông thấy tàu buôn của ta, chiếc tàu chiến ấy xả súng bắn liền, khiến hư hại khá nhiều. Các thương gia trong tàu ta hết sức kinh ngạc, phản kháng cùng các quan Việt, sao lại tấn công một chiếc tàu lương thiện.

« Quan Việt khi hay trong tàu ta có nhiều phú thương, đã từng giao hảo với các quan đại thần trong triều đình của họ, có ý sợ hãi. Hai viên quan võ, nhận thấy lỗi lầm nên xin trả tiền bồi thường thiệt hại, nhưng hai viên quan văn biết trong thuyền ta hàng hóa dồi dào cốt để đem lại lợi to, phần sợ lúc trở về Thuận Hóa sẽ bị kiện cáo về việc bắn lầm, sao tránh được tội lỗi, nên đã cùng hai viên quan võ bàn riêng với nhau, cho rằng giữa biển cả mênh mông chẳng ai hay biết nên sinh lòng lang sói, giết sạch tánh mạng toàn thuyền để hy vọng che lấp tội lỗi, cốt được công lợi vẹn toàn. Chúng đánh lừa mấy thương nhân của ta sang thuyền chúng để thương nghị bồi thường. Việt quan bỗng nhiên trở mặt, trách sao tàu của ta đóng không đúng thể thức nên mới bắn với tàu giặc. Bọn chúng ta oan-ức giận giữ, mắng nhiếc Việt-quan đã vu oan kẻ lương dân là giặc cướp. Lúc ấy cả tàu ta đồng một lòng không chịu khuất-phục. Chẳng ngờ Việt-quan tán tận

lương tâm, ngày 22 đem hơn 100 người trong tàu ta giết sạch cắt tai, trói 10 người làm một ném xuống bể. Việt quan đem thuyền của ta về Thuận-Hóa hải cảng, lấy của cải trong tàu chia nhau. Trong tàu của ta, có một đứa bé, trong lúc các thương-nhân bị hại, hoảng-sợ trốn dưới khoang Thuyền. Việt quan tìm thấy cũng ném luôn xuống bể, đoạn đốt cháy thuyền để hủy-hoại tung-tích. Thế là trong tàu 108 mạng đều chết một cách thảm-thương. Anh linh của các vị ấy, bay thẳng lên trời xanh, hương hồn chơi vui giữa bể cả, bồi hồi trên đất Việt-nam.

« Nhằm mục-dịch nhận lãnh ban thưởng, các Việt quan đã tâu lên vua bắt được giặc bể cắt tai đem về để làm bằng chứng. Nhưng anh hồn của 108 vị vẫn oán-hận không nguôi. Trong lúc vua Việt đang đọc bản phiếu xin thưởng công lao, bỗng nhiên tâm động, tay run cầm bút, bút rơi xuống đất, đầu váng, mình mõi, sinh nghi hoặc, lòng buồn bực tự hỏi: Lê nào giết đến hơn 100 giặc cướp, mà đem tai về chứ không một cái đầu nào cả? tàu lại đốt đi, thật không sao tin được. Đêm ấy, vua Nam đang ngủ, thấy trong triều có nhiều người đến kêu oan, lúc tỉnh giấc ngồi chờ trời sáng.

Nam vương tỉnh ngộ, biết rằng đây là mưu mẹo của các quan, nên mật cho người dò xét.

« Trong số các nạn nhân, có một người, bà vợ mở một hàng bán rượu ở Huế. Một người lính trên chiếc Bàng-Đoàn, sau khi được Việt quan phân chia tang vật, thì vào tửu quán ấy đánh chén. Lúc trả tiền y đưa ra cho bà chủ quán một

THẨM CẢNH NGOÀI BÈ KHƠI...

chiếc nhẫn vàng và một chiếc áo lụa xanh.

« Bà chủ quán ngạc nhiên khi nhận thấy vật của người lính chính là những thứ chồng mình đã mang theo khi trở về nước, mới chắt-vấn y. Trong cơn say, người lính quân cả giữ gìn, những việc trên tàu đều thờ lộ ra hết. Lúc bấy giờ viên quan của vua Việt phái đi mật sát tình hình cũng vừa đến từ quán. Thiếu phụ mới nhóm họp bà con của các nạn nhân lại cùng là những người Trung Hoa Hải-Nam ở Huế, làm đơn đưa cho nhà chức-trách. Một cuộc điều tra mở ra tất cả phạm nhân đều thú tội. Chiếu luật, vua đã xử mấy viên quan tham lam phải tội lãng-trì, tiền của tịch thu, vợ con phân tán người mỗi ngả. Tất cả của cải tịch biên đều giao cho gia-đình những người lâm nạn. Một trăm linh tám vị, sau khi chết đã trở nên hiền linh, mục đích là phò nguy cứu khổ. Những người ấy thời thường hiện lên trên lớp sóng cồn hoặc hai bên bờ bãi để cứu những kẻ đắm tàu.

« Từ 40 năm nay, tàu chiến lẫn tàu buôn, qua lại trên biển Trung-hoa, hay bất cứ một nơi nào mà thuyền gặp nạn đều kêu cầu với 108 vị. Và đã cầu đảo thì thế nào cũng ứng nghiệm. Biết bao công đức cao dày!

Năm Giáp-Tí đời Đồng-trị một ngôi đền dựng lên ở Hải-cảng Phố tiền (1864) qua năm Mậu thìn (1868) một ngôi khác dựng lên ở cảng Thanh-Lang. Không có những vị thần nào cứu nhân độ thế quyền lực lớn lao như những vị này cho nên suốt một phần đất phía đông đông-bắc Hải-nam đều có lập đền thờ phụng.

« Đất Văn-Thành vốn là quê-hương của các vị ấy, dân chúng thọ ân cứu giúp đã nhiều, nên cùng nhau quyên góp để dựng chùa thờ phụng. Mùa thu năm Canh-dần đời Quang-Tự (1890) ngôi chùa hoàn thành, trên con sông Tử Bối, phía bắc ngôi chùa Tử-Vân.

« Muốn việc cứu giúp của 108 vị anh hùng cho có kết quả, chúng tôi thấy cần có những quẻ thẻ để thăm dò trước ý kiến. Vì thế chúng tôi mới dám xuất bản quyền sách thẻ này để tại các đền, giúp cho những kẻ nào muốn biết vận mạng.

BỮU-KẾ

(Còn nữa)

Các chú thích trong bài, xin các bạn đọc phần chót đăng kỳ tới.

Cấm-chỉ và tự-do

Luật chuyên chế nhà Tần có ba khoản chính : « *cấm yêu ngôn* », cấm nói những điều quái gở về thời sự ; « *cấm ngẫu ngữ* », cấm hai người nói chuyện riêng với nhau ; « *cấm hiệp thư* », cấm cấp sách đi ngoài đường.

Luật dân chủ đời nay có ba khoản chính : « *tự-do ngôn-luận* », « *tự-do hiệp-hội* » và « *tự-do giáo-dục* ».

NIETZSCHE (1844-1900)

con người siêu-việt
(übermensch)



Một nhật báo Hà Nội, thời kháng chiến, nhận định rằng một số thanh niên nam nữ đã vào tu viện, chùa chiền, để tìm an ủi nơi tôn giáo vì lý do bất lực hay chán trong cuộc sống.

Nhận xét đó đến nay vẫn còn ám ảnh chúng ta:

cửa không dành gởi cái xuân tàn,

.

An cảnh tang du một chữ nhân...

(Tôn-Thọ-Tường)

Tiếp xúc với văn-hóa Âu-Châu, bắt gặp lý thuyết của Nietzsche, nhiều người lấy làm hài lòng. Lý-thuyết của Nietzsche có một sức hấp dẫn lạ lùng trải bao thế hệ, bất luận màu da, chủng-tộc.

Một sinh viên Việt kiều ở Pháp viết :
« Je continue ce que Nietzsche a si bien

commencé. » Tôi tiếp tục công cuộc mà Nietzsche đã bắt đầu thật đẹp đẽ. (1)

Ngày nay, những sách bàn về nhân bản đã đề cao vai trò của Nietzsche.

Bài điểm sách « xây dựng nhân sinh quan » của ông Nghiêm-Xuân-Hồng (Bách khoa số 88) có nói đến lập luận của Nietzsche về Thượng-Đế. Ở đây, chúng tôi xin trình bày phổ quát quan niệm con người siêu nhân để nhận chân giá-trị của nó, (2)

Định-nghĩa con người siêu việt

Con người siêu việt có thể định-nghĩa như « một trạng thái mà nhân loại sẽ đạt đến, sau khi rút bỏ hệ thống giá-trị, rút

(1) Hoàng Xuân-Nhị, trong bản dịch chính - phụ ngâm ra tiếng Pháp. Phần nhật ký.

(2) Dựa theo những đoạn trích dịch về Nietzsche của Yves de Montchenil, *Mélanges théologiques*.

bỏ lý tưởng công-giáo, dân chủ hay khổ hạnh hiện đang bành trướng ở Âu-Châu cận đại, để trở về đồ biểu giá trị của những chủ nhân ông đã tạo ra và chấp nhận chúng, chứ không thu nạp chúng do ở ngoài đến » (Lichtenberger, la philosophie de Nietzsche).

Trước thời Âu-Châu cận đại suy vong, con người đã xuất hiện ở những dân tộc hiếu chiến và thống trị, như Hy-Lạp, Rôme, Đức. Nhưng con người siêu việt sẽ lợi dụng tất cả những khám phá khoa học để chế ngự thiên nhiên.

Đặc tính của con người siêu việt là ý chí quật cường (Volonté de Puissance), tức là bản năng sinh lực sẵn có trong mọi sinh lực sẵn có trong mọi sinh vật lành mạnh; là khuynh hướng mãnh liệt, không ai cản nổi, bất buộc tha nhân lệ thuộc vào mình. Những gì trợ giúp khuynh hướng đó được gọi là chân lý và hoàn hảo: « Tôi giả thiết ý chí quật cường là nguồn gốc mọi nhân tính; nhân tính là biến thiên của ý chí đó; mọi sức mạnh là ý chí quật cường, và ngoài ra không có sức mạnh nào khác, dù thể lực, khí lực hay động lực. »

Nhân-loại thăng hoa hay sa đọa là tùy sự tồn vong của ý chí quật cường.

Nhưng trước khi chinh-phục tha nhân, phải tự chinh-phục mình, tự làm chủ mình, để đạt tới một tự-do tuyệt đối. Tuyệt đối nghĩa là loại trừ những gì gò bó, bất luận từ đâu đến. Trong ba cuộc biến hình, nhà tiên-tri Zarathoustra, tức Nietzsche, trở nên lạc đà, để mang lấy những gánh nặng nhất đời và biểu-dương khả năng chịu đựng của mình.

Vào Sa-mạc, Zarathoustra hóa ra sư-tử « để chinh-phục tự-do và làm chúa sa-

mạc. Muốn thế, phải chối từ những luật lệ xưa nay vẫn ép uổng nhân loại, để nắm lấy quyền tự quyết :

« Trở nên tự-do, đối lập và phủ-nhận
« tuyệt đối, đến cả phận-sự, hỡi anh em,
« đó là nhiệm-vụ phải có sư-tử mới thi-
« hành nổi.

« Chinh phục quyền tác tạo những giá-
« trị mới là một chinh-phục ghê gớm nhất
« đối với một tinh-thần kiên-nhẫn và tự-
« trọng. Quả là một hành-động tàn-bạo đối
« với sư-tử và đã làm cho sư-tử thành
« mãnh thú... »

(Volonté de puissance N° 420).

Sau cùng Zarathoustra phải trở nên trẻ em. Tại sao trẻ em? « Vì trẻ em là vô tội, là lãng quên, là đổi thay là chơi đùa, là bánh xe xoay quanh mình, là luôn luôn quyết đoán. » Trẻ em tiêu-biểu cho ý-chí quật cường thuần-túy: trẻ em chơi đùa, vì tâm-hồn quá sung-túc như nước vỡ bờ; bậc siêu-nhân tạo nên những giá-trị mới, cũng không cần nghĩ đến ai, ngay đến cả hành động tác tạo đó.

Đời sống siêu-nhân sẽ ích-kỷ; nhưng ích-kỷ đây khác ích-kỷ phàm nhân vì phàm nhân lợi dụng tha nhân để bổ cứu khuyết điểm mình, còn siêu-nhân ở bậc toàn vẹn. Siêu-nhân cũng không muốn phục vụ tha nhân, vì phục vụ tha nhân là ngờ vực ngay chính bản thân mình: « Khi một cá-nhân tìm cách phục vụ tha nhân, thì có thể kết luận chắc chắn rằng đã có sự mệt mỏi, thoái hóa. » (volonté de puissance N° 341).

Siêu-nhân có thể từ-thiện, miễn là từ-thiện không vì thương hại hay tình yêu: thương hại làm cho con người yếu hèn; tình yêu làm cho ta lệ thuộc người yêu.

Khi đại lượng hay thi ân, siêu - nhân chỉ tung ra những dư dật, thừa thãi của mình, và làm rạn vỡ thái độ trác tuyệt của mình. Đại-lượng và khinh miệt đi đôi với nhau: ta chê bai con người đã hạ mình xuống cầu cứu ta, đã không đủ khả-năng chinh phục mà còn giơ tay khẩn nài.

Siêu-nhân không tìm hạnh-phúc, vì hạnh-phúc là an nghỉ, mà chỉ tìm an vui, vì an vui làm cho ta cảm thấy quật-cường. Siêu-nhân cũng không nhân-từ, vì nhân-từ làm cho ta hệ lụy đến tha nhân. Nếu có để xĩa đến tha nhân, thì không vì ta sợ tha nhân, mà chỉ vì ta tôn trọng ý chí quật cường của tha nhân. Siêu-nhân bản-tính vốn không ác tâm, dù đôi khi chống đối các luật-pháp hay giết người là những phương-tiện giúp ta lướt thắng quần-chúng. Sát nhân để bóc lột tiền của hay trả thù là một hành động hèn nhát, trong khi nó phải biểu-dương ý chí quật cường.

Anh hùng của Nietzsche là một anh hùng dữ tợn; lịch-sử để lại nhiều hình ảnh tượng-trung:

« Không thể không nhìn nhận rằng
« giống nòi quý tộc đó là một loài dã thú;
« một loài dã thú hùng tráng, sắc hung
« hung, khát máu, đi tìm mồi. Thú tính
« bí ẩn đôi khi cần được biểu lộ ra ngoài:
« con dã thú cần lộ diện, cần trở về giang
« sơn hoang vu của nó xưa; phái quý-tộc
« Rôma, Đức, Nhật, những anh hùng của
« Hôme (Homère những), vua chúa của
« nước Xi-căng-đi-na-vi (Scandinavie)
« đều giống nhau ở chỗ đó. Họ là giống
« nòi quý tộc đã để trên đường đi của họ
« những dấu tích « man rợ », mà văn-hóa
« cao cả nhất của họ vẫn ý thức và lấy
« làm hãnh-diện; (Chẳng hạn khi Péri-

« cò-lét (Périclès) trong bài diễn văn trừ
« danh nói với dân thành A-ten (Athènes);
« Can đảm của chúng ta đã vẽ được một
« lối đi trên đất cũng như ở biển, đã dựng
« khắp nơi những kỷ-niệm bất hủ, kỷ-niệm
« tốt đẹp cũng như hung ác »). Cái can
« đảm của giống nòi quý tộc, can đảm
« điên cuồng, phi lý, hồn nhiên; những
« sự nghiệp bất ngờ, huyền hoặc của họ —
« Pê-ri-cò-lét ca tụng dân thành A-ten
« đã biết coi thường thể xác; khinh chê
« những tiện nghi của đời sống; cảnh
« khoái lạc dư tợn hay cảnh an vui mà họ
« thụ hưởng sau các cuộc tàn phá, sau các
« cuộc chiến thắng hay hành động độc ác;
« tất cả những cái đó đã được nạn nhân
« của họ tóm tắt bằng hình ảnh « man rợ »,
« thù địch tàn nhẫn » hay danh từ
« văng đạn ». (Vandales). (Généalogie de
la morale N° 11).

Đó không phải là hành-vi tạm thời của giống nòi trẻ trung, bông bột, hăng hái, mà lại là yêu sách khẩn thiết của đời sống, nếu đời sống không muốn bị tiêu diệt.

« Bành trướng là yếu-tố của sinh-hoạt;
« sinh-hoạt phải nảy nở và vì thế cần tiêu-
« thụ những lực-lượng bên ngoài. Ảnh
« hưởng của một luân-lý lờ mờ, như một
« liều thuốc mê, đã làm cho người ta nói
« đến quyền tự vệ của cá-nhân. Theo nghĩa
« đó, người ta cũng có thể nói đến quyền
« tấn công của cá-nhân. Hai quyền đó —
« quyền thứ hai hơn quyền thứ nhất —
« đều cần-thiết cho sinh-vật. Tấn công hay
« tự vệ không phải là vấn đề lựa chọn, mà
« chính là nhu cầu của sinh-hoạt, của cá-
« nhân hay thân thể sống động, hay xã-hội
« đang muốn khuếch-trương...

« Khi cần xâm-lược, ít ra một dân-tộc
« cũng phải tăng cường uy-lực bằng súng

« ồng, thương-mại hay bán cách chiếm
 « thuộc địa và cũng có đủ lý để gọi cái
 « cần » đó là quyền ». Đó là quyền
 « phát dục. Một xã-hội mà rút khoát chối
 « bỏ, mà bản năng vốn xa lánh chiến tranh
 « hay không có tinh-thần xâm-lược, là
 « một xã-hội suy đồi ; là một xã-hội sắp
 « trở nên dân-chủ, sắp có chế độ thối nát.
 « Trong đa số trường-hợp, quả thế, những
 « bảo đảm hòa-bình chỉ là những phương-
 « tiện làm cho con người dần độn ».
 « Généalogie de la morale N^o 11).

Yêu-cầu sức mạnh đừng biểu dương
 sức mạnh, đừng tỏ ra « ý chí đả phá và
 chinh phục, đừng thủ tiêu địch thủ,
 kháng đối và chiến thắng » là hành-động
 vô ích.

Luân-lý căn-cứ vào trường-hợp

Đối với luân-lý phạm tục, siêu nhân sẽ
 là « một tên sát nhân ». Nhưng đây không
 phải là « tên sát nhân đáng thương hại »,
 còn lệ thuộc vào những phê-bình của xã-
 hội về tội ác của mình, và sẵn sàng ăn năn
 hối cải. Đây là « một tên sát nhân theo thể
 cao nhã » (criminel de grand style), tự đặt
 mình ra ngoài vòng pháp luật, truyền
 thống, lương tâm và phận sự ». (volonté
 de puissance N^o 332, 334).

Giá trị của hành-động căn-cứ vào tư cách
 « đời sống của người hành-động : « Người
 « ta muốn biệt tách hành-động ra khỏi con
 « người hành-động. Người ta muốn chê
 « ghét tội lỗi » ; người ta tưởng rằng có
 « những hành-động tự nó là tốt hay xấu...
 « Nhưng, tự nó, một hành-động, tuyệt đối
 « không có một giá-trị nào ; điều cần là
 « xem ai hành-động. Cũng một tội ác,
 « nhưng trong trường-hợp này, nó có thể

« là một đặc ân siêu nhân, trong trường
 « hợp nó là một sỉ nhục ». (Volonté de
 « puissance N^o 249).

Đặc ân siêu nhân không dành riêng cho
 giai cấp xã-hội, chức-vụ, chính-trị. Dù cảm
 phục Ma-ki-a-ven (Machiavel), dù chủ
 trương mưu kế, Nietzsche chắc không ưa
 thích hạng người xảo quyết, gian trá, vì
 thiếu can đảm. Cần phải ích kỷ, nhưng phải
 lên án hạng người hèn nhát chỉ biết bám
 vào người khác để sống ; còn ích kỷ của
 hạng người có tâm hồn cao thượng, của
 chủ nhân ông chỉ biết có mình và bất vạn
 sự phụ thuộc vào mình, ích kỷ đó mới là
 cực điểm của luân-lý chân chính.

Theo Nietzsche, những giá trị luân-lý
 trước hết gắn liền với con người, sau mới
 được đem áp-dụng vào hành-vi con người.
 Vì đã quên điều đó, nên trong xã-hội ngày
 nay con người đã bị ràng buộc bởi những
 luật-lệ luân-lý, trong khi đáng lẽ con người
 phải tác tạo và làm chủ các luật đó.

Di nhiên ta có thể định rõ những đặc
 tính của con người siêu nhân :

« Hiên ngang, xa quần chúng, gánh vác
 « trách-nhiệm lớn lao ; tâm hồn bộc - lộ,
 « hùng tráng như một dã thú ; bản năng
 « hiếu chiến, xâm lược, đầy nhiệt tình, thù
 « oán, mưu kế, giận dữ, khoái lạc, mạo
 « hiểm ; kiến thức rất mực uyên thâm...
 « Tao nhã, khôn ngoan, quật cường, nguy
 « nga, hiểm sâu : đó là hạng người biết
 « quyết định các mục đích ; đó là con người
 « tương lai. (Volonté de puissance N^o 143).

Nhưng phải tùy hoàn cảnh mà tự tạo
 ra thái-độ của mình. Nietzsche không muốn
 gò bó siêu nhân vào một gông cùm chặt
 hẹp, mà để cho đầy đủ tự-do sáng kiến,

tự-do hành-động vì đã có sẵn ý chí quật cường. Vậy, tâm hồn cao thượng không vì đã có những hành-vi hợp với một lý tưởng cao thượng ; trái lại, hành-vi cao thượng vì phát xuất do bởi một tâm hồn cao thượng : nên nhân danh một luân-lý mà bôi nhọ những vĩ nhân là phi lý :

« Sự lầm lẫn trở nên nặng nề đến nỗi
 « người ta cố chấp bêu xấu những bậc
 « tài danh của đời, mà tính tự chủ của họ
 « ngược hẳn với tật xấu, rồi gán cho
 « họ những danh từ nhục nhã. Ngày
 « nay người ta vẫn còn tưởng cần phải
 « đối Xê-Gia Boóc-gi-a (César Borgia) :
 « thật lỗi bịch. Giáo Hội đã lên án những
 « Đế Vương Đức, vì tật xấu của họ :
 « thầy tu hay lính mục sao lại cho biết tư
 « tưởng mình về yêu sách của Fê-đê-ric
 « (Frédéric) ? Người ta tổng cổ Đông
 « Giu-ăng (Don Juan) xuống địa ngục :
 « thật là ngây ngô ! Ta có biết những
 « người kỳ thú, đáng lưu ý, đều khiếm
 « diện ở thiên cung chăng ? » (volonté de
 puissance No 229)

Do đó, Nietzsche bài xích tất cả những tổ chức ngăn cản hạng người có ý chí quật cường phát xuất : « Cõi nhân loại như một khối lớn phải hy sinh cho sự thịnh vượng của một giống nòi con người lực lượng hơn, đó mới là tiến bộ » (Généalogie de la morale No 12).

Đôi khi lương tâm của hạng siêu nhiên sẽ bị cắn rứt, làm cho họ nghi ngờ thực lực và quyền năng của họ, nhưng Nietzsche đã chặn đứng : « Tôi dạy cho người ta nói « không » trước những gì đưa họ đến hèn nhát, khinh kiệt ; tôi dạy cho người ta nói « phải » trước những gì tăng gia và củng cố uy lực, trước những gì biện hộ

cho cảm giác cương cường ». (volonté de puissance No 86).

*
 * *

Nietzsche và Công giáo.

Sở dĩ hạng siêu nhân ra đời là để đối phó với luân lý công giáo, mà Nietzsche gọi là hèn nhát-nhu nhược ; đối phó với tín lý công giáo, mà Nietzsche coi là phản khoa học, phản lý trí, là một thần thoại. Tất cả cố gắng của Nietzsche là diệt trừ không chỉ những luật lệ, giới răn, mà diệt trừ ngay chính nguyên tắc căn bản của luân lý công giáo, một luân lý đã tự hào sản sinh những giá trị cao quý :

« Người ta hay công kích Công giáo
 « một cách chẳng những nhút nhát mà lại
 « sai lầm. Bao lâu ta không coi luân lý
 « công giáo như một cuộc sát hại đời sống,
 « thì những người công giáo có thể dễ
 « dàng cãi lại, Tìm xem Công giáo xác
 « thực hay không, Thượng Đế có hay
 « không, nguồn gốc đạo đó bịa đặt hay
 « không, cũng như giá trị thiên văn và khoa
 « học Công giáo... đều hoàn toàn phụ thuộc,
 « bao lâu ta chưa chất vấn họ về giá trị
 « luân lý Công giáo. Vậy, luân lý Công
 « giáo có giá trị nào không hay chỉ là một
 « ô nhục, một lạm dụng, dù nghệ thuật
 « quyền rũ của nó có tính cách thần thánh »
 (volonté de puissance No 162).

Sự đối lập không do ở sự so sánh nhân đức công giáo với nhân đức của Nietzsche, mà do ở chính tinh thần của hai lý thuyết. Sự thực, Nietzsche chỉ nói đến lý tưởng của luân lý công giáo, vì theo Ông, Phúc Âm chỉ là một thần thoại thêu dệt quanh giảng thuyết của Chúa Giêsu,

t l u dệt và xuyên tạc để gây nên lý tưởng luân lý Công-giáo. Dù những chỉ trích của Nietzsche không trực tiếp liên hệ đến Chúa Giêsu, Chúa Giêsu vẫn không đại diện nổi siêu nhân theo viễn vọng của Nietzsche. Địch thủ chính của Nietzsche không phải là Chúa Giêsu, mà lại là Thánh Phaolô. (Saint Paul)

Luân-ly hờn dỗi

Nietzsche không tiếc lời mạt sát luân lý công giáo, một luân lý thoái hoá, kết quả đương nhiên của một tâm hồn bệnh hoạn, sản phẩm của phản động : phản động chống lại luân lý của những tâm hồn cao thượng theo chủ nghĩa tà giáo thời cổ ; thoái bộ trước đời sống anh dũng và sung mãn. Vì thế luân lý Công giáo là một luân lý « hờn dỗi » (morale de ressestiment) : đứng trước những giá trị không thể đạt tới, vì thiếu nghị lực, lẽ ra ta phải khiếm tốn nhìn nhận ta bất lực và chỉ đổ lỗi cho ta thôi, thì ta lại tìm cách tái lập thể quân bình, nghĩa là ta tránh sự giảm giá của ta bằng cách đánh giảm giá trị cao quý, cho đó là những giá trị giả dối; hay ngược lại, ta đề cao những giá trị đối lập với những giá trị mà ta không thể vươn tới : nhân đức trở nên tật xấu, tật xấu trở nên nhân đức. Hành động này không phải là một lừa bịp có ý thức, vì như thế ta sẽ không đạt được mục đích và đời sống ta vẫn còn, có cái gì khiến ta áy náy. Chung quy, hờn dỗi là nền tảng luân lý công giáo, luân lý của kẻ nô lệ :

« Bạo động của người nô lệ trong
« phạm vi luân lý bắt đầu từ khi tái tạo và
« sản sinh ra những giá trị trong hờn dỗi :
« hờn dỗi của những người này, vì không

« được phép phản ứng và hành động
« chính đáng, nên để đền bù lại thì tạo ra
« một sự thù oán tưởng tượng. Trong khi
« luân lý quý tộc phát xuất do một xác
« định, một tự tín, một chiến thắng oanh
« liệt thì luân lý kẻ nô-lệ ngay từ đầu phủ
« nhận tất cả những gì không thuộc về
« mình », tất cả những gì khác mình » tất
« cả những gì là « phi-ngã ». Phủ nhận
« là hành vi tác tạo của họ. Lối nhìn và
« đánh giá đảo ngược đó — một lối nhìn
« dĩ nhiên do vũ trụ ngoại giới ảnh
« hưởng — là của riêng của hờn dỗi : luân
« lý của kẻ nô lệ luôn luôn và trước hết
« cần đến vũ trụ đối lập và ngoại giới mới
« ra đời được ». (Généalogie de la morale
N^o 10)

Là một xuyên tạc, một phản động tiêu cực, luân lý công giáo phải cần đến những giá trị mà chính nó đã phủ nhận như mặt trái cần đến mặt phải. Nhờ phủ nhận mà luân lý công giáo mới tồn tại, nên luân lý công giáo không thể có một nguồn gốc độc lập : khi chủ trương con người hoàn hảo là con người theo gương thánh thiện của Thượng Đế, — đúng hơn theo gương một nhân vật được thần thánh hóa, mệnh danh là Thượng Đế — thì luân lý công giáo không có một nội dung tích cực mà phải liên hệ đến sự phủ nhận những giá trị của con người cao thượng.

Do đó đặc tính luân lý công giáo vốn là giảm giá trị đời sống, làm bại hoại tất cả những gì hùng tráng nhưng giáo dân vẫn định ninh mình đang theo đuổi một lý tưởng tuyệt diệu. Luân lý công giáo chỉ lý tưởng hóa những hèn yếu của con người biến đời hèn yếu thành nhân

đức và cuộc biến đổi được thi hành trong một bầu không khí vẫn đục, đáng khả nghi :

« Tôi không thấy gì, nhưng tôi lại nghe
 « rõ hơn... Một tiếng xôn xao thật trọng,
 « một tiếng thì thầm, khó phân biệt, một
 « tiếng rì rầm âm hiểm phát xuất từ mọi xó
 « xỉnh. Tôi xem như là nói dối ; mỗi
 « âm-thanh thật là ngọt ngào, êm dịu như
 « mật ong Hèn yếu phải được biến
 « thành công đức bằng nói dối, đó là điều
 không thể nghi ngờ ; đúng như anh đã nói.

— « Rồi sau đó ?

— « Và sự bất lực không thể trả thù,
 « nhờ nói dối, trở nên hiền lành ; đê tiện,
 « hèn hạ trở nên « khiêm nhượng » ; khúm
 « núm trước những người mình ghét trở
 « nên « vâng lời (nghĩa là vâng lời một
 « người mà họ bảo rằng người đó ra lệnh
 « phải vâng lời, mà họ gọi là Thượng-
 « Đế). Tính nhút nhát tràn ngập con người
 « hèn yếu, một thứ nhút nhát làm cho y phải
 « chầu chực, đợi chờ ở các cửa, cái nhút
 « nhát đó tất nhiên đã mang một danh từ
 « rất kêu và được gọi là « kiên nhẫn »,
 « đôi khi là « nhân đức » không hơn
 « khôn kém ; « không thể trả thù » biến
 « thành « không muốn trả thù » và đôi khi
 « lại là « tha thứ tội lỗi » (vì chúng không
 « biết những điều chúng làm, duy chúng
 « ta mới biết những điều chúng làm !).
 « Người ta cũng nói đến tình yêu đối với
 « địch thủ, rồi ai nấy đều toát cả mồ hôi ».
 (Généalogie de la morale No 11).

Đi sâu vào bản chất của sự phản động đó, Nietzsche nhận thấy thái độ ích kỷ, một thứ ích kỷ đáng chê trách vì là ích kỷ của người hèn yếu, của một giống người không đáng sống. Người công giáo xem ra chú

trọng rất nhiều đến thái độ vô vị lợi, đưa nó lên hàng nhân đức, nghĩa là bó buộc người khác tuân giữ những điều kiện bảo vệ sống còn của mình ; đó là « nguyên tắc luân lý xã hội , công giáo » :

« Khi đòi hỏi phải thi hành nhân đức
 « mà họ có khả-năng thi-hành, mà họ cần để
 « tồn tại, thì họ xem bộ chiến đấu cho
 « nhân đức, để nhân đức thống trị khắp nơi»
 (Crépuscule des idoles, l'Antéchrist No 44).

Phương tiện độc nhất của con người hèn nhất để dụ dỗ con người quật cường tránh xa võ lực là chủ-trương dùng võ lực là bất chính. Lời Phúc Âm « Đừng chống lại điều ác » cho ta hay công giáo, vì bất lực trước những bất công xã hội, nên đã biến bất lực đó thành nhân đức. Nếu lời khuyên này cho dành riêng cho bọn hèn yếu, nô lệ, thì tai hại không là bao. Nhưng những biện hộ cho hòa bình, những vụ lên án bạo lực để tìm cách giải giáp những người có võ trang lại đều căn cứ vào lời đó :

« Khi hạng người bị áp chế, đê nén,
 « tôi tớ không đủ xảo quyệt, năng-lực để
 « trả thù, thì họ tự nhủ : « chúng ta hãy
 « sống ngược với bọn ác nhân, nghĩa là
 « phải hiền lành ! » Hiền lành là không
 « bạo động với ai, không lăng nhục ai,
 « không trả thù ai, mà để việc trả thù cho
 « Thượng-Đế ; là sống ẩn dật như chúng
 « ta, kiên nhẫn, khiêm nhượng và chính-
 « trực ». Nếu ta lãnh đạm và khách quan
 « nghe lời chúng, thì tựu trung câu đó
 « có nghĩa : Là hạng hèn yếu, chúng ta
 « quả nhiên là hèn yếu, vậy hay hơn cả là
 « đừng làm điều gì mà chúng ta cảm thấy
 « không đủ lực ». Nhưng cái nhận-định

« cay đắng đó, cái khôn ngoan lép vế mà
 « ngay loài sâu bọ cũng có (vì trong nguy
 « hiểm, sâu bọ giả chết không làm gì hơn),
 « nhờ giả trá và lừa dối chính mình, đã
 « khoác một bộ áo lộng lẫy, mệnh danh là
 « nhân đức, nhân nại, hy-sinh, thâm lặng :
 « chính sự hèn yếu của hạng hèn yếu —
 « tức là bản thể, hành động, thực thể hiển
 « nhiên không sao xóa bỏ được của hạng
 « hèn yếu — được xem như là một hành-
 « động có tự-do, có ý thức, chú ý, có công
 « trạng ». (Première dissertation N^o 13).

Trả thù đối với siêu nhân à ể biểu lộ
 uy lực mình và nếu đôi khi anh ta không
 thêm trả thù là không vì anh ta muốn tha
 thứ như công giáo chủ-trương. Hạng hèn
 yếu trả thù vì tâm hồn đê tiện. Người
 công-giáo không dám kêu chọc một
 thù địch trong một trận chiến cần phô
 trương lực lượng mình. Nhưng rồi, vì
 ghen tương, công giáo lại tìm cách đánh hạ
 uy-tín anh ta, bằng cách yêu cầu anh ta
 đừng dùng võ lực và coi võ lực là một điều
 ác. Tệ hơn nữa, công giáo làm cho anh ta áp
 dụng hệ thống giảm giá đó để anh ta tự
 kiểm thảo và nhận mình kém nhân đức,
 nhận rằng con người chí khí quật cường
 là hạng người khả nghi. Đó là « cách trả
 thù thiêng liêng », nguy hiểm và hèn nhất
 nhất. Chúng ta đứng trước « bọn người
 thù hằn đội lốt quan tòa, bọn đao phủ tâm
 hồn » :

« Bọn hèn yếu, bọn bất trị nay đã lập
 « khế ước để thuê lấy nhân đức : điều đó
 « quá hiển nhiên. Chúng lớn tiếng bảo :
 « Chỉ chúng ta mới là hiền lành, chính
 « trực, chỉ chúng ta mới là những người
 « đầy thiện chí ». Chúng sống giữa chúng
 « ta như để khiển trách chúng ta, như để

« cảnh cáo chúng ta, như để cho ta biết sức
 « khỏe, tráng kiện, võ lực, hiên ngang chỉ
 « là những tội lỗi cần phải cứu chuộc.
 « Trong thâm tâm, chúng sẵn sàng giúp
 « chúng ta chuộc tội, chúng muốn đóng vai
 « trò đao phủ. Trong bọn chúng có khá
 « nhiều người thù hằn đội lốt quan tòa ;
 « miệng chúng — một thứ miệng với những
 « môi mỏng và chúm — đầy nước bọt
 « nhiễm độc mà chúng gọi là công bằng,
 « mà chúng sẵn sàng phun ra khi thấy ai
 « có vẻ bất bình, khi thấy ai đi đứng lòng
 « thư thái, không hối hận. » (Généalogie
 de la morale N^o 14.)

Địa ngục

Cũng chính vì muốn thù oán con người
 quật cường mà bọn phản động đặt ra địa
 ngục. Không nghe lời chúng, con người
 quật cường sẽ bị trầm luân ở một thế giới
 khác và Thượng Đế sẽ đứng thi hành án
 đó. Rồi bọn bất lực, bọn chiến bại đời này
 sẽ vui hưởng cảnh đày đoạ trường cửu
 của hạng người chiến thắng nhất thời, mà
 không phải lao tâm khổ trí. Đãng-tơ
 (Dante) đã ngộ nhận khi chủ-trương địa
 ngục là sản phẩm của tình yêu vĩnh cửu của
 Thượng-Đế. Trái lại, địa ngục là sản phẩm
 của thù ghét, bất lực, của bọn hèn nhất. Và
 Nietzsche trích dịch Thánh Tô-ma (Saint
 Thomas) : « Trên thiên cung, những vị
 Thánh sẽ trông thấy cực hình của người
 bị đày đoạ, để hạnh-phúc của các thánh
 được tăng cường », hay nhắc lại đoạn
 Tee-tu-liêng (Tertullien) khuyên giáo dân
 xa lánh cảnh giết chóc giữa người giác đấu
 (combat des gladiateurs) và hứa ở thiên
 cung họ sẽ chiêm ngưỡng cảnh cùng khổ
 của những người đã bắt bớ đạo.

Sách Khải Huyền của Gio-an, (Jean), tức sách cuối cùng của bộ Tân-ước nói về tận-thế, Nietzsche cho là « một trong những văn phẩm có tính cách xâm hại, dã man nhất », vì là một tác-phẩm đầy hờn ghét chống lại quật cường, bạo lực. Rõ ràng là luân lý công-giáo « đã dạy người ta thù oán và miệt thị tất cả cái tinh túy của hạng người thống trị, tức ý chí quật cường » (Volonté de puissance N^o 10).

Thực ra thì mảnh khoẻ công giáo để giảm giá hay giải giáp siêu nhân vẫn là tàn tích của ý-chí quật cường mà công-giáo đã lãng mạ. Quả thế vì thiếu ý-chí quật cường tức là đi đến cái chết : « Đâu tôi thấy sống động, thì đầy đều có ý-chí quật cường, và ngay trong ý-chí của người phục tòng, tôi cũng thấy ý-chí của chủ nhân ông ». (Ainsi parlait Zarathoustra page 162). Tính hiếu thù của công-giáo hay mảnh khoẻ đảo lộn hệ-thống các giá trị để lướt thắng con người quật cường hay thần-thoại về địa ngục đều tiềm tàng ý-chí đó. Nhưng ý-chí này không làm cho công-giáo trở nên mãnh liệt, vì con đường chúng đi là con đường của hạng hèn yếu, đầy đê tiện và uẩn khúc : « Con người hèn yếu lên lút vào pháo đài vào tận tâm can của con người cường tráng bằng những con đường hẻo lánh và đã ăn cắp ý-chí quật cường » (Ainsi parlait Zarathoustra page 163).

Luật công giáo buộc phải thương kẻ yếu hèn, bệnh tật, khốn cùng, nhưng không vì lý do xả kỷ, nhiệt thành, mà chỉ mặc cảm tư tôn :

« Trở về nguồn gốc công-giáo thời đế quốc Rôma, ta thấy những hội tương trợ, « tế bần, cứu giúp bệnh nhân, chôn xác kẻ chết xuất hiện ở hạ tầng xã hội, nơi

« mà người ta cố tìm một liều thuốc chống « lại cảnh tiêu tụy : « đó là niềm vui bé « nhỏ, căn cứ vào sự cứu trợ lẫn nhau » (Généalogie de la morale. Troisième dissertation N^o 18 page 236).

Dụ dỗ

Nietzsche tự hỏi : sao hạng hèn yếu dùng phương-pháp đó mà lại thu được nhiều kết-quả, thắng được Rôma, chế ngự cả phong-trào Phục-Hưng. Đó là vì bọn hèn yếu vừa dèm pha những giá-trị cao quý, vừa đưa ra một lý tưởng gian dối để dụ dỗ nhân tâm. Dĩ nhiên, chúng không dám cỡi mặt nạ ra để tự xưng là người phá hoại, nhưng chúng cam kết mang lại cho nhân loại một lý tưởng quý báu hơn : chúng có mảnh khoẻ nhà nghề, là hạng chuyên làm bạc giả để lừa gạt mọi người.

Và đôi khi con người quật cường, trong cơn yếu đuối, cũng bị cám dỗ, đâm ra nghi ngờ chính mình và cậy nhờ vào chúng. Công-giáo đã khôn khéo nắm lấy những dịp đó để tha hồ tuyên truyền, thuyết phục. Tự-trung, bí quyết công-giáo là dụ dỗ. Phúc-Âm là sách dụ dỗ. Công-giáo vừa giả dối vừa hấp dẫn, biết lợi dụng nhược điểm con người hay hoảng sợ trước tấn kịch bi đát của đời sống, hay hướng về thế giới vô hình để an hưởng hạnh phúc.

Nhưng nguồn gốc của lý thuyết công-giáo về thế giới vô hình là ở sự khiếp sợ đời này, và thuyết đó đã làm cho người ta thích chê trần thế :

« Chỉ bo bo lo đến mình và đến « cuộc « cứu rỗi đời đời » không biểu dương « đặc tính một tâm hồn phong phú và tự « chủ. Một tâm hồn phong phú và tự chủ

« không thiết đến sự giải thoát không
 « cần đến hạnh phúc dưới bất cứ hình
 « thức nào ; trái lại nó là võ lực, là hành
 « động, là ham muốn, nó in dấu vào sự
 « vật, đưa tay chiếm lấy sự vật... Công-
 « giáo là bệnh ưu uất, lãng mạn của kẻ
 « chân không đứng vững.» (Volonté de
 puissance N^o 313.)

Đau khổ

Thái độ chịu đựng đau khổ như kẻ nô-
 lệ của người công-giáo ở đời này ngược
 với lập trường của người hùng tráng
 thường coi đau khổ như một thử thách để
 rèn luyện tâm hồn, để đạt đến những kỳ
 công siêu tuyệt. Khổ hạnh công-giáo cũng
 đầy tư tưởng hèn nhát : cảm thấy mình
 tội lỗi, sắp bị án phạt, người công-giáo
 chạy tìm đau khổ để đền tội và đợi ngày
 giải phóng. Khổ hạnh kiểu đó chỉ là một
 liều thuốc cho hạng người uất hận ; không
 kháng cự nỗi đau khổ : « khi không thể
 chống lại với nỗi khổ tâm, thì lối đó — ta
 phải nói trắng trợn — không do tâm hồn,
 mà đúng hơn do cái bụng của mình... con
 người cường tráng và có khả năng sẽ tiêu
 hóa được cái biến cố trong đời mình (kể cả
 hành vi và đại tội) như tiêu hóa các đồ ăn,
 dù nhớ ra nhai phải những miếng thịt dai... »
 (Généalogie de la morale. Troisième disser-
 tation N^o 16).

Điều cốt yếu là gây bầu không khí lành
 mạnh, quật cường, khả dĩ giúp hạng lâm
 bệnh chiến thắng thái độ yếm thế để đi đến
 tự tin. Tất một lời, công-giáo là một thứ
 đạo yên ủi, người công-giáo là người đi
 tìm yên ủi :

« Ta có thể bảo riêng rằng công-giáo là
 « kho tàng vô tận chứa đựng những yên ủi,

« tinh xảo vì có sẵn những gì để bồi bổ,
 « xoa dịu, làm mê man, vì để ủy lạo, đã cả
 « gan dùng những toa thuốc nguy hiểm và
 « táo bạo, đạo đó có tài đánh hơi rất tinh
 « luyện, không kém gì Á-Đông, và đoán
 « được những kích thích cần thiết trong
 « việc cứu chữa dù chỉ dạm thời, trạng
 « thái trầm uất, quá chán chường, bi quan
 « của con người mà có thể bị tổn thương.
 « Ta có thể nói, theo lệ thường, mục đích
 « chính của những tôn-giáo đại trào là chiến
 « thắng trạng thái quá chán chường của tâm
 « hồn đã trở nên như một bệnh truyền
 « nhiễm » (Généalogie de la morale. Troi-
 sième dissertation N^o 17).

Giáo Hội công-giáo là nơi « tập trung
 bệnh nhân » và lý luận của công-giáo là
 « lý luận của kẻ kiệt sức ». (Généalogie
 de la morale N^o 16).

Thượng Đế

Đề cập đến Thượng-Đế, Nietzsche lại
 càng nóng nảy, vì siêu nhân là con người
 tự chủ, tự tin, tự hào, tự đắc, không ai
 có thể truất phế được. Nhưng Nietzsche
 công nhận một dân tộc cần có Thượng-
 Đế để đại diện ý-chí quật cường :

« Một dân tộc còn tin tưởng vào mình
 « thì còn có một Thượng-Đế riêng biệt.
 « Qua Thượng-Đế đó, họ tôn sùng những
 « ủy lạo, những đức tính đã làm cho mình
 « chiến thắng ; họ phóng vào một Đấng
 « để có thể tri ân, những cảm giác thích
 « thú, quật cường của họ. Giàu có thì
 « hay làm ơn ; một dân tộc hãnh diện cần
 « có một Thượng-Đế để cúng bái...

« Trong trường hợp này, tôn-giáo là
 « hình thức của sự biết ơn. Và người ta
 « chỉ tự biết ơn mình, vì thế cần có

« Thượng-Đế. » (Crépuscule des idoles, »
L' Antéchrist N^o 16).

Muốn có một đời sống độc lập, đầy nhân cách và cố gắng, dân-tộc phải quan niệm Thượng-Đế như một thù địch của con người, như một Đấng làm tăng gia bi kịch của trần thế, chứ không như một kẻ sẽ giải quyết mọi thắc mắc.

« Người ta cần đến một Thượng-Đế ác
« nghiệt cũng như cần đến một Thượng-Đế
« tốt lành. Đời sống chúng ta không lệ
« thuộc vào khoan dung hay nhân ái. Cần
« gì đến một Thượng-Đế không biết giận
« dữ, thù oán, ghen tuông, chọc gheo,
« mách khoé hay tàn bạo ? Một Thượng-Đế
« có lẽ cũng không biết đến những say sưa
« của chiến thắng và hủy diệt ? Người ta
« không thể hiểu Thượng-Đế như vậy và
« làm sao có thể hiểu được ? » (Le
Crépuscule des idoles, l'Antichrist N^o 16.)

Khi ý-chí quật cường bị tê liệt, một dân tộc không thể bảo tồn được một Thượng-Đế oanh liệt, vì không thể sống theo quan niệm đó nữa. Bấy giờ Thượng-Đế là nơi tập trung những gì hèn nhất của dân tộc.

« Dĩ nhiên khi một dân tộc trở nên suy
« nhược, khi cảm thấy không còn tin tưởng
« ở tương lai, không còn hy vọng vào tự-
« do, khi biết sự phục tòng là tối cần đối
« với mình, khi nhân đức phục tòng ăn
« sâu vào lương tâm và biến thành điều kiện
« duy từ sinh mệnh, chính khi đó Thượng-
« Đế của dân tộc phải biến đổi. Thượng-
« Đế giờ đây trở nên mê tín, sợ hãi, khiêm
« nhượng sẽ khuyên tâm hồn ăn ở hòa nhã, xa
« lánh giận dữ, quyền cao chức trọng, yêu
« thương « thân nhân cũng như địch thù ». (Le
Crépuscule des idole, l'Antichrist N^o 16.)

Theo Nietzsche, cuộc biến chuyển này giúp ta nhận thấy loài người đi từ quan-niệm duy lý đến quan niệm phổ thế về Thượng-Đế : không còn là hình ảnh những đặc tính cao quý mà chỉ tượng trưng cho những tật xấu, Thượng-Đế trở nên phổ biến, nghĩa là thu hút được những hạng hèn nhất của mọi giai cấp, của mọi nước, mọi màu da. Đồng thời, vì hèn dối, hạng này đã « ma quỷ hóa », đã đánh giảm giá các Thượng-Đế mà họ chối bỏ, cho là những thần loạn luân ».

Và chính đây là nguồn gốc Thượng-Đế công-giáo, một thứ Thượng-Đế bị giải giáp, bị tước lột tất cả những gì hùng dũng, nên đâm ra nhu nhược, thoái hóa, « mối hy vọng của kẻ sắp chết đuối ». Nhân danh Thượng-Đế đó, công-giáo đã phản đối bản tính tự nhiên cũng như ý chí quyết sống của nhân loại ! Vì thế, có thể bảo « trong mọi tôn-giáo tích cực, hư vô được gọi là Thượng-Đế. »

Bình đẳng ?

Là lý tưởng dành riêng cho người hèn nhất, nên công-giáo là đạo của quần chúng của « đoàn lũ » (troupeau), mà đạo đó chủ-trương ngang hàng với người cường cường. Nietzsche tức giận trước lập luận « linh hồn bình đẳng. »

« Điều mà tôi không thích ở Giêsu hay ở
« đồ đệ của y, Phaolô, là chúng nhồi sọ bọn
« hạ cấp, để ta có thể tưởng rằng những
« nhân đức khiêm nhượng của hạng này
« cũng có giá-trị. Chúng ta phải bắt chúng
« trả một giá rất đắt, vì chúng đã khinh
« miệt những đức tính cao quý nhất của
« con người... »

« Những nhân đức đê tiện của bầy súc
« vật không đưa đến đời sống vĩnh cửu :

« đưa nhân đức đó lên sân khấu và phô
 « trưng chính mình ra, thì có lẽ là rất
 « khôn khéo, nhưng đối với con người
 « tỉnh thức, đó chỉ là một vở kịch cực kỳ
 « lộ bịch. Dưới thể cũng như trên thiên
 « cung, ta không thể có một công đức nào,
 « nếu ta cứ hết sức hiền lành, êm dịu như
 « bầy cừu. Ta vẫn chỉ là con cừu ngoan
 « ngoan, với cặp sừng mà thôi, nếu ta
 « không quá ngạo mạn, khoe khoang hay
 « nêu gương xấu bằng thái-độ quan tòa
 « của ta.» (Volonté de puissance N^o 116-117.)

Nietzsche lại càng phân uất, chửi bới
 thậm tệ, khi thấy công-giáo giải quyết các
 nỗi băn khoăn, các điều khó hiểu :

« Tiếp xúc với Tân-Uớc, ta không thể
 « không cảm thấy một nỗi khó chịu khôn tả.
 « Vì thái-độ xác lác của hạng hạ nhân
 « muốn tỏ bày ý kiến mình về những vấn-
 « đề quan-trọng, muốn làm quan tòa để xét
 « xử các vấn-đề đó... thật là quá mức ;
 « cũng như cách giải quyết về những vấn-
 « đề (đời sống, vũ trụ, Thượng-Đế, cứu
 « cánh cuộc đời) thật là nông cạn và vô
 « liêm sỉ, vì hạng mê tín không biết gì
 « đến những vấn-đề đó và ngay cả những
 « điều tối sơ chúng cũng chẳng hay.»
 (volonté de Puissance N^o 122).

Công giáo và sự sống

Nhân danh phẩm giá con người, công
 giáo cấm hy sinh cá nhân cho giống nòi,
 và nhân danh từ bi bác ái, công giáo bênh
 vực bọn tật nguyền. Nietzsche không cảm
 được bức tức : « Xã-hội được ủy nhiệm
 « bảo vệ sinh mệnh thì cũng có trách nhiệm
 « đối với đời sống nào tỏ ra thất bại ; xã
 « hội cũng đau đớn về đời sống đó nên
 « phải ngăn cản. Trong nhiều trường-hợp,
 « xã-hội phải cấm sự sinh nở : xã-hội có

« thể tự dành cho mình những phương
 « tiện hữu hiệu nhất để cấm sản sinh, và ở
 « nhiều trường-hợp để thiến... Lời ngăn
 « cấm của Thánh-Kinh « Mi không được
 « giết ai » thật là ngây thơ, bên lệnh trang
 « nghiêm buộc bọn thoái hóa phải tuân giữ :
 « chúng bây không được sản sinh ». Ngay
 « chính sự sống cũng không công nhận bộ
 « phận lành mạnh và bộ phận hư hỏng
 « liên đới với nhau, hay có quyền bằng
 « nhau : phải giảm bớt bộ phận hư hỏng,
 « nếu không, toàn cơ thể sẽ bị tiêu diệt. »
 (volonté de puissance N^o 229).

Bản tuyên án

Chung quy, đạo công-giáo đã xúc phạm
 đến sự sống, đã cố hành động không cho
 siêu nhân xuất hiện. Và siêu nhân có xuất
 hiện thì cũng tìm cách làm cho nó thất tín.
 Nietzsche như thét lên :

« Tôi kết thúc ở đây và tuyên bố lời
 « phê phán của tôi. Tôi quy tội công-giáo,
 « tôi buộc tội Giáo Hội công-giáo một
 « cách rất nặng, mà từ trước đến nay chưa
 « từng ai lên tiếng. Giáo Hội công-giáo là
 « tổ chức vĩ đại nhất để làm bại hoại phong
 « tục ngoài sức tưởng-tượng, Giáo Hội
 « công-giáo đã có dụng tâm làm lung lạc
 « mọi sự. Giáo Hội công-giáo không trừ
 « một nơi nào mà không len lỏi vào
 « để bành trướng hành - động bại hoại,
 « đã đảo lộn các giá-trị, đã làm cho
 « chân lý trở nên giả dối, thanh liêm
 « trở nên hèn nhát. Đừng ai dám nói với
 « tôi về những công việc nhân đạo của nó !
 « Hủy diệt khổ cực là trái với chủ nghĩa
 « vụ lợi vô cùng thâm kín của nó ; nó
 « sống bằng khổ cực, nó tạo nên khổ cực
 « để sống lâu dài... Tội lỗi chẳng hạn, là
 « một khổ cực — mà Giáo Hội đã làm

« giàu cho nhân loại. Chủ-trương mọi tâm
 « hồn bình đẳng trước Thượng-Đế là
 « một lầm lỗi, là một cơ để giận dữ nhau
 « một cách đê tiện, là một tư tưởng cách-
 « mạng dần dần trở nên tư-tưởng cận
 « đại, là nguyên tắc làm thoái hóa trật tự
 « xã-hội, là cốt mìn của đạo công-giáo...

« Tôi muốn viết lên tường vách, đâu
 « đâu có tường vách, tôi cũng viết lên lời
 « buộc tội muôn đời công-giáo — tôi có
 « những chữ có thể làm cho người mù
 « trông thấy. Tôi gọi công-giáo là tai họa
 « độc nhất, lớn nhất, là tổ chức độc nhất
 « lớn nhất làm suy đồi nhân tâm; với một
 « bản năng oán hận độc nhất, lớn nhất, nó
 « không lùi bước trước những phương-
 « tiện hiểm độc, thâm kín, thấp hèn; tội
 « gọi công-giáo là tổ chức độc nhất làm s
 « nhục muôn đời nhân loại.

« Và ta đo lường thời gian từ ngày
 « công - giáo xuất hiện, từ cái ngày bắt,
 « hạnh đó. Sao ta lại không đo-lường thời
 « gian từ ngày đạo đó tiêu diệt? Giờ đây,
 « mọi giá trị đảo lộn ! » (Le Crépuscule
 des idoles, l'Antéchrist N^o 62).



Con của một vị mục sư Thệ Phán,
 trưởng thành, Nietzsche rút bỏ mọi tín
 ngưỡng để theo « sứ mệnh » của mình. Sứ
 mệnh đó có thể tóm tắt : « Mi hãy bành
 trướng bản ngã của mi một cách có hệ-
 thống, cho đến cực độ, không nhu nhược ! »
 Bành trướng đến cực độ tức là dần dần
 thần thánh hóa bản ngã rồi hủy diệt
 Thượng Đế để thay vào đó chính bản
 ngã của mình.

Muốn sát hại Thượng-Đế, tất nhiên
 phải tiêu trừ tôn giáo của Ngài. Nietzsche

đứng lên phản đối văn minh và văn-hóa
 thế-kỷ thứ 19, cho là « hư vô », vì thối
 nhũn công-giáo, một thứ đạo do dân
 Do-thái tạo nên.

Muốn phi bác Nietzsche, tất nhiên phải
 trình-bày lại tất cả lý thuyết công-giáo mà
 Nietzsche đã nhìn thấy dưới những hình
 thức xuyên tạc của một thế kỷ. Không
 một người công-giáo nào, không một nhà
 tâm linh nào lại không cảm thấy lý lẽ của
 Nietzsche là một phỉ báng, vũ nhục.

Giá trị của Nietzsche

Bảo lý thuyết của Nietzsche hoàn-toàn
 sai lạc, là điều quá đáng. Người công-giáo
 ngày nay vẫn còn có thể lợi dụng Nietzsche,
 ít ra một cách tiêu cực : Nietzsche vạch rõ
 những điểm mà lý tưởng công-giáo phải
 tránh. Đọc Nietzsche có cái hay là giúp
 người công giáo phản ứng lại, ý thức được
 khuynh-hướng nguy hiểm trong thâm tâm
 mỗi người, tức khuynh-hướng hạ thấp
 theo tầm vóc thích thú của ta lý tưởng
 cao cả mà đáng lẽ người công-giáo phải vươn
 đến, trong khi họ vẫn giữ nguyên danh từ
 hay công thức cũ của lý tưởng đó. Nietzsche
 còn làm cho người công-giáo lưu tâm đến
 một xuyên tạc chẳng những có thể xảy ra,
 mà lại là một xuyên tạc thông - thường,
 nếu không chống đối lại : người công-
 giáo hay biện hộ cho những yếu đuối, hèn
 nhất của mình và khoác cho chúng những
 danh từ nhân đức giả mạo.

Nietzsche chỉ trích công-giáo đã dụ dỗ,
 mê hoặc lòng người. Đây cũng là một
 cảm dỗ tự nhiên : ta thường chạy đến
 những người khốn khổ bần cùng, thất bại,
 chán chường, tuyệt vọng để thuyết pháp họ
 để nói với họ về tôn-giáo, như một hy vọng,

tia sáng trong đen tối. Vẫn hay theo lý thuyết công-giáo nhưng đau thương đó là một dịp, một « ơn trên » giúp nạn nhân trấn tĩnh tâm hồn, nhận chân giá trị cuộc đời, cảm thấy vẻ hào nhoáng giả dối của danh vọng trần gian, để ăn năn sám hối. Nhưng không vì thế mà lại giới thiệu tôn giáo như một nơi trú ẩn, một nguồn an ủi. Cần hiểu công-giáo có một lý tưởng cao quý, đòi hỏi những cố-gắng liên tục; giáo dân không phải là một con người suy giảm, hèn nhát, an phận thủ thường. Công giáo không phải là nơi để người ta gác bỏ mọi trách nhiệm, mà trái lại giúp người ta mở rộng nhân giới. Thượng-Đế là Đấng trợ lực, nhưng giúp đỡ của Thượng Đế vẫn tùy cố gắng của người ta là đúng hơn, Thượng Đế giúp người ta cố gắng trước hết.

Công-giáo có mục đích thăng hoa con người, kêu gọi con người sống theo đời sống của Thượng-Đế trong thế giới hiện hữu. Giáo dân buộc phải luôn luôn cải tạo thế giới, canh tân mọi tổ chức xã-hội, sao cho thế giới một phần nào phản ánh được thiên cung. Lý tưởng đó phải là một lý tưởng anh hùng; con người phải vượt quá con người: vượt quá không nghĩa là giảm yếu, mà làm cho con người lướt thăng chính mình.

Hiểu nhầm bài rao giảng của Chúa Giêsu về « Tám mối phúc », người ta đã đề ra một tôn giáo đầy khốc lóc, nhu nhược, tạo nên một thứ đạo đức nhạt nhẽo, yếu đuối, những ca vịnh lãng mạn, ru ngủ đầy cảm tình đức tính khôn ngoan, chẳng hạn, ngày nay trở nên đồng nghĩa với dè dặt, bảo thủ, hay xảo quyết, trong khi nó phải là nhận định quá khứ và hiện tại để quyết

hướng về tương lai. Vì thế trong óc nhiều người, công - giáo đi đôi với thủ cựu. Chậm tiến vì một tư tưởng không phải là một nhân đức !

Marcel Légaut trong *Prières d'un croyant* đã can đảm nhận định : « Thừa Chúa, Chúa đã phán : « Hãy đến cùng Ta những ai đau khổ và gánh nặng, Ta sẽ cứu giúp, ». Chúng đã đến và với chúng cả đoàn người mà thế gian đã làm cho thất vọng vì thế gian không biết làm thỏa mãn những nguyện vọng rất hữu hạn của chúng. Đó là hạng đa tình đang theo đuổi một tình yêu đắm say mà không thể bắt được ; hàng chán nản đang tìm ở tôn-giáo một nguồn an ủi mới ; hạng nhát gan đang cố bám vào một tổ chức để nương tựa ; hạng nhu nhược, dốt nát vì thấy ở tôn giáo một bảo đảm cho đời sống mình, trong khi các nơi khác đều khước từ. Thừa Chúa, chúng đến từ bốn phương trời, chúng là những bệnh nhân khao khát sức khỏe, mà sức khỏe đó không phải là sức khỏe Chúa muốn cho chúng... Những lời của Chúa rơi vào tai chúng... và mỗi người tìm thấy trong lời Chúa sự kết án những gì mà mình bí mật ghen ganh. Chúng phấn khởi trước những lời mà xem ra miệt thị những gì mà chúng không có thể hay không có gan đạt đến. Đó là sự đề cao những gì nghèo nàn, bé nhỏ, hèn yếu, tầm thường. Tâm hồn, khi bị thương tích, lại đánh hạ tín ngưỡng xuống theo tầm vóc của mình... xa lánh sự đời đầy há khắc, dửng cảm, họ thấy trong những lễ nghi, phụng vụ tôn giáo, trong sự tiến bước đều đều của những tập quán đạo đức, một thế - giới mới vui - vẻ hơn thế - giới trên, một thế - giới mà họ được kính trọng hơn... Tất cả đều

thành thực làm lẫn yếu đuối với hèn nhát, khiêm nhường với tầm thường, hiền lành với nhát gan. Không để ý đến nghĩa chúng chỉ để ý đến chữ, đến cái vô Phúc-Âm, và cái vô đó đối với chúng là cực kỳ thánh thiện, vì có vẻ lên án những nguyện vọng chính đáng nhất của một nhân loại sống không cần chúng. » (trang 245).

« Hãy trọn lành như Cha Ta trên trời ! Ai muốn theo Ta thì phải mang thập giá với Ta ! » Những lời này của Chúa Giêsu nói cho tất cả mọi người, chứ không cho một thiểu số, vạt ổ cáo những hạnh phúc hạ giá, những an vui quá dễ dãi. Duy những người có nghị lực mới chiếm giữ được thiên đường.

Ngày nay, muốn dành dứt thế-giới khỏi tay những người say mê thuyết Nietzsche, muốn có trong hàng ngũ mình những tâm-hồn ưu tú, muốn trở nên mạch sống cho nhân loại, công-giáo phải được trình-bày theo đúng ý nghĩa của nó, ý nghĩa toàn vẹn, ý nghĩa nỗ lực, anh hùng. « Rút lui về vị trí đã được định trước », như theo thông cáo quân sự Pháp thời đại chiến thứ hai, sẽ làm cho thanh-niên chán chường.

Không vì những hạng tầm thường đang sống ngoi ngóp dưới bóng tôn-giáo mà ta phải hy sinh hạng ưu tú : như thế, trước sau hạng ưu tú cũng sẽ trở nên tầm thường, và tôn-giáo mất hết nhuệ khí. Ngược lại, vì hạng ưu tú mà ta phải hy sinh hạng tầm thường, hay đúng hơn, ta phải dìm dặt hạng tầm thường theo gương anh hùng liệt sĩ.

Hạng ưu tú công-giáo khác hẳn hạng siêu nhân, Nietzsche đòi hỏi ở siêu nhân nhiều đức tính đáng ngại : để kích thích con người, Nietzsche cần đến bản năng

thú vật hùng dương đầu với kẻ khác và chính mình. Muốn tránh những mầm mống có thể đưa đến nhu nhược, siêu nhân mất cả nhân tính và cuối đời, Nietzsche cũng trở nên điên dại.

Vị thánh trong công-giáo không hy sinh đức tính này cho đức tính khác, không vì muốn đề cao chí khí anh hùng mà lại miệt thị tình âu yếm, lòng thương xót cảnh cùng cực của tha nhân: Phải chăng vị thánh công-giáo đã giữ được « thế quân bình » ? Danh từ này, cũng như danh từ « trung dung, trung hòa » có thể làm cho ta rơi vào lầm lỗi mà Nietzsche đã cảnh cáo, vì có thể gọi ra cảnh lạng lẽ, bình tĩnh, trưởng giả, nhàn rỗi, dù sự thực thế quân bình là một thế linh động, khó khăn gấp mấy chục ngàn của Nietzsche : « Phải sống một cách nguy hiểm ! »

Vị thánh phải có những đức tính siêu việt hình như tương khắc : « Tôi không tán thưởng một nhân đức đã đi đến quá độ, cũng như một giá trị, nếu tôi không thấy nhân đức trái ngược nó cũng đã đi đến quá độ, chẳng hạn Ê-pa-mi-non-đát (Epaminondas) vừa rất mực dũng chiến vừa rất mực nhân từ. Nếu không như thế, thì không phải là đi lên, mà là đi xuống. Muốn biểu dương đức cao cả của mình, không phải chỉ đưa đức tính đến cực điểm, mà còn phải đưa đức tính trái ngược đến cực điểm nữa, đồng thời quăng giữa hai cực điểm đó, phải được bù đắp lại. » (Pascal, Pensées, section 6 N° 253).

Anh hùng của Nietzsche trở nên siêu nhân thì thành bất nhân.

Anh hùng của công-giáo trở nên thánh thiện mà vẫn giữ được đức ái-nhân.

* * *

Cái bất nhân của Nietzsche đã được biểu lộ sau này với những hiệu quả tai hại của nó.

**Những hiệu quả
của thuyết Nietzsche**

Độc tài fát-xít (mối tương giao giữa các nước chỉ có thể căn cứ vào võ lực : lời của Mussolini), chủ nghĩa Đức-quốc-xã của Hít-le, hay Cộng-sản duy vật của Mác, đều dựa vào thuyết Nietzsche, và ta đã thấy rõ hiểm họa của các chế độ đó.

Giờ đây, vụ án Adolf Eichmann làm cho ta nhớ đến những « cuộc ngăn cấm sản sinh », diệt trừ một giống nòi mệnh danh là hèn nhát, nô lệ, những trại giam nhốt con người như « bầy súc vật » : 4 triệu Do-Thái bỏ mình ở các trại tập trung, 2 triệu bị bắn ở Nga, tức 6 triệu đã phải hy-sinh để Hít-le có thể sản-xuất hạng siêu nhân,

có khí huyết thuần-túy A-riêng. Mỗi ngày trung bình 12 đến 15 ngàn người bị đẩy vào lò sát sinh để bị hơi độc giết chết, rồi đốt cháy, mỡ thu thập lại dùng làm xà phòng, nhót máy... Auschwitz, Maidanek, Treblinka, Belzek, hay Büchenwald... những danh từ rung rợn nói lên tất cả những gì khủng khiếp nhất trong trận chiến vừa qua, và lên án siêu nhân và lời quyết đáp của Nietzsche « Xã-hội có thể dành cho mình những phương-tiện hữu hiệu nhất để cấm sản sinh... »

Cũng vì muốn xây dựng một « tương lai rực rỡ », « một xã-hội vô giai cấp », « một thiên đàng ở trần thế » mà Cộng-sản cũng sẵn-sàng thủ tiêu hàng triệu nhân mạng « phản động, thoái hóa ». Gấp mấy Hà-Bá xưa, thần duy dật đã nuốt sống 30 triệu dân Trung-Hoa.

NGUYỄN-ANH-LINH

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI SỐ 8 (25-10-1960)

☉ **Sáng-tác Văn-Nghệ :**

HÀ - VÔ - HOÀI — TUYẾT - HƯƠNG

NGUYỄN-CHÂU — MINH - HỮU

Những câu chuyện :

Văn-Nghệ : Văn-học và luân-lý (MAI)

Khoa - học : Hương bướm (CÔ-LIÊU)

Giáo - dục : Vấn-đề giáo-dục sinh-lý (NG - HIẾN-LÊ)

Phụ - nữ : Bạn gái đề ý tới đàn ông những điểm nào trước nhất (NGUYỄN-HUYỀN-THU)

Nghệ-thuật : Triền-lãm quốc-tế nhiếp ảnh

Qua các hàng sách : Những cở-tích mới (THẾ-NHÂN)

Phỏng-vấn : Phụ-nữ với chức-nghiệp (NGUYỄN-NGU-Í).

Và các mục : **Điểm người điểm việc, Tin Văn, Nụ cười lợm lặt v...v...**

★ **MAI** phát hành ngày **10** và **25** mỗi tháng. **GIÁ 5\$**

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

VÀI THẮC-MẮC CỦA NGƯỜI HAM ĐỌC BÁO

ĐOÀN-THÊM

KHI cầm tờ nhật-trình đọc qua, dù là báo Việt-Nam hay ngoại-quốc, dĩ-nhiên mắt ta tìm ngay xem có những tin hoặc chuyện gì mới lạ.

Nhưng nếu ta chú ý, hoặc chịu khó chép các đề-mục ra một mảnh giấy, thì không khỏi sững sốt đứng trước một sự... loạn xạ.

Tình - hình Phi-Châu vẫn căng, Lumumba hò hét. Một bà bé đồ át-sít vào mặt một bà lớn. Mưa bão ở Pháp... Một tiệm tiểu-công-nghệ sẽ trình bày sơn mài, thảm dệt, đồ sành. Tướng Ouane RathiKone tuyên bố. Máy bay rớt xuống Boston 61 người chết. Krouchtchev cứ đập bàn âm ỉm. Sắp chiều « Le train du dernier Retour ». Một chai coca-cola đứng nghiêng. Cao-bồi đang đánh nhau ở

cột 3 trang nhất, chạy tròn sang cột hai mục C tìm mãi mới thấy. Đọc chưa hết đã phải lật giờ, mục nào cũng... nửa đời nửa đoạn như nhau cả.

Vì sao lung tung như vậy ? Để bắt buộc độc-giả vương vấp thì mới chú ý đến cả những mục nào xưa nay thường không ưa ? đập vào mắt để lôi cuồn cho dễ ? Đó là giải-thích thông thường của một số khá đông nhà báo.

Chưa chắc đã có hiệu-quả ; vì nhiều người mở tờ báo, chẳng ngó qua lần lượt các mục, nhưng lật ngay những trang sau và chú ý đầu vào truyện ngắn hay tiểu-thuyết dài tiếp theo kỳ trước.

Còn có những vị soát thoáng một lượt trước khi dừng hẳn ở những mục cho là đáng đọc ; nhưng lướt mắt chỉ để « hừ » một hay nhiều lần : hừ, lại

VÀI THẮC-MẮC CỦA NGƯỜI HAM ĐỌC BÁO

chuyện trích thuộc chêt người, hừ, lại đầu-cơ, hừ, lại lừa hột soàn.

Phải chăng trình bày lộn xộn để tờ báo phản chiều đúng thực-tê? Những việc xảy ra hàng ngày trên thế-gian dù lớn nhỏ vui buồn, chẳng theo thứ-tự nào hết, nhưng hình như đã tiếp diễn theo một ấn-ý hài hước của tạo-hóa: có lẽ sự câu tiết này của Krouchtchev cũng chẳng quan trọng hơn một nạn xe hơi trong không-gian vô-biên và thời-gian vô-tận của vũ-trụ vô-cùng?

Không thể đoán như vậy. Điều tin được, là dụng-ý của nhà báo khiến cho độc-giả nào nhiều thời-giờ, có cái thú la-cà của người thủng thủng bước vào tiệm sách chứa hàng ngàn pho ngàn tập dày mỏng không phân loại chia ngăn nào hết, hoặc vào một tiệm bán đồ cũ lũng-cũng cống-kênh: nhìn m t, không biết tìm gì, rồi họa may khám phá được một quyển hay vài dụng-cụ hợp với nhu-cầu riêng, nhiều khi thầy tra mới nhận-thức ra mình kỳ-dị.

*
* *

Rất nhiều khi coi tạp-chí ngoại-quốc, như Fortune, Look, Vues et images, v.v... nhiều hình ảnh thường khiến tôi nghĩ lẩn quẩn về sự kiến-tạo ở Âu Mỹ, và tủi thân khi so sánh với những nhà cửa nhiều xứ Á-Châu.

Có cần chi ngắm nghĩa phong-cảnh các thủ-đô hay thành-phô khổng-lồ tòi-tân? Ngay ở những thị-trần tương-đôi nhỏ và cũ, ít khi người nước khác biết tên, như Arras hay

Dijon (Pháp) Stuttgart hay Ratisbonne (Đức) Ypr Bi) Ravenne (Ý) Carlisle (Anh) Klagenfort (Áo)... đều thấy sừng sững những ngôi nhà cao lớn, thẳng tắp những đường phố quang đãng, đầy rẫy những lâu đài dinh-thự, vườn hoa, tượng đá, nóc nhà thờ chót vót và chạm trổ công-phu. Trái lại, các thị-xã, tỉnh-ly, ngay các đô-hội ở nhiều nước Á-Đông thường chỉ lúc nhúc những dãy nhà lụp xụp bé nhỏ, dọc ngang những phố-phường chật hẹp hỗn độn...

Tình-trạng đó thường được cắt nghĩa bằng trình-độ kinh-tê. Người giàu dĩ-nhiên có nhà cửa cao rộng, thành phố giàu tất nhiều công-trình kiến-trúc mỹ-thuật. Âu-châu sớm biết mạo hiểm thông thương, các nguồn lợi thiên-nhiên được khai phá nhiều để trao đổi, mức sống chung lên mau nên càng dễ phát triển về mọi mặt và càng chế hóa nhiều những tiện nghi nhất là cho sự cư-trú quán-tụ, rồi lại thêm khoa-học tiên và giúp vào kỹ-thuật tạo-tác.

Những nguyên-nhân đó khó lòng chỗi cãi, song hình như vẫn chưa giải đáp được nhiều điểm khó hiểu.

Khỏi người Á-đông giàu có mà vẫn ở chui rúc lùm thuộm. Các vua chúa xưa kia chẳng thiếu gì phương-tiện, mà nhà cửa hay nơi làm việc mặc dầu tương-đôi sang trọng, và gọi là cung điện thành trì với những tên rất kêu cho oai, cũng chỉ là mấy dãy nhà gạch ít khi có đến ba tầng lầu, và chẳng lộng-lậy nguy-nga đồ-sộ bằng của hạng công hầu Đức, Ý, Pháp:

chẳng thấy gì tương đương với những thành lũy « châteaux-forts » hay lâu đài « châteaux » như ở dưới các triều-đại Âu-châu. Cung cầm Bắc - Kinh chẳng đẹp bằng được điện Versailles; Vạn - Lý Trường - thành có bề dài nhưng không có chi đáng chú ý về phương-diện mỹ-thuật.

Cũng không phải là người Á-đông thiếu tài. Những đền bằng đá rất vĩ-đại như của Ấn-Độ, loại Angkor, hoặc những cung-thất rực rỡ của các chúa Nhật-Bản, loại Nikko, là dấu tích của những nghệ-thuật khó sánh. Song ngay ở những xứ đó, nhất là trước khi Âu-hóa, các thị-trần vẫn kém xa của Âu-châu về phương-diện kiến-thiết. Chắc các đấng vương xưa kia chỉ nghĩ đến sự trị-an mà tọa hưởng, không quan tâm đến sự cải tiến số phận người dân, nên mặc dân ở quây quần thê nào cho đừng rối loạn thì thôi. Hại hơn nữa, xã-hội chia giai-cấp quá rõ rệt, thường-dân mà dám mặc áo hoặc xây nhà như quý-phái thì bị ghép tội lộng-hành. Hoặc vì thiếu tổ-chức cảnh-bị, người giàu có không dám phô trương tài-sản nhà cửa đồ đạc, e trộm cướp dòm ngó, hoặc tham-quan cường-hào thấy có máu mặt thì lại kêu gọi lòng thành. Đến khi người da trắng tràn sang các nước Á-châu, họ chú trọng đến việc xây dựng các thành-thị: chẳng phải vì nhân-đạo hay khai hóa, nhưng trước hết cho họ có nơi đủ tiện nghi cư trú mà thông trị. Chánh-quyền thuộc-địa cũng mặc cho người giàu bắt chước làm nhà kiêu mới, để đánh thuế, nhưng cũng chẳng cho

đủ quyền quản-trị các thị-xã mà khuếch trương tô điếm.

Thành thử người dân da vàng, ở thời-kỳ độc-lập xưa kia, thì bị chèn-độ xã-hội phong-kiến đè nén không cho kiến-thiết; khi bị ngoại-thuộc, thì tuy có thể xây cất, không được tham gia mở mang nơi mình sinh trưởng, dù có thiện-chí chẳng nữa. Trái lại, người dân Âu-Châu vì mức sống tăng mau, đã từ cảnh nô-lệ khốn-cùng, nhờ tư-sản mà bước lên địa-vị trường-giả, rồi kết hợp và giành được cho các thị-trần của họ những chèn-độ thị-xã tự-trị khá rộng rãi mà các ông Hầu ông Bá buộc lòng phải nhượng, hoặc đem bán dân để lấy tiền tiêu (Chartes municipales) Có quyền quản-trị, họ mới lo tu bổ kiến tạo.

Các Xã ở Á-đông, tự cổ vẫn có quyền đó, đến nỗi ở nhiều xứ « phép vua thua lệ làng ». Song có phải vì thế mà hương-thôn được xây dựng đẹp đẽ? Có tiền còn phải tổ chức hương-âm để ăn uống và tranh ngôi thứ, rất ít khi dựng được trường học, nhà thương, hay lát đường, lập công-viên... Thành ra thiếu công-tâm thì có quyền cũng chẳng biết sử dụng. Đối với làng là nơi ông cha chôn nhau cắt rốn còn như vậy, huống hồ đối với thành-thị mà phần đông mới chỉ coi là chỗ trú ngụ mưu sinh, giữa những nhóm người chung đặng mà vẫn xa lạ: công-tâm có lẽ chỉ nảy nở khi nào giữa người và người, giữa người và đất có những mối dây lưu luyến vô hình?

Tóm lại, cảnh tốt đẹp ở các nơi tự dân châu Âu, là kết-quả sự tiên-hoá

VÀI THẮC-MẮC CỦA NGƯỜI HAM ĐỌC BÁO

về chánh-trị, kinh-tề, xã-hội, dân-trí. Những điều-kiện đó, hiện nay không thiếu nữa ở nhiều xứ châu Á ; khôn nôi, lại gặp trở-lực rất lớn, là tình-trạng bất-an với những cuộc rời ren phá hoại từ khi các cựu thuộc-địa thu hồi độc-lập : có được bao nhiêu mà phá cứ mãi ?

*
*
*

hắn cần đọc, cứ giờ qua cho vui mắt, những lúc mệt nhọc nằm nghỉ, trong máy bay, đợi ở phòng khách nha-sỹ... bất cứ báo chí nào của Âu Mỹ, thường thấy những hình ảnh ông Hoàng bà Chúa và những mục cổ khi rất dài nói về các vị đó.

Tháng trước, thì cô Diane con gái Bá-tước De Paris lấy chồng, hôm khác thì vợ Hoàng-thân Albert là Paola đã đi dạ-hội vì con trai đầu lòng đã đầy tháng ; ông chúa phái Hối-giáo Ismaéliens là Karim, nghe như đã kết thân với cô nào đó ; cựu Hoàng-Hậu Soraya lại cười, có lẽ vừa tìm thấy lý-do sống ở một nhà triệu-phú Y-Pha-Nho kẻ chân vương-tước Ý Orsini ; người kẻ ngôi bà, Fara Dibah, đã khệ nệ mang một hy-vọng tròn tròn cho dòng dõi hoàng-tộc Palevhi bên Ba-Tur : Hoàng-Thái-Phi Michiko vừa sinh hạ Hoàng-Nam ; Công-Chúa Margaret, quên, bà Amstrong-Jones, vẫn được các đầu bếp quý trọng hơn là đức ông chồng ; vua Baudouin hờ hờ bên cạnh công-chúa Fabiola De Mora y Aragon ; Farouk, cựu-hoàng Ai-Cập, lại sắp kết hôn với một mỹ-nhân Ý giống Nariman,

vợ trước ; hoàng-hậu xứ Népal được ca ngợi là đẹp như nữ tài tử màn bạc Mỹ ; hoàng-hậu Frederica bên Hy-Lạp hình như lại sắp tổ-chức một cuộc du-ngoạn trên du-thuyền cho hàng trăm du-khách quý-tộc để họ có dịp quen nhau và tìm mỗi lương-duyên ; Grace Kelly bây giờ là bà Hoàng Grace de Monaco, đương can ngăn triệu phú Onassis đừng bỏ vợ để lấy đào hát La Callas... Thôi, kể ra thì hàng trăm số Bách-Khoa cũng chưa đủ...

Kỳ thiệt ! ở giữa thời đại dân-chủ, khi giai-cấp quý-tộc không còn uy-thê để ảnh hưởng được vào vận-mệnh quần-chúng như dưới chế-độ phong-kiến, tại sao đa số còn chú trọng quá nhiều đến hạng người đã bị những cuộc cách-mạng gạt bỏ hoặc tước bớt quyền-hành ? Thiếu chi những vấn-đề trọng đại hay khẩn bách cho một nước hay cho cả thế-giới, sao còn tồn công, tồn giầy, tồn thời giờ vì những chuyện đời tư của những ông vua mất ngôi, những bà chúa mất chồng, những ông hoàng ăn chơi xa xỉ ? Tất cũng phải có nguyên-do gì đây, khiến kẻ muồn giải trí lại phải nghĩ vợ nghĩ vãn.

Tại còn nhiều dân-tộc bảo-hoàng ? Chế-độ quân-chủ mặc dầu có tánh-cách lập-hiến, vẫn tồn tại ở Anh, Bỉ, Hòa-Lan, Thụy-Điển, Na-Uy, Đan-Mạch, Hi-Lạp, và có lẽ một ngày gần đây sẽ tái lập ở Y-Pha-Nho khi tướng Franco qua đời hay chịu nhượng quyền ; ấy là chưa kể những xứ Á-Phi, Nhật-Bản, Népal, Ba-Tur,

Jordanie, v.v... là nơi chưa từng theo chánh-thể Cộng-Hòa bao giờ. Đa-sô dân các nước đó, ít ra ở Âu-châu, còn quý trọng ông vua bà vua một cách chân-thành ; vua bình nặng, vua sắp đề, vua sắp cưới, họ thường chờ đợi hồi hộp để buồn vui, để khóc lóc hay tung hô dậy đất ; họ chen chúc dưới trời mưa, họ đi từ những vùng rất xa lánh đến kinh-thành với hy vọng được chiêm ngưỡng ở dọc đại-lộ trong vài phút. Cảm-tình của dân Anh đối với Anh-Hoàng chẳng hạn, không ai có thể chỗi cãi. Và quần chúng vốn hồn-nhiên, đã yêu thì yêu cả đường đi lối về, quý vua thì quý cả chị em con cháu vua, vì thế họ tò mò chăm chú tới mọi cử-động hành-vi của Hoàng-Gia : hoàng-tử Charles đi học với con nhà thường-dân như thế nào ? Công chúa Alexandra lớn tuổi rồi, cũng nhiều bạn, mà đã để mắt biếc vào ai chưa ?

Đã đành là như vậy. Song giải thích làm sao tâm-trạng kẻ trên bằng lòng tôn-quân, khi nước chẳng bao giờ có vua, như Huê-Kỳ, hoặc không có triệu chúng gì sẽ phục hưng quân-chủ, như Pháp ? Và lại, những Karim hoặc Aga Khan trước kia, là giáo-chủ đạo Hồi, nào có uy-tín gì đối với những dân-chúng Âu-Châu khác cả tôn-giáo phong-tục, mà xem chừng vẫn được chú ý hết sức ?

Một số người, tuy ít ỏi, còn có tư tưởng bảo-hoàng, ngay ở Pháp : họ vẫn hy-vọng rằng một ngày nào đó, những biên-chuyên của lịch-sử sẽ đưa trở về ngôi những con cháu nhà Capet, họ Bourbon ; cho nên họ vẫn

cảm phục và ủng hộ sẵn những người như bá-tước De Paris, hay thái-tử Don Juan d'Espagne, nhất là có những sự-kiện cụ-thể duy trì những vết tích phong-kiến. Nhiều phê-đề phê-vương vẫn mang vương-tước (Prince, Altesse) và được mọi người gọi như vậy ; họ đã thoái-vị nhưng vẫn nhất định không thừa nhận tình-trạng đó, vẫn coi như họ còn quyền thiêng-liêng trị dân của tổ-tiên, vì thế, giữa phái họ, gia-trưởng giữ quyền kế nghiệp vẫn « tân phong » cho con giai trưởng làm thế-tử, và có khi tuyên bố truất cả quyền lợi khi con trái ý, tỉ như ở trường-hợp con muốn lấy người không có « máu xanh » (sang bleu) nghĩa là huyết-thông quý-tộc. Hơn nữa, họ tiếp tục sống một đời vật chất vương-giả : ba bốn lâu đài cũ, nhà nghỉ mát bãi biển, biệt-thự ở thủ-đô, ruộng, đồn điền cò bay thẳng cánh nếu có cò (quận-cộng De Wurtemberg còn 18.000 ha đất) mỗi khi cưới con, mời khắp công hầu bá tử Âu-Châu, các nhà báo tha hồ thi đua chụp ảnh và đăng tin... Vì có gì các chánh-phủ cách-mạng đã để cho họ nhiều phương-tiện mà sống một cách xa xỉ ? Kẻ cũng khó hiểu, và chắc cũng nhiều người giới khác thấy vô-lý.

Nhưng không phải vì thế mà quần - chúng bớt quan tâm theo dõi đời sống của các ông hoàng bà chúa. Có lẽ suy bụng chúng ta ra bụng người Âu-Mỹ : ta chẳng có lý-do gì để quý mến những người « máu xanh ». Song chúng ta học lịch-sử, bao nhiêu đời chỉ thấy những vua chúa tung hoành, nhiều tiểu-thuyết

VÀI THẮC-MẮC CỦA NGƯỜI HAM ĐỌC BÁO

võ-hiệp hay diễm-tình cũng nhan nhản những ông vua anh-hùng hay những bà chúa yêu-kiểu. Rồi lâu dần quen đi, những tiếng hoàng-tử và công-chúa thành những danh-từ chung để chỉ những người đẹp trai đẹp gái và tài hoa, « Lan đã tìm được ông hoàng mộng-tưởng » (Prince charmant) « Lung mới có một bà chúa ngự trị trái tim » (Reine de coeur). Cho nên mỗi khi nghe nói đến ông hoàng bà chúa, thường liên-tưởng ngay đến những cảnh lộng lẫy sung sướng, cung điện, lầu đài, châu báu, nhan sắc, tình ái, thơ mộng như trong truyện « một nghìn một đêm lẻ »...

Chính vì thế mà cô Lan hay chị Thúy mỗi khi thấy hình Margaret hay Paola hoặc quận-công d'Edimbourg, Soroya v.v... thì vỗ ngay lấy: sắp lấy chồng chưa? lấy ai? đã làm lành với nhau chưa? Tội nghiệp quá, tình-tử thế này mà bị chống bó... Tưởng gì, còn kém Peter Townsend nhiều... Vợ chồng Albert tốt đôi quá Sao họ lắm tiền thế nhỉ, hãy trông kim

cương của Fara Dibah, áo cưới của nàng cũng đáng triệu quan?..

Bị chê giàu là khéo dư tình-cảm, cô Lan và chị Thúy đã trả lời phăng: Thế các đào điện-ảnh thì quý hóa gì mà các anh biết cả con gái Lana Turner đâm chết nhân-tình của mẹ, hay Milène Demongeot lấy chồng nhiếp-ảnh-viên? Việc gì đến anh, nếu Vadim bỏ vợ mấy lần?

Thôi phải rồi. Chúng ta thích giàu, thích đẹp, muốn yêu thì hay sẵn sàng chú ý đến hình ảnh những kẻ nào cho ta cảm-tưởng đầy hạnh-phúc, một thứ hạnh-phúc mà những ông hoàng bà chúa hình như có đủ điều-kiện để thực hiện, khác nào những lứa đôi trẻ trung tươi sáng mà ta thường thấy trên phim hát bóng?

Và có lẽ nhiều người ưa thích hơn truyện màn bạc, vì những vai trò quý-phái kia có thực, để múa may say t nh khóc cười, diễn tẩn tuồng đời của họ cho ta xem, ít nhất ở trong phòng hớt tóc.

Đ. T.

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS. RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

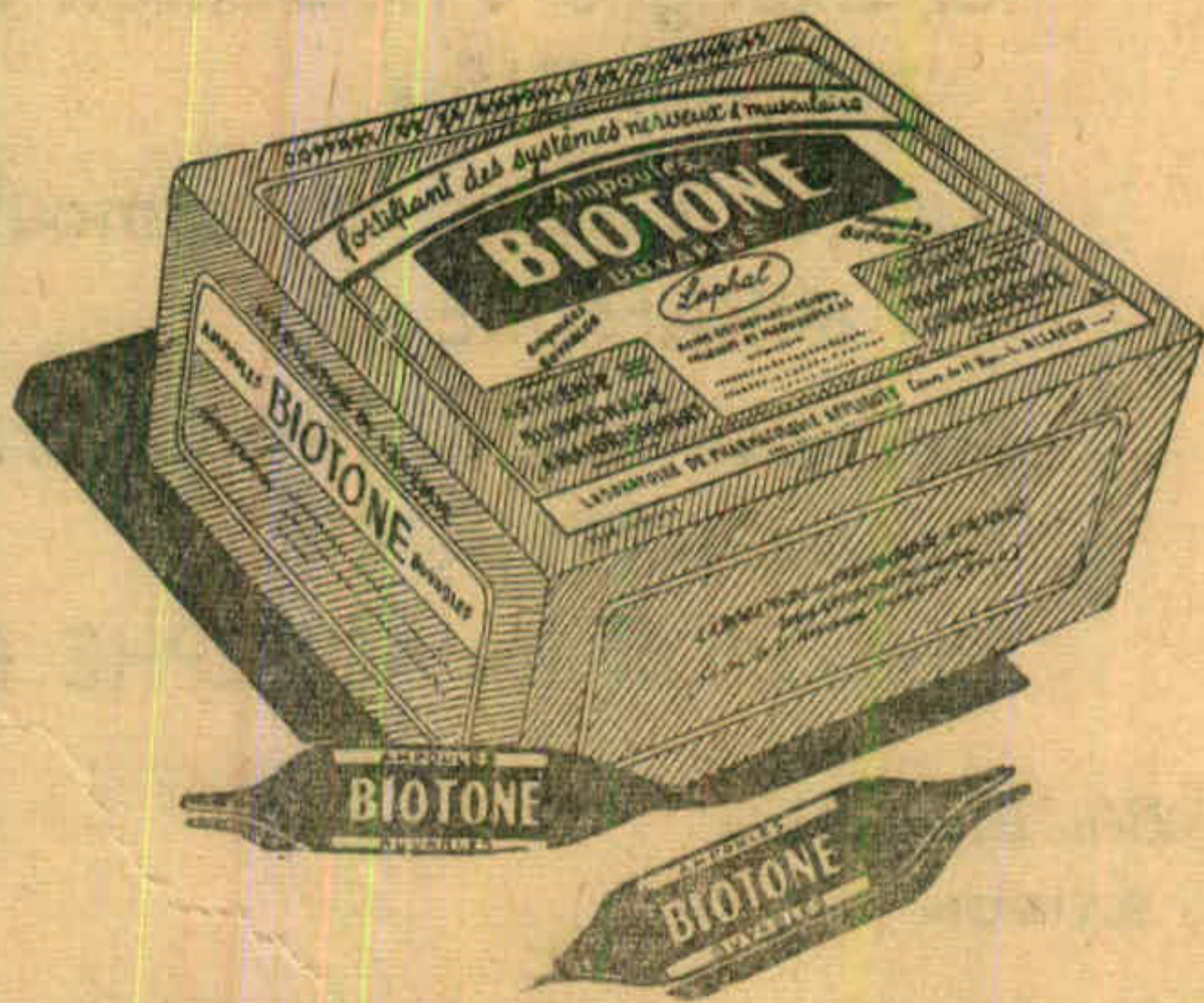
Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Su

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky **BALLANTINE'S** »
Cognac « **COURVOISIER** »
Sardines « **LES OCÉANIDES** »
Champagne « **HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE** »
Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »
Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

TÊN CÁ

TRONG

NGŨ - VIỆT

◎ NGUYỄN BẠT-TỤY

Ở loạt bài trước tôi đã trình-bày cùng bạn đọc một số tên đồ dùng về nghề chài-lưới và một số vật-biển, như cua, tôm, ốc, sò-hên, với mục-đích không những giới-thiệu những tên mới có thể làm tài-liệu cho một quyển « điềm tiếng » đầy đủ hơn về tương-lai, mà còn gây nên một ý-niệm khái-quát về cách đặt tên các sự-vật theo một tinh-thần thuần-túy dân-tộc của người bình-dân. Tôi đã chủ-tâm dành riêng tên cá cho loạt bài này để có thể đi sâu vào vấn-đề trước khi đưa ra một kết-luận.

Từ Vũng-Tàu lên tới Tam-Quan, nói chung các vật-biển, tôi đã ghi-chép được gần 400 tên, cả đơn lẫn ghép, và trong đó tên cá chiếm số lớn. Chắc-

chắn là tôi còn bỏ sót nhiều tên khác mà sau này, khi đi lên các miền trên hay có dịp quay trở lại, tôi phải tìm cách bổ-túc. (1) Cũng có-thể rằng tôi không tránh được lảm-lẫn về chi-tiết, tuy tôi đã hết sức thận-trọng trong việc làm, vì, dầu luôn-luôn cố-gắng xem tận mắt từng con cá và mô-tả nó tại chỗ, ở các bển-cá hay ở các chợ-cá, với một người thạo nghề chài-lưới hướng-dẫn, nhiều con cá vẫn còn mãi vẫy-vùng ngoài biển cả và nghĩ rằng chẳng tội gì chui vào lưới để vào bển làm thỏa-mãn óc tò-mò của một kẻ gàn-dờ như tôi.

1.) Một số tên vật-biển khác có-thể thấy trong quyển *Hải-sinh-vật trong hồ cá Nha-trang* (Sài-gòn, 1959).

TÊN CÁ TRONG NGŨ-VIỆT

Bởi vậy, ở nhiều trường-hợp, tôi đã phải trông-cậy vào sự mách-báo của những người trong nghề, nhưng tôi không quên đôi-chiều ý-kiến của ít nhất là ba người ở ba miền cách-biệt: những ý-kiến ấy có khi khác nhau đôi-chút, nhưng đại-khái thì tôi có-thể tin-cậy được cả.

Thật ra, ngay trong sự quan-sát cũng dễ có nhiều cái ngộ-nhận nếu không được chỉ-dẫn đến nơi đến chốn. Chẳng hạn ở Vũng-Tàu, thường thấy những con cá nóc nhỏ bằng ngón chân cái nằm lặn-lóc trên bãi-biển và bị người dạo chơi day dưới chân cho bụng phồng tròn lên, tôi định-ninh rằng cá nóc lớn đến thế thôi. Đến khi biết thêm nhiều loại nóc: *nóc-bầu*, *nóc-bông*, *nóc-gạo*, *nóc-mít*, *nóc-nhím*, *nóc-thu*, cả *nóc Trương-Phi* nữa (tiếc rằng không có « *nóc Lưu Bị* »!), tôi mới giật mình thấy rằng con cá nóc ấy thuộc loại *nóc-gạo* và có thể lớn gần bằng bắp-đùi, dài đến 70 ph.

Một đàng khác, nếu chỉ kể từng tên cá như một danh-sách khô-khan thì e trừu-tượng quá, nên mỗi khi cần tôi sẽ mô-tả những con đáng chú-ý nhất. Không phải là một nhà-chuyên-môn về sinh-vật-học, tôi không thể phân khoa, phân ngành cho từng con, nhưng tôi sẽ áp-dụng một lối trình-bày giản-dị, chỉ cốt lặn nổi lên vài nét chính khá-dĩ biệt-tính, tức là biệt-loại cho nó. Tôi sẽ chú-trọng vào điều rằng nó có vây hay không, mình tròn \bigcirc , tròn giẹp \bigcirc , giẹp đứng \bigcirc hay giẹp nằm \bigcirc , lớn đến bao nhiêu là cùng, có những đặt-điểm gì.

Ngoài ra, tôi thấy cũng nên giải-thích trước một vài tiếng dùng trong sự mô-tả. Trước hết là cái « miệng » cá quen gọi là *mỏ*, vì nó cũng thường nhọn như mỏ chim, khác cái *mồm* của người, cái *mồm* của thú. Rồi đến cái « vây » ưa gọi là *vi* ở miền Nam *vi* hay *kỉ* (vốn là tiếng nho) ở miền Trung. Nhưng xét ra tiếng *vi* thông-dụng nhất và ta có *vi-lưng*, *vi nách*, *vi-bụng*.

Với tất-cả những tài-liệu thu-thập được, ta chỉ cần định lấy một tiêu-chuẩn hướng về phương-diện nghiên-cứu ngôn-ngữ, và ta có-thể nhân vào hai vấn-đề chính :

— Khả-năng đặt tên cá đơn.

— Đường-lối đặt tên cá ghép.

I.— Khả-năng đặt tên cá đơn

Ngữ-Việt là một ngữ thường được coi là là *đơn-vấn*, nghĩa là mỗi tiếng chỉ có một vấn thôi, nên mỗi khi nghiên-cứu về từ-ngữ người ta thường chú-trọng đến tiếng đơn trước nhất. Dành sự quyết-định xem ngữ Việt có thật đơn-vấn hay không cho một dịp thảo-luận khác, tôi cũng xin theo đường-lối thông-thường mà đề cập những tên cá đơn đã. Những tên này có-thể xét về hai mặt : ý-nghĩa và âm-thanh.

A.— Về ý-nghĩa, tên cá đơn có-thể là một tiếng đặt ra từ bao giờ không biết và vì một lý-do gì cũng không hay.

1. Tên cá tả trạng-thái căn-cứ vào màu-sắc hay cách phân-phối màu-sắc trên mình cá.

Về màu-sắc ta có chẳng hạn ;

Cá *đỏ*, mình tròn giẹp, dài tới 5 tấc, màu đỏ cả. Trong loại « đỏ » này còn có con *đỏ-củ*, dài chừng 1 tấc, lớn bằng ngón-tay, và con *đỏ-dạ*, mình tròn, lớn bằng bắp-tay, lưng xám tro, bụng đỏ.

Cá *hồng*, mình tròn giẹp, nặng chừng 5,6 kí, màu « hồng ». Một-loại gọi là *hồng-sáp* có màu sẫm hơn, như màu « bánh sáp ».

Cá *kẽm*, mình giẹp đứng, hình tròn, lớn bằng hai bàn tay, nặng tới 3 kí, màu « kẽm ». Một loại có môi trề « thừ-lừ » ra gọi là *kẽm-môi*.

Về cách phân-phôi màu-sắc ta có chẳng hạn :

Có *đốm*, mình giẹp đứng, hình tròn, nặng 6, 7 kí, màu xanh lợt có lốm đốm xám.

Cá *hoa*, mình tròn, lớn bằng bắp đùi, dài đến 1 mét, có « hoa » xám đen và một chấm đen dưới mang, ba chấm ở mỗi bên nách. Khi nó còn nhỏ gọi là *hoa-lép*, còn khi muốn chỉ từng loại người ta lại ưa dùng tiếng *bông* : *bông-bạch*, khi con cá hoa lớn hơn bắp-đùi, cũng gọi là *bông* *đỏ-môi* vì môi nó đỏ, hay *bông-bầu* vì mình nó bầu ; *bông-gai*, lớn bằng bắp chân, mình thuôn ; *bông-hàng*, khi con cá hoa lớn bằng bắp-đùi.

Cá *lọ*, mình tròn giẹp, lưng đen-đen như dính « lọ ».

2. Tên cá tả hình-dáng có-thể căn-cứ vào một đặc-điểm nào trong thân-

thể nó, hoặc vào sự so-sánh nó với một vật nào khác.

Vài đặc-điểm trong thân-thể đã gọi ra những tên như :

Cá *lẹp*, mình giẹp đứng, lớn chừng bốn ngón tay, dài chừng một gang rưỡi, màu đỏ lợt, nên còn gọi là *lẹp-đỏ* hay *lẹp-huyết*, và cũng chia ra vài loại : *lẹp-khoang-cổ*, có khoang đen ở cổ ; *lẹp-râu*, có hai râu. Tiếng *lẹp* này cũng nghĩa như *giẹp*, nhưng chỉ dùng làm tên cá và không thấy ghi ở các tự-điển.

Cá *móm*, lớn bằng hai bàn-tay, mình có rần, mỗ trên nhọn mà nhô ra, mỗ dưới lẹm vào như « móm ». Vào loại móm này còn có con *liệt-móm*, màu trắng bạc, vảy to không giống những liệt khác.

Cá *nhòng*, mình tròn mà dài « nhòng », có khi đến trên một mét, màu trắng, có khoang xám.

Riêng con cá *mập* thì không phải vì thân nó « mập » mà có tên ấy. Trái lại chính những cái gì to-lớn đầy đà như con mập nhân đó mới gọi là « mập », và tiếng *mập* đơn đã để ra một tiếng ghép : *mập-mập*. Thứ cá này không vảy, da nhám, mình tròn, dài đến 6 mét, răng như răng - cưa, có từ hai hàm đến sáu hàm, và có một đặc-điểm là để thẳng ra con. Loại đầu to, bụng lớn gọi là *mập-bung*, và tiếng *bung* này nghĩa là « rất lớn », như còn thấy trong *dừa-bung*. Một số vật mà một bộ-phận của con cá trông hao-hao giống cũng cho mượn những tên như :

TÊN CÁ TRONG NGŨ-VIỆT

Cá *bồng*, không vây, da nhám, mình tròn, dài đến 3 mét, nặng chừng 50 kí, màu vàng, đầu có cục xương ở chót thắt eo lại như cái « cổ bồng ».

Cá *cào*, không vây, da nhám, mình tròn, dài tới 4 mét và nặng tới 100 kí, lưng đen, bụng trắng, có 4 vi, đầu có một khối sụn cứng bạnh ra hai bên như hình cái « cào », mắt ở mỗi đầu cào.

Cá *cờ*, mình tròn giẹp, dài tới 2m50, mỏ nhọn như lưỡi-lê mà dài tới 5 tấc, lưng có vi dài từ cổ xuống nửa lưng và cao như lá « cờ ».

Cá *chuồn*, mình tròn mà dài, lưng xanh, bụng trắng, lưng bằng bắp tay là cùng, vi-nách dài như cánh đèn hai phần ba thân, giương ra như « cánh chuồn » mà vọt xa lên khỏi mặt nước như bay được.

Cá *đơi*, không vây, mình giẹp, lưng đen, bụng đỏ, dáng rộng hơn dài, trong như con « đơi » giương cánh.

Cá *đao*, không vây, da nhám, mình tròn, dài tới 6m, nặng đến 100 kí, có ba vi, phía trước mỏ có một lưỡi « đao » lờm-chờm răng, chia ra hai loại: *đao vàng*, mình màu vàng; *đao xanh*, mình màu xanh. Vài chiếc tàu-ô đánh cá ở Phan-Thiết có treo ở đằng mũi những « đao » đôi khi dài đến hơn một mét.

Cá *heo*, không vây, có lông mà vi tủa ra như bốn chân, nên trông giống con « heo », sống bằng rong biển và được coi là một thứ cá rất quý.

Cá *ão*, không vây, da láng, mình giẹp đứng như cá chim, màu trắng toàn, vi dài như râu, có vẻ một « ông lão ».

Cá *mối*, mình tròn, dài chừng 6 tấc, lớn bằng bắp tay, lưng xám, bụng trắng, trông như con « rắn mối ». Loại có rắn gọi là *mối-thắng*.

Cá *nạng*, không vây, mình giẹp nằm như con cá đuôi, có con lớn tới 2, 3 trăm kí, màu xanh nước biển, đầu có hai cục thịt nhô ra như cái « nạng », go nó rất quý và dùng làm thuốc chữa bệnh trái.

Cá *nựa*, mình cứng ở phần ngực, đầu cúp xuống như đầu « ngựa », màu nâu sẫm, có khoang đen,

Cá *rựa*, ít vây, da láng, mình giẹp đứng, dài như cái « rựa », lưng xanh lợt, bụng trắng, nhiều xương. Khi nó còn nhỏ, người ta gọi nó là *rựa-ranh*, còn thứ lớn thì gọi là *rựa-bạc*.

Cá *voi*, so với các cá khác lớn như con « voi » so với các vật khác trên cạn.

3. Tên cá tả thể-chất không có nhiều, ta kể được con cá *bò*, mình tròn, dài tới một mét, lớn hơn bắp đùi, có một gai ở lưng, hai gai ở nách, màu đen mà có lấm chàm xám, da dày như « da bò ». Cá này có bốn loại: *bò-da*, mình giẹp đứng, lớn bằng hai bàn tay, màu xám, da cứng; *bò-giấy*, đầu to, mỏ nhỏ, màu xám tro, da cũng dày; *bò-kiến*, nhỏ bằng cổ chân; *bò-vàng-vi*, lớn bằng hai bắp đùi, có vi vàng.

B.— Về âm - thanh nhiều tên cá đơn có những vần khác lạ. Không phải là một người nội-trợ, hàng ngày ta nghe đài phát-thanh loan giá một số cá, óc tò-mò của ta đã đủ bị kích-thích rồi. Nhưng nếu ra đèn chợ, nhất là chợ-cá ở các bên-cá, quả-tình là ta đã lạc vào một thế-giới khác cái thế-giới hàng ngày của ta. Biết bao nhiêu tên lạ-tai không gây được trong óc ta một ý-niệm nào về sự-vật mà nó chỉ. Nay riêng trong phạm-vi các tên cá đơn, tôi phân-biệt những tên đồng-âm với các tiếng quen dùng và những tên mới hẳn, chưa hề có trong tự-điền.

1.— Về những tên đồng-âm với các tiếng quen-dùng, sự mô tả mỗi con cá sẽ đòi-hỏi quá nhiều giấy, nhất là trên kia một số đã được nói đến : tôi chỉ xin liệt-kê ra đây một phần nào để bạn-đọc có đôi-chút ý-niệm về địa-vị tên cá trong hệ-thống âm-thanh của ta, và xin mời bạn-đọc chờ những chi-tiết tỉ-mỉ hơn trong quyển điển-tiếng của tôi, chừng nào quyển ấy được hoàn-thành : *ảo, bầu, bè, bẹ, bẻo, bộp, búi, cam, còm, cút, cụt, chai, cháy, chắm, chang, cháng, chét, chim, chình, chốt, dia, dò, dót, dĩa, dầy, đối, đồng, đu, đục, đuối, đưng, éc, êu, gác, gáy, gòn, gộc, gún, giày, giang, giò, giằm, giới, giống, hay, hanh, hiểu, hổ, hú, huých, kè, kinh, khế, hoảng, lạc, lằm, lem, lì, liệt, lanh, lằm, lúc, mai, mắng, mao, mập, mậu, mím, mó, moi, moi, mòm, mù, nâu, nóc, nục, nức, nược, ngác, ngảng, ngang, ngao, ngân, nghén, ngô, nhái, ó, phèn, quần, rìa,*

róc, sác, say, sao, sóc, sọc, sòng, sộp, sừu, thiếu, thu, thủng, tỉnh, tộp, trác, trích, trông, trừ, trúc, úp, wóp, vầu, ve, xà, xú, v.v...

2.— Về những tên mới hẳn, ngoài ba tên cá nhận thấy ở vùng Sầm-sơn mà tôi không có được những chi-tiết về hình-dáng : *hin, kền, thèn*, tôi xin tạm kê :

Cá gách, thuộc loại cá thiếu mà nhỏ hơn.

Cá ngau, có vây, thuộc loại cá ngư mà nhỏ hơn, mình tròn, màu xanh-xanh, nặng nhất là nửa kí. Cá này ở Quảng-ngãi và vùng Tam-quan gọi là cá « nghẹo », vì các vần *au* ở đây đều nói thành *eo* : « Hôm *ne* tôi *béc* được *séo* coong cá *ngheo* ». (hôm nay tôi bắt được sáu con cá ngau).

Theo đà biệt-loại ấy, không những ta có những tên để chỉ từng loại cá, mà còn có một số tiếng riêng để chỉ con cá khi còn nhỏ :

Cá cồi là cá đôi nhỏ, và tiếng *cồi* này cũng là một vần mới.

Cá ghế, mình giẹp đứng, lớn bằng bàn tay, mỏ nhọn lưng xanh lợt, bụng trắng, đuôi vàng - vàng, sẽ gọi là cá *hiếu* khi lớn bằng hai bàn-tay.

Cá môn, màu vàng-vàng, là cá đôi-đất nhỏ.

Cá nghéo là cá mập khi đã lớn bằng bắp-tay. Con nhỏ hơn, còn ở trong bọc, gọi là cá *em*, và con lớn hơn lại là cá *nhám* : vì cá nhám phơi khô, lọc lấy cước làm đồ - nấu rất ngon và bổ.

TÊN CÁ TRONG NGŨ-VIỆT

Ngoài những tên trên đây, tôi hy-vọng sẽ còn gặp nhiều tên mới khác trong cuộc hành-trình của tôi, chứng-tỏ được rằng trong ngữ-Việt, không những hệ-thống âm-thanh rất dôi-dào, mà những khả-năng kết-hợp âm-thanh còn rất phong-phú nữa.

*
* *

Căn-cứ vào những tên cá đơn vừa kể, ta thấy rằng người bình-dân đã biết khai-thác một cách khéo-léo kho-tàng ngôn ngữ vô-tận của ta. Ngoài cái tài sáng-tạo, họ còn có cái gan áp-dụng, vì có biết bao nhiêu vẫn lạ-tai mà họ vẫn dùng không chút ngượng-ngịu, miễn là họ tìm được một phương-tiện để phân-biệt rõ-ràng từng sự-vật mà họ cần phải gọi tên. Đó là một bài-học quý-báu giúp ta suy-ngẫm về những tiếng ta nói hàng ngày, mà vì thiếu sáng - kiên, thiếu can-đảm, nhiều khi ta vẫn tự-mãn với những lỗi sử dụng luộm-thuộm.

Trong những tiếng ấy, có hai tiếng *Tiếng* và *Chữ* là lỗi thời nhất. Ngoài những nghĩa khác, *Tiếng* có-thể chỉ chung ba ý : 1. âm-thanh phát ra (nghe thấy một *tiếng*) ; 2. âm hay nhóm âm có một nghĩa nhất - định (nói một *tiếng*) ; 3. ngôn-ngữ của một dân-tộc (*tiếng* Việt). *Chữ* cũng gồm ba nghĩa ; 1. dấu để ghi một âm (chữ *a*) ; 2. dấu để ghi một tiếng (chữ *nhỏ*) ; 3. = tiếng (thơ năm chữ). Bởi vậy, một câu như « *tiếng* này khó » có-thể hiểu ra ngữ-Pháp là « *ce mot* » hay « *cette langue est difficile* », trong khi câu « *chữ* này

đễ » lại cũng có-thể hiểu là « *ce mot* » hay « *cette lettre est facile* ».

Chính vì thấy rõ sự luộm thuộm ấy, và muốn biệt-nghĩa, từ nhiều năm nay tôi vẫn dùng Ngữ thay cho Tiếng mà nói : *ngữ-Việt, ngữ-miền, ngữ-vùng* v.v., như đã mấy lần trình-bày trong hai quyển *Chữ và văn Việt-khoa học*¹ và *Ngôn-ngữ-học Việt-Nam* của tôi. Tôi biết rằng cách dùng ấy đôi với nhiều bạn-đọc có vẻ lạ-tai, nhưng tôi chỉ nhắm vào một mục-đích thiết-thực : gọi « tiếng » là *tiếng*, « chữ » là *chữ* và « ngữ » là *ngữ*, cũng như người đánh cá gọi « con rô » là *rô*, « con riếc » là *riếc*.

Cách dùng này đã được nhiều bạn trong làng khảo-cứu tán-thành trên nguyên-tắc, tuy chưa mạnh bạo hưởng ứng, vì nó quá « cách-mệnh ». Tôi còn nhớ trong một số Sinh-lực, cách đây khá lâu, đã có một bạn viết « ngữ-Việt » như tôi. Anh Lê Ngọc-Trụ cũng từng nói với tôi : « Anh nói « ngữ-vùng, ngữ-miền » thì được lắm, nhưng « ngữ-nước » nghe còn lạ-tai. » Nhất là anh bạn quá - cô Đào - văn - Tập, trong một buổi đàm - luận, — nói có vong - linh anh, — có phát - biểu ý - kiến sau đây : « Tôi thấy tiếng « ngữ Việt » của anh hợp - lý lắm, nhưng chưa dám dùng vì chưa quen đó thôi. Chưa biết chừng một ngày kia tôi và nhiều người khác cũng nói như anh lúc nào không biết, vì những cái lạ buổi đầu mãi cũng phải thành quen. »

¹) Quyển này đã nhập với quyển sau ở kỳ xuất-bản 1959.

Một đàng khác, trong một sò *Giáo-dục phổ-thông*, một bạn đã đề - cập vấn-đề « Những tiếng Hán-Việt không dùng một mình ». Thật ra thì đa - sò các tiếng nho gọi là « Việt-hóa » rồi đều đã phải trải qua một thời-kỳ được ta mạnh-bạo dùng một mình. Nhờ sự quen dùng, ta tưởng như nó vốn có khả-năng dùng một mình, chớ thật ra thì nó hoàn toàn do những nhu - cầu về ăn nói mà có. Những tiếng còn lại là những tiếng « chưa » dùng một mình, chớ không phải « không » dùng một mình.

Chẳng hạn như tiếng *du* là « chơi », xưa kia chỉ thấy trong *du khách*, *du hí*, *du côn*, v.v., thì người ta cho là nó « không dùng một mình ». Dần dần *du khách* nói ngược lại thành *khách du*, cũng như *khách ăn*, *khách trọ*, thì tiếng *du* rõ - ràng là một tiếng « chưa dùng một mình » nhưng đã « có khả năng dùng một mình » như *ăn*, *trọ*. Sau cùng, việc phải đến đã đến : người ta nói : *hắn là một tay du*, nghĩa là « một kẻ dám ăn dám chơi mà cũng dám đánh lộn », rồi *tay này du lắm*, tức là « du - côn », thậm chí còn nói : *tay này chơi du lắm*, với tiếng-năng (verbe) đã thành tiếng tính (adjectif) rồi thành tiếng-trạng (adverbe) mà có một nghĩa biến hẳn. Tiếng *du* đã được dùng để diễn-tả một ý-niệm mới, chớ báo rằng nó Việt-hóa thì nó đã « Việt - hóa » ngay từ khi chữ Hán không còn đọc theo giọng Tàu nữa mà đọc là *du*.

Đó cũng là trường-hợp của tiếng *thủy*. Tiếng này thường chỉ dùng

trong những tiếng ghép : *sơn thủy*, *thủy triều*, *thủy ngân*, v.v. vốn có *nước* rồi, tự nhiên ta không cần đến tiếng ấy theo nghĩa « nước », trừ vài trường-hợp dùng gần như một mình vì thói quen nhận thấy trong *linh thủy*, *tàu thủy*, *đường thủy*, v. v. Nhưng khi cái bình tráng thủy-ngân để đựng nước cho nóng lâu được gọi tắt là *bình-thủy* và chính *thủy-ngân* cũng thành *thủy* rồi, như *quang tráng thủy*, thì tiếng *thủy* đã dùng để diễn tả một ý - niệm khác cái ý - niệm « nước ». Từ « chưa dùng một mình » tiếng ấy đã thành « dùng được một mình » hẳn hoi.

Hai thí-dụ trên đây là trường - hợp của những tiếng nho ngẫu nhiên được dùng một mình, không biết từ bao giờ và do ai khởi dùng. Còn những trường-hợp cố ý của một người mà lâu dần cũng được phổ-biến. Tôi xin tạm kê tiếng *thoại* của Ô. Hoàng-Xuân. Hãn để ứng với tiếng *version* vẫn quen được dịch là *bản*. Tiếng *bản* này xét ra quả thật không đủ tư-cách để chỉ nghĩa « một trong những cách chép một chuyện, một ý gì », nên gần đây đã thấy rải-rác được thay bằng tiếng *thoại*, vốn dựa vào tiếng *nguyên thoại*, và được đem ra dùng một cách bạo dạn trong *thoại cũ*, *thoại mới*, v.v.

Tiếng *ngữ* của tôi cũng vậy. Cờ nhiên nó sẽ gặp nhiều khó khăn hơn tiếng *thoại* của Ô. Hãn, vì nó vấp phải một thói quen lâu đời hơn, sâu-rộng hơn, nhưng tôi tin-tưởng rằng từ chỗ được nhận là hợp-lý, qua chỗ

được chấp-thuận là hữu-ích, vì trong sự nghiên-cứu ngôn-ngữ chỉ có nó mới giúp ta diễn đạt tư-tưởng một cách dứt-khoát, đền chỗ được mạnh-bạo sử-đụng, bước đường sẽ không xa. Cũng như với bao nhiêu tiếng nho khác đã được dùng một mình, sự dùng tiếng *thoại* gần đây đã đính-chính được những nhận xét sai-lầm về ngữ ta thê nào thì sự phổ-biến tiếng *ngữ* sẽ còn có những ảnh-hưởng tốt-đẹp hơn nữa.

Nhưng nói đền *thủy* và *ngữ* mà không nhắc đền những lời ông Nguyễn-Đình-Hòa thì thật là phụ cái nhĩa của ông đã chiêu cô đền vãn-đề. Trong Bách-khoa số 66, ngày 1-10-59 tr. 16, nhà chuyên môn về ngôn-ngữ học ấy nhận xét « nếu khô cô mà xin cô chiêu-đãi-viên trong một phòng trà một cốc *thủy* thì nguy lắm ! » Rồi ông lo lắng tiếp theo như sau đây : « Thê mà đã có giáo sư « danh tiếng » đề-nghị chỉ tiếng Việt bằng danh từ *ngữ Việt* (sic), tiếng Pháp bằng danh từ *ngữ Pháp* (sic), tiếng nói bằng danh-từ *ngữ nói* (sic), chữ viết bằng danh từ *ngữ viết* (sic) ».

Không nói gì đền những cái «móc»(1) thuộc phạm-vi tình-cảm đã làm tôi khá ngạc nhiên, vì tôi vãn yên trí rằng trong những cuộc thảo-luận đứng-đắn không gì bằng một thái-độ cởi mở và thân-ái, tôi chỉ xin tự coi như người ngoại cuộc — vì ông Tân-sĩ ấy ám chỉ

chớ không nói rõ tên ai — mà lạm bàn về bốn cái « xích » (sic) thuộc phạm-vi lí-trí.

Về hai cái « xích » trên với các tiếng *ngữ Việt*, *ngữ Pháp* thì những lời giải-thích trên kia đủ để các bậc thức giả xét xem có đáng tháo-cởi hay không. Hơn nữa, chính Ô. Hòa cũng đã lúng túng trong sự dùng các tiếng *chữ* và *tiếng* : ở đoạn vãn vừa kể, ông Hòa dùng *tiếng* theo nghĩa « ngữ », tức *langue*, nhưng liền sau đó ông bảo *tiếng* là danh-từ chuyên-môn của *chữ* và trên đó ít dòng ông cũng viết một câu : « Ta lấy một thí dụ đơn-giản là tiếng *thủy* « nước », để quá lên trên nữa thì ông chua *chữ* là (*word, mot*).

Nhưng vì hai cái «xích» dưới của Ô. Hòa, tôi đã ra sức tìm mà không thấy hai tiếng *ngữ nói* và *ngữ viết* ở một tác-phẩm nào, kể cả mấy quyển của tôi : riêng tôi, tôi chỉ phân-biệt *tiếng nói* với *tiếng Việt* mà thôi. Đã từng nghiên-cứu và viết sách, chắc-chắn ông Hòa biết thận - trọng trong việc dùng tiếng (sic), vì nó không khác gì một lời cam kết đối với người đọc. Vậy nếu tôi chưa tìm thấy hai tiếng ấy, có lẽ là tại tôi chưa thấu-triệt được câu : « nói có sách, mách có chứng » ! Rất mong ông vui-lòng chỉ-giáo cho.

Nay trở lại vãn-đề, tôi xin nói tóm-tắt tôi đã đề-nghị và dùng *ngữ* thay cho *tiếng* riêng về nghĩa « cách ăn-nói của một nhóm người, trong một nước, một miền, một vùng hay một giới », vì đã nhận-thức được giá-trị biểu-ý

1. Xem nghĩa tiếng này ở Bách-Khoa số 89, tr. 26, 1 ch. 2.

của tiếng ấy, nhất là trong phạm-vi nghiên-cứu, chứ không hề có ý lập-dị như người « xin một cốc thủy ». Ông Nguyễn - đình - Hòa nói theo Tàu là *Việt-ngữ, thô-ngữ* mà tôi mạn phép ông nói theo ta là *ngữ-Việt, ngữ-miền*, đó chỉ là vì tôi yêu - chuộng tinh-thần dân-tộc và tin-tưởng rằng ngôn-ngữ của ta sẽ tiến được nhiều hơn nếu ta biết hướng về sự tôn-trọng tinh-thần ấy.

Tôi khiêm-tôn nghĩ rằng chúng ta nên mở rộng cửa đón những sáng-kiến mới, vì không sáng-kiến mà chỉ

khur-khur với vài điều học được của tây, mượn được của Tàu, thì ngữ ta khó giàu lên được, hay chỉ giàu một cách giả-tạo, và học thuật của ta, vốn dựa vào ngôn - ngữ một phần lớn, không sao phát - triển như ý - muốn được.

Những sáng-kiến ấy, những tên cá đơn trên kia là những thí-dụ cụ-thể nhất vậy. Ta sẽ còn thấy nó một cách hiện-nhiên hơn nữa trong các tên cá ghép.

NGUYỄN-BẠT-TUY
(Còn tiếp một kỳ)



ĐÍNH - CHÍNH

Trong Bách-Khoa số 89, trong bài « Nghề chài lưới trong ngôn-ngữ » chúng tôi có đề những lỗi sau đây :

- tr. 24, d. 9 : *kế-tiếp*, không phải *kết-tiếp*
 d. 24 : *hai cột kia chụm*, không phải... *chia*
 tr. 25, d. 21 : *dây-dối*, không phải *dây-dỏi*
 d. 32 : *những tiếng*, không phải *những thứ*
 d. 36 : *lưới-chỉ khôn* phải *lưới-chỉ*
 tr. 26, d.3-6 : bỏ « *Tiếng đánh... công-dụng* ».
 d. 9 : (*đô*) *đĩnh*, không phải *đĩnh*
 d. 23 : *hay bắt ruốc*, không phải *hai bắt ruốc*
 d. 28 : *chun vào dầy*, không phải *chung...*
 d. 23 : *single*, không phải *single*
 tr. 29. d. 3 : *cần đồ*, không phải *câm đồ*
 d. cuối : *Ồ. Nguyễn-Hải*, không phải *Nguyễn-Hải*

Mong các bạn sửa giùm, chúng tôi xin trân trọng cáo lỗi.

B. K.

Dòng tư-tưởng...

Mức thang giá-trị

Một thanh-niên theo đuổi việc học hành, đã qua từ Tiểu, Trung lên cho tới Đại học, đã siêng năng theo đúng chương-trình và đã thu hoạch được những điểm tối cao trong mỗi môn của mỗi cấp.

Mãn trường ra, vào đời, người thanh-niên tin-tưởng mình đã trở nên một giá-trị và mọi người xung quanh cũng yên trí sinh-viên ấy đã là một giá-trị.

Tuy nhiên, hiện nay những tiến-bộ và cách-nặng về mọi mặt đã gây nên những đảo ngược trong các mức thang giá-trị, do đấy nền học thích hợp với lớp người trí thức thuộc cấp thừa hành của một nước bị trị trong thời-đại này, không thể thích hợp với lớp người trí thức thuộc cấp chỉ huy của một nước độc-lập trong thời-đại khác.

Cho nên, đôi khi chúng ta cũng phải tự hỏi trước nhu-cầu thiết thực của một quốc-gia độc lập, trước đòi hỏi phát huy của một xã-hội cầu tiến, thanh-niên nói trên liệu đã phải là một giá-trị chân chính chưa ? hay đôi khi trái lại, có thể chỉ là một phần giá-trị ? Và như vậy chương-trình hiện đang thi-hành tại các học-đường và học viện có cần phải được quan-niệm lại cho thích hợp hơn với thời-đại mới chăng ?

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA XCII

MẠM ĐÀM VỀ VĂN HÓA

I

Chuyện Phiếm Của ĐÔNG-HỒ

TỔ 1 đêm 7.X.1960, ở Câu-lạc-bộ Văn-hóa, đường Tự-do, có buổi nói chuyện hàng tuần. Diễn-giả là ông Hiếu-Chân, đề tài là « *Những phản ứng của văn-nghệ đối với chính-trị* » Xin đề ý, diễn-giả dùng tiếng văn-nghệ chớ không phải tiếng văn-hóa.

Chung quanh buổi nói chuyện này, mà tôi được hân-hạnh dự thính, thấy có nhiều thú-vị, xin ghi chép lại đây. Sự ghi chép này có tính cách đầu cua tai ếch, các độc-giả cầm bằng đây là một câu chuyện phiếm mạn-dàm của người nói và người nghe, *Nói phiếm mà chơi nghe phiếm chơi.*

*
* *

Bữa thịt chó

Kể lại chuyện mình nghe, cũng nên bắt chước giọng của người nói, cho duyên vị.

Ông Hiếu-Chân mở đầu câu chuyện duyên-vị như thế này :

— « Các bạn nghe cái đề tài « *Phản ứng của văn-nghệ đối với chính-trị* » nghe kêu và ghê quá ; thực ra, câu chuyện mà tôi (Hiếu-chân) sắp nói đây nó chẳng có gì to lớn như các bạn đã tưởng. Cũng như các bạn đừng nghĩ là tôi diễn-thuyết. Vì tôi chẳng có *thuyết* gì đề mà *diễn*. Tôi chỉ nói dăm ba câu chuyện không có bố-cục, cho các bạn văn-nghệ nghe chơi mà thôi.

« Câu chuyện hôm nay sở dĩ có, là nhân một bữa thịt chó. Một hôm, thừa hứng, ông chủ-quán, đãi tôi một bữa thịt chó rất ngon.

« Món ăn đang ngon, ông chủ-quán ngộ ý mời tôi nói chuyện ở Câu-lạc-bộ của ông. Trong lúc tàng-tàng chén cúc dờ say, men « Cồ-Mạc-tiên » và vị « Văn-hạo-thiên »

ngây-ngất say-sưa, tôi cũng nhận bừa đi. Tưởng nhận bừa cho qua bữa thịt chó.

« Không dè, hôm sau tỉnh rượu, ông chủ-quán lại nhắc, đòi tôi phải giữ lời hứa. Thôi, chết ! Thịt chó đã nuốt vào khỏi cò, móc ra mà « hoàn bích ư Triệu, » được hay sao. Đành phải mắc mưu ông chủ quán.

« Vậy thì, bữa nói chuyện văn-nghệ hôm nay, đúng ra, nó là để trả món nợ thịt chó đó... »

Đoạn giáo-đầu-tuồng đó của diễn-giả, thực là vui-vẻ thú-vị.

* *

Định-nghĩa Văn-nghệ

Giáo đầu xong, diễn-giả mới định-nghĩa Văn-nghệ. Diễn-giả dở ra một chồng sách chữ Nho. Diễn-giả dẫn sách làm bằng chứng. Từ Dịch-kinh, Luận-ngữ, Tả-truyện thời Khổng Mạnh, qua Chu-tử thời Tống, cho đến Lỗ-Tấn thời hiện-đại. Diễn-giả vừa đọc vừa diễn nghĩa, dõng-dạc nghiêm trang thỉnh-thoảng lên cặp kính lão, càng tăng phần đạo-mạo. Thính-giả im lặng ngồi nghe, kính phục y như khi xưa được nghe nghĩa sách với các thầy đồ cò. Thiệt là thú-vị.

Tham-bác đông tây, viện dẫn cò kim minh-mông ; mà đến khi chồng sách xếp lại, người nói và người nghe, cũng như tất cả những người xưa nay, chưa ai biết được thật rõ-ràng chắc-chắn Văn-nghệ là cái gì. Hình tượng mặt mũi nó ra sao. Cũng như rất khó mà nhận cho ra hình tượng mặt mũi người quân tử, của ông Thánh Khổng vậy.

Thôi thì cứ đành phải kết luận : « Văn-nghệ nghĩa là Văn-Nghệ ».

Định nghĩa như thế, chắc chắn là không sợ sai lầm. Rồi, ai muốn hiểu nó ra sao thì hiểu. Vì văn-nghệ, hiểu ra sao, nó cũng vẫn là Văn-nghệ, không hơn không kém.

* *

Chính-trị là cái gì

Giải-thích, định-nghĩa Văn-nghệ thì nhiều hết sức nhiều, mà đến Chính-trị thì diễn-giả lờ đi, không có một định-nghĩa nhỏ nào về Chính-trị, khiến cử tọa không biết Chính-trị mà diễn-giả nói đây là cái gì. Có lẽ diễn-giả nghĩ rằng về Văn-nghệ định nghĩa lung-tung mà rồi cũng đến không biết rõ-ràng nó là cái gì, thì Chính-trị cũng vậy, thà cứ không cần định nghĩa mà hơn. Nếu có định nghĩa nữa thì cũng phải đi đến kết luận : « Chính-trị nghĩa là Chính-trị ».

Diễn-giả không định nghĩa, nhưng diễn-giả có đưa ra nhiều thí-dụ. Nhiều thí-dụ cho biết rằng :

— Chính-trị là cái không ra Văn-nghệ, và Văn-nghệ cũng không thích gì nó.

— Chính-trị và Văn-nghệ là hai cái xung khắc truyền kiếp, không lúc nào ăn ở với nhau được lâu dài.

Diễn-giả bảo : Hồi còn là Cách-mạng, thì Cách-mạng đi chung với Văn-nghệ, nhưng đến khi Cách-mạng trở thành Chính-trị, tức thì, chia tay ly-dị nhau, rồi thì mỗi đảng đi mỗi ngã, kết quả đến hai đảng ghét bỏ nhau, kinh chống nhau như hai kẻ thù. Luôn luôn tìm dịp chèn nhau, và luôn luôn Chính-trị khùng bố Văn-nghệ, và luôn luôn Văn-nghệ chịu thua. Đến đây, mới sáng rõ được một phần. Thì ra, theo diễn-giả, Chính-trị là hậu thân của Cách-mạng.

Nói cách khác, Cách - mạng hóa kiếp thành Chánh-trị.

*
* *

Chính-trị và Văn-nghệ

Không định nghĩa Chính-trị nhưng diễn giả có đưa ra các đại-diện cho Chính-trị. Cũng như diễn giả đưa ra các đại-diện cho Văn - nghệ. Diễn giả cho chúng ta những bằng chứng cụ thể :

1. — Triệu Thuần, đại diện Chính-trị muốn huy hiệp đại diện Văn-nghệ là Đồng-Hồ, bị Đồng-Hồ phản ứng bằng câu nói « *Thần đầu tuy đoạn, sử bút nan canh* » Rồi thì đại diện Chính-trị chịu thua.

2. — Mao Trạch-Đông, năm 1950 trong lúc thị chiến ở Bắc-Hàn, làm bài từ *Lãng-đào-sa* tán tụng Tào Tháo là anh-hùng dân-tộc, cố ý là muốn tự đề-cao mình. Bài từ đó liền bị các nhà Văn nghệ phê-bình nghiêm khắc. Cuộc phê-bình phán-đoán Tào-Tháo và Mao Trạch-Đông kéo dài đến ba năm. Họ mượn cách chỉ-trích Tào-Tháo mà chỉ-luôn cả Mao Trạch-Đông. Đó là những đại-diện Văn-nghệ dám phản-ứng đối với đại diện Chính-trị. Chỗ này không ngã ngũ như Triệu Thuần và Đồng Hồ, là diễn giả không cho biết bên nào chịu thua bên nào.

3. — Vua Tự-Đức cấm người đàn bà miền Bắc mặc váy, liền bị mấy câu ca dao châm biếm đề bình vực cái váy mà phải bãi bỏ sắc dụ bắt đàn bà Bắc mặc quần.

Diễn giả muốn nói, Chính-trị của vua Tự-Đức phải chịu thua trước sức phản ứng Văn-nghệ của chiếc váy.

4. — Hội P.E.N quốc-tế can thiệp cho hai văn-sĩ Hung-gia-lợi « *khỏi ở tù* », mà không làm sao can thiệp cho họ được « *tự do viết* ».

Cũng hội P.E.N quốc-tế phản-đối Tổng-thống De Gaulle đã cầm tù hai nhà Văn-nghệ dám lên tiếng chỉ-trích chính-sách thuộc-địa của Pháp ở Algérie. Can thiệp trực tiếp với tổng-trưởng tư-pháp. André Malraux, nguyên cũng là một nhà Văn nghệ danh tiếng, ừ ừ hử hử rồi, hai nhà Văn nghệ trên ở tù cứ vẫn ở tù, đến nay cũng chưa được thả.

Đó là Chánh-trị uy-hiệp Văn-nghệ, mà Văn-nghệ dám phản ứng, mặc dầu không có kết quả.

5.— Một giáo sư ở Sài-gòn mới đây đi chấm thi, khi vô phòng thi trễ, bị ông chánh chủ khảo xét túi và đòi phù-hiệu giám-khảo. Ông giáo sư trở lại đòi phù hiệu của ông chánh chủ khảo. Ông chánh chủ khảo đòi chấm dứt chức vụ ông giám khảo. Ông giám khảo móc túi trả ngay sự-vụ-lệnh, rồi bỏ trường thi đi ra.

Thế là ông chủ khảo đại-diện Chính-trị uy hiệp ông giáo-sư, đại diện Văn-nghệ mà Văn-nghệ dám phản ứng tức khắc đối với Chính-trị.

6.— Diễn-giả đem bản thân của mình ra làm thí dụ : Ký-giả Hiếu-Chân có lần phê-bình một trận đá banh quốc-tế, người chơi ngoài sân cổ thiếu phong-độ nhã-nhận, thiếu tinh-thần thể-thao, đến thành đám đánh lộn, ký giả liền bị một ông nào đó đòi « *đánh bỏ mẹ* ». Theo diễn giả « ông đòi đánh Hiếu-chân bỏ mẹ » đó là đại diện Chính-trị đã uy hiệp ký giả Hiếu-chân là đại diện Văn-nghệ.

Cái cở nồn của giai nhân

Xong các ví dụ rồi, diễn giả kết luận rằng : Văn-nghệ luôn luôn phải biết phản-ứng đối với Chính-trị. Một lần phản ứng không đi tới đâu, hai ba lần, không đi tới đâu, nhưng năm mười lần, mười lăm hai mươi lần rồi đến một ngày nào đó, tất phải có kết quả để bảo vệ quyền lợi Văn-nghệ. Diễn-giả lại ân cần căn dặn : « Có phản ứng thì phải phản ứng cho kịp thời, trong lúc sôi-nổi hăng-hái trong lúc khí giận đang lên, tinh-thần đang mạnh. Chứ không nên để diên trì ngày tháng mà nguội lạnh nhiệt huyết. Nhất là khi muốn phản ứng thì không nên nhìn đến cái cở nồn-nà cái lưng thon đẹp của giai-nhân trong trường, mà tiêu tan hết nhuệ khí.

Theo diễn giả thì khi người ta đã thỏa mãn một điều gì tầm thường hằng ngày, ví dụ có bên mình một người đàn bà đẹp chẳng hạn thì nhãng quên tranh đấu. Trong lúc diễn-giả mạnh-mẽ nói câu này, tôi có ý nhìn khắp cử tọa, không tìm thấy có một bóng nữ-thính-hữu nào hết. Và cũng nhờ đó mà đoạn kết luận này được cử tọa hoan nghênh bằng cách vừa cười vừa vỗ tay rất cởi mở.

Tôi nghĩ : xưa nay, mọi người thường bảo Văn-nghệ rất cần giai-nhân trong văn-nghệ-phẩm. Bao nhiêu bóng hình người đẹp thấp-thoáng trong áng văn-chương. Bao nhiêu đường nét thiên-nhiên phô bày trên pho người đá của các nhà điêu khắc. Tờ ra Văn-nghệ cũng rất cần đàn bà lắm chớ. Thế mà, đến khi tranh đấu bị thất bại thì lại đổ tội cho cái cở trắng và cái lưng mềm.

Nghĩ thiệt cũng chánh-đáng, mà nghĩ hiệt cũng bất công.

*
* *

Hương giai-nhân và hương bát Phở

Trong lúc diễn-giả nói trên diễn đàn, tôi ngồi nghe mà cứ thấp-thòm. Định rằng đến khi diễn giả chấm dứt, thì tôi quyết xung phong làm người đầu tiên lên góp chuyện và bàn phẩm ít điều. Xin đề ý, tôi nói « góp chuyện » chớ không phải thảo luận, mà cũng không phải phản-đối đâu nhé. Góp chuyện, theo lời ông chủ quán là trong cử tọa, ai có những giai-thoại về Văn-nghệ hục-hặc với Chính-trị » thì kể thêm vào cho vui, gọi là góp phần phản ứng.

Tôi đã toan đứng lên. Nhưng mà ông bạn già họ Vương của tôi kéo tôi lại, và nhắc tôi một việc thiệt là quan-trọng. Ông bạn tôi rỉ tai :

— Thôi đi bác. Bữa nay, Câu-lạc-bộ đảng bạng có món phở tái. Từ hôm khai trương quán này, bữa nay mới có món phở mở hàng, chắc là đặc biệt lắm. Đợi bác lên nói cho xong, thì ở dưới người ta mãn hết rồi. Văn-nghệ chẳng Văn-nghệ, mà mình bị mất một món ăn thích-khẩu. Văn-nghệ phản ứng đối với (Chánh trị không thấy đâu mà cái bao-tử mình nó đã phản-ứng mình đến nơi rồi. Thôi hãy đứng dậy và đi tìm anh văn-trù.

Thế là tôi bằng lòng, vui vẻ đứng lên, đi ra, và không nghĩ gì đến « góp chuyện Văn nghệ » nữa.

Thế là tôi đã bị bát phở tái rử-rê mà ý khí Văn-nghệ tiêu tan hết.

Có y như lời diễn-giả vừa giới-thuyết, khi nhìn đến cái cò thơm của người giai-nhân thì hết thềm tranh đấu.

Hôm nay không có vị giai-nhân nào, bên tôi mà tôi vì bị mùi thơm bốc ra từ bát phở nóng, nó có sức quyến rũ gấp mấy lần vị thơm toát ra ở mái tóc giai nhân.

Thế là Hiếu-chân tiên-sinh đã vì mê ăn món thịt chó mà bị nói, còn tôi vì mê ăn món phở tái mà không được nói.

Tổng chi, chúng tôi đều vị miếng ăn hết cả. Vậy miếng ăn là chánh yếu, mà Văn-ngệ là thứ yếu đó.

* *
*

Bát phở Văn-hóa

Không biết rằng món thịt chó của Hiếu-chân nó tuyệt-diệu đến bực nào, vì tôi chưa từng nếm cho nên không biết. Chớ tôi quyết rằng bát phở tái quả thực là tài tình. Tôi đặt tên là bát phở văn-hóa. Bởi nó là món ăn văn-hóa vương-đạo, cho nên tôi coi giá trị nó ngang với giá trị văn-dân. Tôi bỏ văn-dân đi tìm nó là tôi bỏ một món văn-hóa này để đi tìm một món văn-hóa khác mà thôi.

Các bạn đừng tưởng tôi nói đùa. Tôi đã vừa thông-thả thưởng-thức hương-vị bát phở, vừa thuyết-trình cho ông bạn già họ Vương, để hai đứa tôi cùng biểu đồng-tình, biểu đồng-cảm :

— Bác biết vì sao, khi nghe bác nhắc đến món phở thì tôi bỏ hết mà chạy theo bác hay không. Chắc là bác cũng đồng ý với tôi là : phở tái quả là món ăn có một giá-trị văn-hóa vô song.

Từ khi tôi bị bệnh « bất hỉ âm thực » thì phở tái đối với tôi còn là một phương trị liệu rất quý. Trải bao năm kinh-nghiệm, tôi xem xét phân tích thì thấy :

Phở tái là một bài thuốc « Bảo chánh hóa tà » có hiệu lực bán bồ bán công, bảo vệ chánh-khí, mà tán hóa tà khí. Công-dụng của nó thiệt là to lớn. Tôi thử làm bài « y phương minh giải » bác nghe.

Này nhé : Vị quân là thịt bò tái, công-dụng nó như vị dương-qui-thân đại bồ huyết, dưỡng-can ích-tâm. Vị thần là bánh phở, công-dụng nó như vị hoài-sơn, đại bồ âm, kiện-tì tư-thận. Củ-hành-tây làm sứ, tức là vị xuyên-khung, mà kiêm được cả chức-vụ của vị thăng-ma. Bởi phở nguyên chế tại phương Bắc, ở đó, khí âm-hàn thanh, thì dương-khí thường bị hạ hãm, nên phở bắc vị củ-hành gia bội, cho thăng-đề, bởi thế tôi nói củ-hành có công-dụng của vị thăng-ma là vậy.

Cừng lùì trong nước dùng là ổi-cương, vị tân mà tính ôn, có công-dụng làm tan những mỡ-màng vô dụng. Ớt khô là quế-chi, hạt tiêu là sa-nhơn-mễ, hai vị này có công-dụng kích thích để giúp cho các cơ quan tiêu hóa. Húng quế là bạc-hà diệp, có công-dụng khu phong tán tà.

Ông bạn già của tôi, vừa nghe, vừa thôi, vừa xuýt-xa :

— Thiệt là tuyệt-hảo, thiệt là tuyệt-diệu !

Tôi nói :

— Kể tuyệt-hảo thì cũng đã là tuyệt-hảo, nhưng tuyệt-diệu thì chưa lấy gì làm tuyệt-diệu. Phải đợi món phở theo làn sóng nam-tiến của dân tộc vào đây, bác mới

MẠN ĐÀM VỀ VĂN HÓA

thấy được đúng mức tuyệt diệu của tay danh-y, khi biết gia giảm một thần-phương.

Chẳng là miền Nam mình nó nóng lắm, nếu để y nguyên phương của Phở bắc thì không được thích hợp. Cho nên chúng ta mới nghĩ đến chế biến gia giảm cho thích nghi với khí hậu địa phương.

Ớt khô thuần nóng bạo mà có sức hạ hành, ăn nhiều có hại trường vị, cho nên phải đổi làm ớt tươi ngâm dấm chế cho tính nó thuần và sức nó bớt hăng.

Nhưng tuyệt diệu hơn hết là món giá. Ôi ! món giá thiệt là tài tình. Ăn phở không giá, đến nửa chừng, thì bác có thấy nó chán chán không. Đến khi đó bác mới thấy thiếu một cái gì sộp sộp dòn dòn, để đưa đầy.

Giá quả là không nên thiếu ở món phở miền Nam. Nó vừa là vị bạch-thược để giáng khí viêm-nhiệt, vừa là-vị cam-thảo để điều hòa chừ dược. Phở Bắc có củ hành làm sủ mà không có vị nào đáng mặt làm tá cho hai vị quân thần : đương-qui và hoài-sơn.

Mình giảm đồng cân của vị sủ đi, chỉ giảm mà không bỏ hẳn. Bởi nam-phương dương

thạnh, nhiều thăng-ma chỉ tồ bốc khí, vài ba phân cũng đủ lắm rồi. Rồi gia thêm nhiều giá, tức là gia vị bạch thược. Bạch-thược mới đáng làm tá cho Qui và Hoài. Đóng một vai quan-trọng trong thang thần-dược.

Sau cùng, đến vài giọt chanh, tức là vài phân sơn-tra có công-dụng thu-liễm chế-ngự các vị tân-tán. Nếu quả « vi tướng vị y nhứt diệu lý » thì múi chanh ở bát phở là tiếng chiêng thu-quân ở một trận chiến hoàn-thành.

Vừa nói chuyện vừa ăn, mà chúng tôi, mỗi đứa đã làm trôi hai bát phở. Anh văn-sanh đến tính tiền, mới sực nhớ.

Khoan-khoái đứng lên, nhìn chung quanh thì mọi người tan đi hết từ hồi nào.

Muốn « góp chuyện » cũng không biết góp chuyện với ai.

Thôi, xin hẹn với các bạn một kỳ khác sẽ xin thảo luận thêm về Văn-hóa và Chính-trị.

(Còn tiếp)

10.X.1960

ĐÔNG-HỒ

★ Không phải chỉ dùng lý-thuyết suông là đủ để đào luyện nên một người cầm đầu. Người cầm đầu khi muốn đào luyện nên những người cầm đầu khác, phải biết uốn nắn lần lần tâm lý của các kẻ cộng-tác với mình theo đường lối, tinh-thần của mình, bằng cách cùng tìm với họ một giải-pháp cho các vấn-đề thật-tế trong cuộc sống cụ-thể. (Courtois)

Âm hưởng

Có nghe bút trúc nhủ hoa tiên
Nghe ánh thời - gian động mắt huyền
Nghe ngã đường trăng mai trước ngõ
Nghe dồn nhịp nắng liễu bên hiên
Nghe hồn du - tử say mây nước
Nghe ý ly - nhân hận ước nguyên
Nghe cả mùa xuân lên khúc dạo
Muôn ngàn âm - hưởng đã giao duyên

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

MƯA

W. SOMERSET MAUGHAM
NGUYỄN-HIẾN-LÊ (dịch)

NHÀ Cardinal đã xuất-bản trong loại Pocket Book "một cuốn nhan đề là Short Stories (Truyện ngắn), gồm hai mươi hai truyện ngắn hay của các danh sĩ Âu, Mỹ (Anh, Pháp, Mỹ, Nga . . .) trong thế-kỷ trước và thế-kỷ này. Mỗi tác giả, nhà xuất-bản chỉ lựa một truyện, và trong số hằng trăm truyện ngắn của W. Somerset Maugham, nhà xuất-bản đã lựa truyện Mưa (Rain).

Danh của Somerset Maugham vang lừng khắp thế-giới. Ông hiện còn sống, năm nay 86 tuổi (sinh năm 1874 ở Paris, nhưng là người Anh).

Mới đầu ông làm y-sĩ, sau bỏ nghề, xoay qua viết văn, thất bại luôn mười một năm, có lúc phải nhịn đói. Bạn bè khuyên trở lại nghề đỡ đẽ, nhưng không có gì lay chuyển được ý chí sắt đá của ông là lưu danh trong văn-học-sử Anh.

Rồi ông bắt đầu thành-công nhờ kịch Lady Frederick, có tiền đi du-lịch Đức, Pháp, Y-Pha-Nho . . . Nhờ du-lịch nhiều, có tài nhận xét, thấu tâm-lý con người, ông sáng-tác rất nhiều : khoảng hai chục vở kịch, một chục truyện dài (những truyện nổi danh nhất là The moon and sixpence, Of Human bondage, The Magician), nhiều du-ký và vô số truyện ngắn.

Năm 1959, ông cho xuất - bản tác - phẩm cuối cùng của ông nhan đề là Points of View gồm nhiều tiểu luận rời gác bút luôn, nghỉ dưỡng già, chu du khắp thế-giới một lần nữa và có ghé Sài-

gòn. Ông là tiểu-thuyết gia già nhất và giàu nhất thế-giới : tác-phẩm của ông đã dịch ra khắp các thứ tiếng, bán được khoảng 60 triệu cuốn.

Có lẽ ông đã học thuật viết truyện ngắn của Guy de Maupassant. Trong cuốn *Points of view* ông ca tụng Guy de Maupassant là viết truyện ngắn rất hay, không ai sánh được.

Phê-bình truyện *Chiếc dây chuyền* của Maupassant ông bảo rằng « ta có thể đem truyện ấy ra kể trong khi ăn hoặc trong phòng hút thuốc trên chiếc tàu, và mọi người đều chăm chú nghe..... Cốt chuyện được mô tả một cách ngắn nhưng đầy đủ, sáng sủa. »

Ông cũng khen Guy de Maupassant có tài viết một truyện hai lần, một lần dài vài trăm chữ, một lần dài vài ngàn chữ, mà đọc bài thứ nhất, không thấy một chữ nào thiếu, đọc bài thứ nhì, không thấy một chữ nào thừa.

Cả hai thuật đó, thuật hấp - dẫn và thuật không thiếu không thừa, William Somerset Maugham đã áp - dụng được trong truyện *Mưa*.

Mới đầu ông đặt cho truyện cái nhan - đề là Sadie Thompson. Viết xong, ông coi là một truyện tầm thường, không nhớ tới nữa ; rồi một hôm đưa cho một người bạn đọc, người này thích quá, khuyên ông diễn thành kịch. Ông nghe lời, không ngờ rằng thành-công ngoài sức tưởng tượng : kịch diễn trên bốn trăm rưởi lần, đem lại cho ông một số tiền là bốn chục ngàn Anh-kim, theo giá chánh thức hiện nay là bốn triệu bạc. Riêng ở Nữu-Uớc, kịch đó được diễn trên hai năm. Một lần, một số nhà phê bình nổi danh ở Nữu Uớc đã bầu kìn để lựa mười kịch hay nhất thì kịch Hamlet của Shakespeare đứng đầu số rồi tới kịch *Mưa*.

Chúng tôi xin dịch truyện đó dưới đây để độc-giả thưởng-thức. Truyện có nhiều kịch tính. Đọc được non nửa truyện, sau phần giới-thiệu khung cảnh và nhân vật, ta biết trước sẽ có một cái gì bất thường xảy ra, ta hồi hộp theo dõi, đoán thế này, đoán thế nọ ; tới gần cuối truyện, ta đã yên trí là sẽ việc xảy ra như vậy ; rồi đột nhiên ta chưng hửng vì cái chết bất ngờ của nhà truyền giáo, ta không hiểu nguyên do tại đâu và mãi đến hàng áp chót, đọc tới lời chửi của cô ở Thompson, ta bỗng hiểu ra hết ; bao nhiêu thắc mắc của ta trong mỗi trang trước bỗng được cởi tung ra cả ; và nhớ lại những nét mặt, cử chỉ, ngôn ngữ của mỗi nhân vật, ta thấy nhất thiết chi tiết nào cũng hợp lý, hàm - súc, cũng chứa

một dụng ý của tác-giả. Cái tài dựng truyện của William Somerset Maugham ở đó.

Trước khi đọc truyện, chúng ta cũng nên hiểu qua quan-niệm về nghệ-thuật của ông. Maugham cho rằng một tiểu-thuyết-gia cũng như một thi-sĩ, một họa-sĩ, một nhạc-sĩ, đừng nên chủ-trương « văn-sĩ tái đạo ». Cứ sáng-tác cho có nghệ-thuật, làm vui người đọc, người nghe, người nhìn, rồi đôi khi có vô tình công kích cuộc sống, thì những độc-giả thông-minh sẽ tự rút trong tác phẩm ra được một bài học.

Ông lấy thí dụ tập truyện ngắn Plain tales from the hills (Dịch ra tiếng Pháp là : *Simple contes des collines*) của Rudyard Kipling. Trong tập đó, Kipling tả những thường dân Ấn-độ và những sĩ-quan Anh, « với tấm lòng khâm phục chất phác của một ký-giả xuất thân trong đám thường dân mà quáng mắt về những cái mà ông cho là duyên dáng » trong đời sống quý phái của giới cầm quyền Anh tại Ấn. Hồi mới xuất-bản, có ai cho tập truyện đó là một bản cáo-trạng, chỉ trích nhà cầm quyền đầu ; nhưng ngày nay đọc lại ta thấy rằng ngay từ hồi đó, cái mầm suy vi của người Anh ở Ấn đã hiện ra rồi, và không sớm thì muộn, người Anh cũng rút ra khỏi Ấn. Tiểu-thuyết gia Chekhov của Nga cũng vậy : chỉ mô tả một cách khách quan cảnh điều đứng của dân Nga, lòng vô tư lự của hạng quý-phái Nga, mà đủ cho ta thấy tình-trạng đó thế nào cũng đưa đến một cuộc cách-mạng đẫm máu.

Có thể rằng nhiều bạn không đồng ý với Maugham về quan-niệm trên : đừng nhắm cái Thiện, cứ nhắm cái Mỹ và cái Chân rồi tự nhiên cái thiện sẽ xuất hiện trong cái Mỹ và cái Chân — tất nhiên muốn vậy, nhà nghệ-sĩ phải có ít nhiều cái chất đạo đức — nhưng ai cũng phải nhận rằng truyện của ông rất hấp dẫn, làm cho ta miên man suy-nghĩ, rút ra được nhiều kinh-nghiệm, đôi khi một bài học nữa. Như truyện Mưa này mới đọc xong tôi tưởng bị kịch xảy ra vì những cơn mưa dai dẳng, phủ phàng, tinh quái ở Pago-Pago nó làm cho thần-kinh con người chịu không nổi, mà con người không tự-chủ được mình nữa, nhưng xét lại thì tôi thấy chính ông Davidson cũng có cái lỗi là quá tin ở mình. Tôi còn nghĩ thêm rằng cái chính sách người da trắng dùng để cải hóa người da đen sớm muộn gì cũng phải thay đổi. Nhưng sao tôi lại làm một việc vô ý thức như vậy, tranh phần phán đoán của độc giả ; phần lại chủ trương của tác-giả, và thu hẹp ý nghĩa của tác-phẩm lại ?

*
* *

Đã gần tới giờ đi ngủ và sáng hôm sau người ta sẽ trông thấy bờ. Bác-sĩ Macphail đột ngột hút rồi nghiêng mình ra ngoài mạn tàu, tìm chòm sao chữ thập ở phương Nam. Sau hai năm ở ngoài mặt trận — ông đã bị một thương tích lâu lành — ông vui vẻ được nghỉ ngơi yên tĩnh ít nhất là mười hai tháng tại Apoa, và ngay chuyến đi này đã làm cho ông khoan khoái rồi. Vì hôm sau có nhiều hành khách xuống Pago-Pago nên tối hôm đó người ta tổ chức một cuộc khiêu vũ, và tiếng dương cầm e e còn vang trong tai ông. Nhưng ở trên boong tàu, thì đã yên lặng. Cách chỗ ông đứng vài bước, bà Macphail nằm trên chiếc ghế dài, đương trò chuyện với ông bà Davidson. Ông tiến lại phía đó, ngồi vào một chỗ sáng, bỏ nón ra. Người ta thấy đầu ông hơi sồi, tóc hung hung đỏ, mặt có tàn nhang cũng hung-hung; ông khoảng tứ tuần, gầy, mặt choắt, có vẻ tí mỉ, hơi gàn; ông nói giọng Tô-cách-lan, nhỏ nhẹ, bình tĩnh.

Cặp Macphail và cặp Davidson — một gia đình truyền giáo (1) — thân nhau không phải vì tình thanh khí mà vì gặp nhau hằng ngày ở trên tàu. Họ có một một điểm để gần nhau là cùng ghét hạng hành khách ngày đêm đánh bạc và uống rượu trong phòng hút thuốc. Trong số hành khách ông bà Davidson chỉ làm quen với ông bà Macphail, điều đó làm cho bà Macphail nhút diện, mà bác sĩ Macphail, hãnh

nhát chứ không ngây thơ, cũng hơi cảm động về thịnh tình của cặp Davidson. Nhưng vốn có óc dị nghị, nên ban đêm, trong phòng riêng, bác sĩ thường chỉ trích ông bà Davidson.

Bà Macphail vừa chải kỹ móng tóc mượn, vừa kể :

— Bà Davidson tự hỏi nếu không có vợ chồng mình thì không biết làm sao chịu nổi chuyến đi này. Bà ta bảo rằng khắp trên tàu, ông bà chỉ muốn làm quen với mình thôi.

— Anh lại cứ nghĩ rằng một nhà truyền giáo đâu phải là một nhân vật quan trọng gì mà khó tính đến thế !

— Không phải là khó tính. Em hiểu lòng bà ta lắm. Ông bà ấy mà phải tiếp xúc hạng người thô lỗ ở trong phòng hút thuốc đó thì chịu sao nổi ?

Bác sĩ cười ngạo :

— Vị sáng lập ra tôn giáo của họ không chấp nhất tới như vậy.

Bà vợ đáp :

— Em đã van mình biết bao lần rồi rằng đừng đem tôn giáo ra mà chê giễu. Anh Alec à, em không muốn có cái tính đó đâu. Anh chỉ nhận thấy mặt trái của kẻ khác thôi.

Bác-sĩ liếc nhìn vợ bằng cặp mắt xanh nhạt, và làm thinh. Sống chung với nhau, ông đã kinh - nghiệm rằng muốn cho yên thân thì nên nhịn vợ một chút. Ông thay quần áo xong trước, leo lên cái giường treo trên cao, rồi lấy sách ra đọc để vỗ giấc ngủ.



Sáng hôm sau, khi ông lên trên boong thì tàu đã tới sát bờ rồi. Ông

(1) Ở Anh và Mỹ, một giáo phái cho phép các nhà truyền giáo được lập gia đình.

chăm chú ngó. Sau đường viền trắng như bạc ở bãi biển, nổi lên những ngọn đồi cây cối um-tùm. Trong bụi dừa rậm và xanh mọc lan tới gần bờ nước, ẩn hiện những chòi lá của thổ dân, và đây đó một ngôi nhà thờ nhỏ, ló ra rục-rỡ trắng. Bà Davidson tiến lại, đứng bên cạnh bác-sĩ. Bà bận đồ đen, cổ đeo một dây chuyền vàng, đầu dây lủng-lẳng một chiếc thánh-giá xinh xinh. Bà nhỏ con, tóc đen, không bóng, chải, vén kỹ; mắt lồi sau một cặp kính kẹp mũi, không gọng. Mặt dài như mặt cừu, nhưng không có vẻ đần mà trái lại, có vẻ rất lanh lợi; linh hoạt như con chim. Nhất là tiếng nói the thé, sang sảng, không uồn giọng của bà làm cho ai cũng để ý tới. Nó đập vào tai ta một điệu đều đều, tàn nhẫn như tiếng động một cái máy khoan, đên bực mình.

Cặp môi mỏng của bác-sĩ rần nhoèn ra :

— Tới đây, bà có cảm-giác là tới nhà rồi ?

— Những đảo san-hô, của chúng tôi thấp hơn miền này. Đây là đất hòa sơn còn phải đi biển mười ngày nữa mới tới.

Ông Macphail vui tính, bảo :

— Trong miền này thì đảo san-hô với đất hòa sơn cũng là kề cận nhau cả như phở trên phở dưới ở xứ mình.

— Ông nói cũng hơi quá, nhưng quả thật là ở miền biển Nam này, quan-niệm về không gian có hơi khác. Vậy cũng không sai hẳn.

Bác-sĩ Macphail thờ dài nhẹ-nhàng.

Bà Davidson nói tiếp :

— Đáng mừng là chúng tôi không phải truyền giáo ở đây. Nghe nói miền này công việc khó-khăn lắm. Những tàu cập bến làm cho dân chúng láo nháo cả; lại thêm có một quân cảng nữa, ảnh-hưởng tai hại tới thổ dân. Trong khu vực chúng tôi, không có những khó khăn ấy. Tất nhiên có một vài con buôn, nhưng chúng tôi rán kìm hạ được, nếu họ không kháng cự, thì chúng tôi sẽ làm cho họ chịu không nổi mà phải tự ý đi nơi khác.

Sửa cặp kính lại, bà ta ngó quanh đảo, vẻ tàn nhẫn.

— Ở đây, công việc của nhà truyền giáo thật là vô vọng. Tôi không ngớt cảm ơn Chúa ít nhất đã tránh cho vợ chồng tôi phải chịu sự thử thách đó.

Khu truyền đạo của ông Davidson gồm một nhóm cù lao ở phía bắc Samoa; vì đảo nọ cách xa đảo kia nên ông thường phải dùng ghe máy đi hằng ngày đường, để bà ở tại tổng hành dinh chỉ huy giáo hội. Nghĩ tới cái lỗi chỉ huy đặc lực của bà mà bác-sĩ rùng mình. Bằng một giọng không có sức nào át nổi, bà mặt sát sự truy lục của thổ dân, làm cho ta ghê tởm kịch liệt mà thâm thía. Cái lỗi thẹn thùng của bà thật cũng lạ. Ngay từ hồi mới quen nhau, bà đã đi tới bác-sĩ :

— Ông ạ, hồi chúng tôi mới sang đảo, tục lễ cưới hỏi của họ nó chướng làm sao ấy, đến nỗi tôi không dám tả

cho ông nghe. Nhưng rồi tôi sẽ kể cho bà nghe, rồi bà kể lại cho ông.

Thế là hai bà, bà Davidson và bà Macphail xích ghề lại gần nhau, nghiêm trang nói chuyện với nhau khoảng hai giờ đồng hồ. Bác sĩ Macphail, đi bách bộ qua lại cho khí huyết lưu thông,



bắt nghe được lời thì thắm liền thoảng, thao thao bất tuyệt của bà Davidson; thấy vợ há hộc miệng ra, nước da nhợt nhạt, ông biết rằng bà khoái nghe câu chuyện ghê tởm đó lắm. Ban đêm

trong phòng riêng, bà vợ hôn hên kể lại hết cho chồng nghe.

Sáng hôm sau, về đắc thẳng, bà Davidson hỏi :

— Thế nào? Tôi nói có đúng không? Có bao giờ ông được nghe những chuyện gớm ghiếc như vậy không? Làm sao mà tôi dám kể thẳng cho ông nghe được! Mặc dầu ông là bác sĩ.

Rồi bà ta dò xét nét mặt của Macphail xem câu chuyện có gây kết-quả như mình muốn không?

— Ông hiểu được rằng hỏi mới tới, chúng tôi lợm giọng chứ? Ông tưởng tượng giùm tôi, trong khắp các làng xóm, không làm sao kiếm được một thiếu nữ ngoan.

Bà ta nói tiếng *ngoan* đó bằng một giọng nghiêm khắc, ngụ một ý nghĩa riêng.

— Vợ chồng tôi suy nghĩ kỹ rồi quyết định rằng việc đầu tiên phải làm là cầm ngặt khiêu vũ. Dân bản xứ họ mê cái đó lắm.

Bác sĩ Macphail đáp :

— Hỏi trẻ tôi cũng không ghét môn khiêu vũ.

— Tôi qua, nghe ông rú bà nhẩy một bản tôi cũng đã đoán được rằng ông không ghét môn đó. Trong chỗ vợ chồng thì không có hại, nhưng nghe bà nhà từ chồi, tôi cũng vui vui. Trong cái chỗ nhồn nháo như vậy, đừng nên chen chân với họ làm gì.

— Thế nào là nhồn nháo ?

Bà Davidson lườm bác sĩ sau cặp kính kẹp mũi mà không trả lời, cứ tiếp tục :

— Trong giới người da trắng thì khác, nhưng tôi đồng ý với nhà tôi khi ông ấy bảo rằng không hiểu nổi tại sao lại có những ông chồng đứng bên mà ngó người khác ôm vợ mình mà nháy. Tôi, thì từ hồi cưới tới giờ, không hề nháy lấy một bước. Mà cái lỗi khiêu vũ của dân bản xứ khác hẳn. Nó không những trái luân thường mà còn đưa tới sự truy lạc nữa. Thật là nhờ trời, chúng tôi đã diệt được rồi. Có thể nói mà không ngoa rằng tám năm nay, trong khu vực của chúng tôi, không có một người nào khiêu vũ nữa.

Tàu đã tới bờ, bà Macphail lại nhập bọn. Thình lình tàu quẹo rồi tiến chậm chậm vô. Hải cảng rộng đủ chứa cả một hạm đội ; chung quanh là những ngọn đồi xanh, cao, dựng đứng lên. Dinh của quan Thống Đốc ở ngay cửa biển dưới ngọn gió ngoài khơi thổi vào, giữa một khu vườn. Ngọn cờ đầy ngôi sao và xọc ngang phấp phới nhẹ. Tàu chạy ngang hai ba nhà quan cư xinh xắn, một sân quần vợt, rồi ghé bờ, bên cạnh nhiều kho hàng. Bà Davidson lấy tay chỉ một tàu buồm đậu cách đó hai ba trăm thước, bảo sẽ đáp tàu đó đi Apia. Thổ dân ở khắp nơi trong đảo ùa lại ồn ào, vui vẻ, hoặc để coi, hoặc để bán hàng cho những hành khách đi Sydney. Họ đem lại những trái khóm, những nải chuối lớn, những thứ vải tapa, những chuỗi

dây răng cá mập, vỏ ốc, chén kava, và những kiểu xuống chiến nhỏ xíu. Lính thủy Mỹ ăn bận hàng hoàng, sạch sẽ, râu mới cạo, mặt sáng sủa, đi đi lại lại như một nhóm công chức. Trong khi phu khuân đồ của họ lên bờ, ông bà Davidson và ông bà Macphail nhìn đám đông. Ông Bác sĩ nhận xét những nệm lò loét ghê tởm không sao lành được mà đa số trẻ em và thanh niên bản xứ mắc phải. Cặp mắt nhà nghề của ông sáng lên khi ông thấy lần ấy là lần đầu — những con bệnh mắc chứng da sùi lên như da voi, chân tay họ sưng vù, to lớn nặng nề dị thường. Đàn ông và đàn bà đều quần cái lava-lava.

Bà Davidson nói :

— Thứ y phục đó thực sỗ sàng. Nhà tôi bảo phải cầm ngạt thứ đó mới phải. Những kẻ chỉ quần mỗi một miếng khăn đỏ ở bụng thay cho quần áo thì còn có tinh-thần đạo-đức, luân-lý gì nữa ?

Bác-sĩ Macphail lấy khăn thấm mồ hôi ở trán, đáp :

— Nó hợp với khí hậu chứ.

Khi họ lên bờ, ánh nắng đã oi ả mặc dầu lúc đó còn sớm. Chung quanh là đồi, thành thử Pago-Pago khuất gió.

Bà Davidson nói tiếp, giọng như xé tai người ta :

— Trong những cù lao của chúng tôi, chúng tôi đã cầm tuyệt cái lava-lava. Chỉ còn vài người già cả là bận nó thôi ; còn đàn bà thì bận áo choàng mà đàn ông thì bận quần và áo nịt.

Ngay từ hồi mới tới, nhà tôi đã tuyên bố như vậy trong một tờ thuyết-trình : « Ngày nào mà con trai trên mười tuổi vẫn không bện quần thì ngày đó đạo Datô vẫn chưa gọi là thắng được trên những đảo này ».

Nhưng cặp mắt nhanh như cắt của bà Davidson đã ngó những đám mây đen đương ùn ở cửa biển. Đã bắt đầu có vài giọt mưa.

Bà khuyên :

— Nên kiếm chỗ đụt thôi.

Họ theo đám đông chạy lại một cái xưởng lợp bằng tôn uôn, và mưa đổ xuống như trút nước. Được một lúc, ông Davidson lại. Khi ở dưới tàu, mặc dầu đôi đái với ông bà Macphail một cách rất lễ độ, ông ít giao du hơn bà vợ, chỉ đọc sách. Ông ít nói, gằn như lăm - li, vì đạo bác ái mà gắng sức tỏ ra vui tính, chứ bản tính ông là kín đáo, gắt gỏng là khác nữa. Bộ dạng kỳ dị : rất cao mà gầy, tay chận lêu nghêu, má hóp, gò má nhô, môi dày, có vẻ đa dục, trái hẳn với nước da nhợt nhạt của ông. Tóc để rất dài. Mắt đen, sâu hoắm, trông thấy mà ghê ; bàn tay tuy đẹp mà có vẻ mạnh mẽ lạ. Đặc biệt nhất là nhìn ông, ta có cảm giác rằng ông cô nén một ngọn lửa bùng bùng trong nội tâm. Cảm giác đó làm cho ta khó chịu. Không thể nào thân mật với con người như vậy được.

Ông lại báo một tin không may. Bệnh sởi, một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường làm cho dân Canaque chết, đương phát ở đảo, và một

thủy thủ trên chiếc tàu chạy Apia mà họ sẽ đáp, đã mắc bệnh đó. Người ta đã chờ bệnh nhân lên bờ, đợi hết kỳ gian kiểm dịch ; nhưng ở Apia người ta đánh điện tới cầm tàu vô bến cho tới khi biết chắc là bệnh không phát ra ở trên tàu nữa mới thôi.

— Thề là chúng ta phải ở lại đây ít nhất là mười ngày.

Bác sĩ Macphail bảo :

— Ở Apia người ta cần tôi gấp mà.

— Gấp cũng phải chịu. Nếu dưới tàu không có người nào mắc bệnh nữa, thì tàu mới được phép chở những hành khách da trắng đi, còn những người bản xứ thì phải đợi ba tháng nữa.

Bà Macphail hỏi :

— Ở đây có khách sạn không ?

Ông Davidson mỉm cười :

— Tuyệt nhiên không.

— Thề thì làm sao bây giờ

— Tôi mới nói với ông Thông Đốc. Trên bãi biển, một nhà buôn có phòng cho mượn ; tôi đề nghị hễ ngớt mưa một chút, chúng ta lại đó coi liền. Đứng hông có tiện nghi đâu đây. Miễn có được một cái giường để nằm và một cái mái để che là quý rồi.

Nhưng mưa vẫn chưa muốn ngớt và họ đành khoác áo mưa, che dù, đi đại. Thực ra không phải là một thành phố, chỉ có một dãy công sở, vài cửa hàng, rồi phía sau là ít nhà lá của thổ dân lúp súp trong đám dừa và chuối. Đi độ năm phút thì tới ngôi nhà họ

kiếm. Nhà bằng cây, có hai tầng; tầng nào cũng có hiên rộng, mái lợp tôn uôn. Chủ nhà là một người lai tên là Hoen, vợ là người bản xứ, chung quanh là bày con cò nhỏ da ngăm ngăm; họ mở một cửa tiệm ở tầng dưới bán đồ hộp và vải. Phòng cho mượn, không có đồ đạc gì cả. Phòng của ông bà Macphail chỉ có mỗi một cái giường tối tàn với một cái mùng rách, một cái ghế khập khiễng và một cái bồn rửa mặt. Họ ngó quanh mà ngán ngẩm. Mưa vẫn không ngớt.

Bà Macphail bảo :

— Em chỉ lấy ra những đồ cần thiết thôi nhé ?

Bà đương mở va li thì bà Davidson nhanh nhẹn bước vô, không có vẻ gì buồn bực về cảnh tối tàn của phòng. Bà ta khuyên :

— Trước hết, bà lấy kim chỉ mà vá ngay cái mùng lại đi, bà ạ; không có thì đêm không thể nào nhắm mắt được đâu.

Bác sĩ Macphail hỏi :

— Muỗi dữ vậy kia à ?

— Mùa này là mùa muỗi mà. Tới Apia, trong những buổi tiếp tân của ông Thông Đốc, ông sẽ nhận thấy rằng người ta đưa cho mỗi bà một cái áo gài để bao chân cho khỏi bị muỗi đốt.

Bà Macphail thờ dãi :

— Nếu ngớt mưa cho mình được một lúc thì ! Trời có nắng lên, tôi mới vui về dọn dẹp lại cái phòng này được chứ.

— Đợi cho hết mưa thì còn lâu, Pago.Pago là nơi mưa nhiều nhất trên Thái - Bình - Dương. Cái vịnh này, những đôi kia, đều giữ mưa lại. Đương giữa mùa mà.

Bà ta nhìn hết ông Macphail tới bà Macphail, cả hai đều đứng trơ trơ mỗi người một nơi như kẻ mất hồn, rồi cần mỗi suy nghĩ. Cái cặp nhu nhược này thấy họ mà bực mình. Bản tính hoạt động, bà Davidson thấy tay ngứa ngáy phải lăng-xăng, dọn dẹp lại căn phòng giúp họ.

— Đâu đưa cho tôi kim chỉ đi. Tôi vá mùng lại cho, trong khi bà mở va-li lấy đồ. Bữa cơm trưa vào lúc một giờ đầy nhé. Còn bác sĩ thì xuống bếp xem người ta có đặt những đồ đạc cống kênh của ông vào một chỗ khô ráo không. Ông còn lạ gì dân bản xứ này nữa. Chúng có thể xếp đại nó ở giữa trời iảm.

Ông Macphail lại khoác áo mưa, xuống thang. Ở cửa, Horn đương nói chuyện với thủy-thủ-trưởng và một cô hành khách đi hạng nhì mà bác sĩ đã gặp nhiều lần ở dưới tàu. Thủy-thủ-trưởng, nhỏ bé, nhăn nheo, dơ dáy lạ lùng cúi đầu chào ông khi ông đi qua, và nói :

— Cái bệnh sốt thật là tai hại. Bác sĩ đã mượn được phòng rồi ?

Macphail thấy giọng đó hơi sỗ sàng nhưng vồn e-lệ, ông không tỏ ra vẻ bực mình

— Phải chúng tôi đã mượn được phòng ở trên lầu.

Cô Thompson cũng phải tới Apia với ông, nên tôi dắt cô ấy lại đây.

Vừa nói vừa lấy ngón tay cái chỉ một ả đứng bên cạnh. Khoảng hai mươi bảy tuổi, mập, thô, ả bận áo dài trắng và đã một chiếc nón lớn cũng trắng. Bắp chân mập mập của ả đeo vớ sợi, lòi ra khỏi đôi giày cổ cao bằng da dê sơn trắng bóng. ả cười tình với bác-sĩ, rồi nói, giọng khàn khàn :

— Thằng tướng nè đòi cửa cô em đây ; phòng khôn nạn đó mà đóng rưỡi một ngày.

Người thủy-thủ trưởng nói :

— Tôi bảo chú rằng cô ấy là bạn thân của tôi. Cô ấy không thể trả trên một đồng một ngày, thôi thì nhận cái giá đó đi.

Chủ tiệm mập mập, bình tĩnh mỉm cười, ngọt như mía :

— Ông Swan à, nếu vậy thì tôi rần làm vui lòng ông. Để tôi bàn với nhà tôi xem, có thể được thì hạ giá một chút.

Cô ả Thompson nói :

— Thôi đi, đừng dờ dờ khi ra nữa. Quyết-định phát đi. Tôi trả chú một đồng một ngày đây, không thêm một trình.

Macphail mỉm cười. Thấy cô ả trơ trẽn trả giá như vậy, ông ta phục quá. Ông thuộc vào hạng người không trả giá, thà chịu hờ chứ không cò kè thêm bớt. Chủ tiệm thở dài :

— Nè lời ông Swan quá, vàng thì tôi nhận.

Cô ả đáp :

— Ừ biết điều đây. Thôi vô ! Tôi đãi các người một chầu rượu. Có thứ huyết ki chính hiệu trong cái xác này đây. Anh Swan, đem giùm vô. Bác-sĩ nữa, vô cho vui...

— Thôi, cảm ơn. Tôi còn phải đi xem hành lý của tôi ra sao.

Nói xong Macphail đi ra đường ; mưa ở ngoài biển hắt vào : bờ bên kia mù mịt.

Ông ta gặp hai ba người bán xứ bện lava-lava, che những cây dù lớn. Họ uyển chuyển, cử động khoan thai, đi đứng ngay ngắn. Khi đi ngang qua ông, họ mỉm cười chào bằng ngôn ngữ của họ.

Tới bữa, ông trở về tiệm. Bàn ăn đã dọn trong phòng khách, một phòng để trưng chứ không phải để ở, buồn tẻ, hơi hám. Chung quanh tường bày những hàng ghê bành ngay ngắn, rất có thứ tự ; giữa trần thòng xuống một cây đèn treo mạ vàng, bao giấy lụa vàng để che ruồi. Ông Davidson vắng mặt. Bà Davidson giảng :

— Nhà tôi lại thăm ông Thông-Độc ; chắc ăn cơm ở dinh.

Một thiếu nữ bán xứ bưng ra một đĩa thịt bò. Ít phút sau chủ nhân vô phòng soát lại xem còn thiếu cái gì không.

Bác sĩ Macphail bảo :

— Ông Horn, ông mới thêm một khách trọ phải không ?

— Cô ta chỉ mượn phòng thôi ạ, cơm nước tự lo lấy.

Horn liếc nhìn hai bà khách, vẻ khúm núm :

— Tôi để cô ấy ở tầng dưới, như vậy khỏi có sự chung chạ mà phiền đến hai bà.

Bà Macphail hỏi :

— Có phải cô ta cũng ở tàu lên không ?

— Thưa bà vâng, đi hạng nhì ạ. Cô ấy tới Apia để làm chân thu tiền nào đó.

— Vậy ư.

Khi chủ nhà ra, Macphail nói :

— Ăn một mình trong phòng thì chắc buồn lắm.

Bà Davidson đáp :

— Nếu là một hành khách hạng nhì thì như vậy cũng là chuyện thường. Ai đây nhỉ ?

— Lúc tôi ở dưới nhà, người thù thủ trưởng dắt cô ta lại. Tên cô là Thompson.

Bà Davidson hỏi :

— Phải cô ả tôi hôm qua khiêu vũ với hẳn không ?

— Có lẽ. Tôi cũng không biết rõ, Coi bộ cũng hơi phóng túng.

Bà Davidson nói :

— Hạng hư thân mất nết.

— Rồi họ nói qua chuyện khác. Ăn xong, mệt mỏi vì sáng hôm đó dậy sớm họ chia tay nhau, về phòng riêng nghỉ ngơi

*
* *

Sáng hôm sau, trời vẫn xám, mây vẫn thấp, nhưng không mưa, họ dạo

chơi trên con đường lớn mà người Mỹ xây dọc bờ vịnh.

Khi về tới nhà thì Davidson cũng mới về. Ông bảo :

— Có lẽ chúng ta phải ở lại đây đến nửa tháng. Tôi đã bàn cãi với ông Thông Đốc, ông ấy bảo không có cách nào khác.

Bà Davidson ngó chồng, về ái ngại nói :

— Nhà tôi nóng về khu vực để làm việc lắm.

Davidson đi đi lại lại trong hiên, nói tiếp :

— Chúng tôi đã vắng mặt một năm rồi; tôi ngại rằng dưới sự chỉ huy của các mục sư bản xứ, giáo hội không còn giữ được kỷ luật nữa. Phải nhận rằng họ tốt, sùng đạo, sợ Chúa, đức tin thành thật của họ có thể làm cho nhiều người tự cho là ngoan đạo ở xứ mình phải mắc cỡ. Nhưng họ thiếu nghị lực một cách thảm hại. Họ chồng cựa được một lần, hai lần thôi, không thể nào kiên nhẫn hơn được. Dù họ là người đáng tin tới mấy, mà giao cho họ thay mình thì rồi thế nào cũng có chỗ hỏng.

Ông ta nói xong, đứng lại. Thân hình gầy mà cao, cặp mắt sáng ngời trong một gương mặt xanh xao, ra vẻ uy nghi lắm. Tầm lòng thành thực hiện rõ trong cử chỉ hăng hái, giọng nói trầm trầm sang sảng.

— Tôi tin rằng bốn phận tôi đã vạch rõ. Phải hoạt động, hoạt động gấp. Nếu cây mà đã mục rồi thì phải cưa đi, liệng vô lửa.

Tôi hôm đó, họ không ăn cơm mà uống trà và ăn bánh ngọt. Trong phòng khách nghiêm-trang, các bà ngồi đan bác, sĩ thì hút thuốc ; còn nhà truyền giáo thì kể cho họ nghe hoạt động của mình trên các đảo.

— Hồi chúng tôi mới tới, thổ dân không có quan niệm về tội lỗi, phạm tất cả những giới luật của Thiên-Chúa mà không ngờ. Nhiệm vụ khó khăn nhất của tôi là dạy cho họ hiểu thế nào là điều ác.

Ông bà Macphail biết rằng ông Davidson đã truyền giáo năm năm ở quần đảo Salomon trước khi gặp bà ấy. Hồi đó bà truyền giáo ở Trung-Hoa. Họ về xứ sở nghỉ phép và gặp nhau ở Boston, trong một cuộc hội nghị các nhà truyền giáo. Họ cưới nhau rồi được phái tới miền này luôn cho tới ngày nay.

Trong khi chuyện trò với ông Davidson, ông bà Macphail có cảm giác này là con người đó bất khuất can đảm lạ lùng. Vừa truyền giáo, vừa làm y-sĩ ông phải đi tới đảo này đảo khác bất kỳ lúc nào. Mùa mưa, trong những cơn dông tố, ngồi trong một chiếc thuyền đánh cá voi còn nguy thay, mà người ta lại thường lái chiếc ca-nô lại đón ông đi. Hễ có người bị tai nạn hay đau ốm, thì không khi nào ông do dự. Trên mười hai lần rồi, ông phải chống cự với sóng gió ở giữa biển, ban đêm ; và nhiều lần bà vợ tưởng mình đã thành một quả phụ.

Bà ta kể :

— Thịnh thoàng tôi năn nỉ ông ấy đừng đi, hoặc đợi cho bớt sóng gió

rồi hãy đi, nhưng vô ích ! Nghị lực sắt đá, hễ đã quyết định thì không có gì ngăn cản được

Davidson lớn tiếng :

— Làm sao mà tôi có thể bảo thổ dân tin ở Chúa được nếu chính tôi, tôi không làm gương cho họ ? Trong cơn nguy mà họ cho gọi tôi thì họ biết rằng thế nào tôi cũng tới, trừ phi là một việc ngoài sức của con người. Thử nghĩ coi, Chúa có lẽ nào bỏ tôi không, khi tôi làm việc cho Ngài ? Ngài mà ra lệnh thì gió sẽ dậy, sóng sẽ găm.

Macphail vẫn nhút nhát. Không thế nào ông ta quen được tiếng đạn vèo vèo trên miệng hăm, và khi ở tiền tuyến có lần ông gắng tự chủ cho tay khỏi run, đến nỗi mồ hôi chảy ròng ròng trên trán, làm mờ cả cặp kiềng. Cho nên nhìn nhà truyền giáo ông hơi rùng mình, bảo :

— Tôi ước sao có thể nói rằng không hề sợ một cái gì.

Davidson bẻ ngay :

— Tôi ước sao ông có thể nói rằng ông tin Chúa.

Tôi đó, ông ta nhớ lại những buổi đầu tiên hai vợ chồng sống ở quần đảo.

— Đôi khi vợ chồng tôi ngó nhau mà nước mắt ròng ròng trên má. Làm việc không ngừng suốt ngày suốt đêm mà cơ hồ không kết quả. Không có nhà tôi thì không biết tôi đã ra sao. Khi tôi mềm lòng, chán nản nhà tôi làm cho tôi can đảm lại, tin tưởng lại.

Bà Davidson e-lệ cúi mặt xuống, cặp má hộc hác bỗng ửng lên một chút. Tay bà run run. Không nói năng gì cả.

— Không có ai giúp đỡ chúng tôi cả. Cô đọc trong cảnh tối tăm, cách cả ngàn cây số mới có người đồng hương. Mỗi lần thầy tôi tuyệt vọng thì nhà tôi ngừng may vá, mở Thánh Kinh ra đọc cho tới khi nào sự bình tĩnh trở lại tâm hồn tôi như giấc ngủ trở lại cặp mí em bé thì mới thôi. Lúc đó, gấp Kinh lại, nhà tôi bảo : Dù họ không muốn thì ta cũng cứ cứu họ » Và mạnh mẽ tin trở lại ở Chúa, tôi đáp : « Phải, nhờ Chúa phù hộ, anh sẽ cứu họ, anh phải cứu họ ».

Ông ta lại đứng bên cạnh bàn như đứng trước một cái giá đặt kinh.

— Bản chất của họ trụy lạc quá rồi, đến nỗi không thể nào giảng cho họ thấy cái trụy lạc của họ được. Những hành-động mà họ cho là tự nhiên thì chúng tôi phải biến đổi thành tội lỗi ; chẳng những gian dâm, nói dối, ăn cắp, mà ngay như sự lỏa lồ, thói khiêu vũ, không lại nhà thờ, cũng là tội lỗi. Tôi đặt ra cái luật rằng đàn bà mà để hở ngực, đàn ông mà không bận quần là có tội.

Bác-sĩ Macphail ngạc nhiên hỏi :

— Làm cách nào vậy ?

— Dùng cách phạt tiền. Tất nhiên chỉ có mỗi một cách làm cho người ta hiểu rằng một hành-động nào đó là tội lỗi ; cách đó là cách phạt họ nếu họ làm hành động đó. Vậy tôi phạt tiền họ nếu họ không tới nhà thờ, nếu họ khiêu vũ hoặc ăn bận không đứng đắn. Tôi đặt ra một « giá » ; tội nào

cũng phải chuộc bằng tiền hay bằng công. Rút cục, họ hiểu.

— Có khi nào họ không chịu đóng phạt không ?

— Làm sao có thể như vậy được ?

Bà Davidson măm môi, tiếp lời chồng :

— Dám chống cự ông Davidson thì phải là gan cóc tía.

Bác-sĩ ngó ông bạn về suy nghĩ. Tuy thầy chứng tai và còn do dự chưa dám chỉ trích.

— Ông đừng quên rằng tới nước cùng, tôi có thể đuổi họ ra khỏi giáo đường nhé !

— Họ sợ hình phạt đó ư ?

Davidson xoa tay nhè nhẹ, mỉm cười.

— Vô phương bán dứa, và đi chài về thì hết chia phần. Gắn chắc chắn là chết đói. Họ sợ lắm chứ !

Bà Davidson góp ý :

— Sao mình không kể chuyện Fred Ohlson cho ông bà nghe ?

Ông Davidson nhìn bác-sĩ bằng cặp mắt nãy lửa :

— Fred Ohlson là một con buôn Đan-mạch, lập nghiệp ở đảo từ lâu. Nhờ buôn bán, hắn khá giàu và thầy chúng tôi tới, hắn không vui. Hắn quen làm mưa làm gió, mua dứa của thổ dân muốn trả ra sao thì trả, có khi trả bằng rượu huyết - ki. Vợ hắn là người bản xứ ; mà hắn công nhiên lừa vợ. Lại thêm cái tật say sưa. Tôi cho hắn cơ hội sửa tính, nhưng hắn không nghe lại còn cười ngạo tôi nữa.

Khi nói những lời cuối cùng đôi giọng Davidson trầm hẳn xuống; rồi ông ta ngừng một hai phút. Người ta đoán có cái gì kinh khủng sắp xảy ra.

— Trong hai năm, hoàn toàn phá sản, công lao góp nhặt trong một phần tư thế-kỷ tiêu tan hết. Bị áp đảo, sau cùng hẳn phải lại tôi, thậm hại như một tên hành khất, năn nỉ tôi cho hẳn giấy tàu về xứ ở Sydney.

Bà Davidson nói :

— Phải thầy cái bộ mặt của hẳn lúc đó ! Xưa kia khoẻ mạnh, đẹp đẽ, bệ vệ, đông dục, bây giờ nhận không ra nữa; tay chân run lẩy bẩy. Hẳn đã hóa thành một ông già, mau quá !

Davidson chăm chú ngó trong bóng tối. Mưa lại đổ. Bỗng có tiếng ở nhà dưới đưa lên, ông ta quay lại ngó vợ như có ý hỏi « cái gì vậy ? ». Một chiếc máy hát phát ra một điệu ồm ào, nghệt mũi, chướng tai.

Ông ta hỏi :

— Cái gì vậy ?

Bà vợ sửa lại cặp kính kẹp mũi.

— Có một cô hành khách hạng nhì mượn phòng ở dưới nhà. Có lẽ tiếng hát ở phòng đó phát ra.

Họ yên lặng nghe. Rồi có tiếng người khiêu vũ. Rồi âm nhạc ngưng bật tiếng nút chai nổ bộp bộp, không khi tiếng cười nói vang lên.

Bác-sĩ Macphail bảo :

— Chắc cô ta đãi tiệc từ biệt các bạn dưới tàu. Tàu nửa đêm nhỏ neo thì phải ?

Davidson làm thinh. Rồi ngó đồng hồ, hỏi vợ :

— Minh về phòng chứ ?

Bà ta đứng dậy, gấp đồ đạc lại đáp :

— Vâng, về.

Bác sĩ hỏi :

— Giờ này mà đi ngủ e sớm chăng ?

Bà Davidson đáp :

— Chúng tôi còn phải đọc kinh. Bất kỳ ở đâu, chúng tôi cũng đọc một chương Thánh Kinh trước khi đi nằm, đọc hết những lời chú giải nữa ông ạ, rồi lại bình luận với nhau cho thấu nghĩa. Một cách luyện tinh thần rất kiên hiệu.

Hai cặp vợ chồng đó chia tay nhau. Ở lại trong phòng, vợ chồng bác-sĩ ngồi im một lát, rồi chồng bảo vợ.

— Anh muốn đi kiếm cỗ bài đánh chơi vài ván.

Bà vợ chăm chú ngó chồng, do dự. Câu chuyện của gia-đình nhà truyền giáo làm cho bà không được yên lòng : bà không dám thú với chồng rằng bà ngại họ trở lại lắm, thầy mình đánh bài sẽ coi mình ra sao. Ông chồng trở vô với cỗ bài : bà nhìn ông chơi một mình mà nơm nớp sợ. Ở nhà dưới, cuộc chè chén say sưa vẫn tiếp tục.

*
* *

Sáng hôm sau, trời hơi đẹp, cặp Macphail tìm cách tiêu khiển cho qua cái nửa tháng ngồi không ở Pago-Pago này.

Họ xuống bến, mở rương lấy ít cuốn sách ra. Ông chồng lại thăm bác sĩ giải phẫu, giám đốc bệnh viện thủy

THƠ HUY-LỰC

ĐỜI XA...

Đời xa heo hút thu phong
 Sương ôm hoang vắng, mây vòng
 quạnh hiu
 Vàng rơi... loang lổ tiêu điều
 Nghe buồn nức nở giữa chiều
 bao la...
 Một mình em, một mình ta
 Rừng xanh đậy mắt, tay ngà run
 cây
 Tình yêu trốn giữa nơi này
 Môi ngon cỏ lạ, má đầy hoa thơm
 Ngát ngây hình bóng chập chờn
 Đèo cao hút gió, đưa hồn phiêu
 diêu...

HUY-LỰC

quân và dẫn đi coi các phòng ở bệnh viện.

Lại chào ông Thông-Độc mà không gặp, để thiếp lại. Giữa đường gặp cô Thompson. Macphail đỡ nón chào, cô ta vui vẻ, ồ ào đáp lễ « Chào, bác sĩ » Cô à cũng bận chiếc áo dài trắng như hôm trước. Đôi giày cao gót, lóng đẽ hồ cặp giò mập mập đó, trong cái khung cảnh này mới chướng mắt làm sao !

— Bà Macphail nói :

— Ở cái xứ này mà ăn bận như vậy, coi sao được ? Con người thô bỉ !

Về đến nhà, thấy cô à đương chơi dưới hiên với một đứa trẻ da xạm.

Macphail nói nhỏ với vợ :

— Trò chuyện với cô ta vài câu ; cô ta lẻ loi ở chôn này ; mà mình làm ra vẻ như không thấy, cứ làm lơ thì không nhẽ.

Bà Macphail cũng hay e lệ, nhưng luôn luôn chiều ý chồng, nên hỏi cô Thompson một câu vớ vẩn :

— Hình như chúng ta ở chung một nhà với nhau.

Cô à đáp :

— Thật là tai hại há ! Chui rúc trong cái chuồng ngựa này ! Vậy mà họ còn bảo tôi may lắm mới kiếm được một căn phòng đây. Không lẽ mà mình đi ở cái chòi của tụi bản xứ ; chứ lại đó như tụi khác còn hơn. Tại sao mà họ không cất khách sạn nhỉ ?

Họ nói với nhau vài câu nữa. Cô Thompson nói bô bô, miệng quai ra, chỉ

mong có người để kể lể, nhưng bà Macphail không biết nói gì nữa, bảo :

— Thôi, tôi phải lên phòng.

*
* *

Tôi hôm đó, tới bữa cơm, Davidson đưa tin :

— Có hai anh lính thủy ở trong phòng con đó. Nó làm quen họ cách nào nhỉ ?

Bà Davidson nói :

— Chắc không khó tính lắm.

Cả bọn đều mệt mỏi vì suốt ngày ở không.

Macphail thở dài :

— Phải ở đây tới nửa tháng, không biết rồi tình trạng chúng mình sẽ ra sao ?

Davidson đề nghị :

— Phải lập chương trình cho mỗi ngày. Tôi sẽ bỏ ra vài giờ để học, ít giờ để tập thể dục, bất kỳ mưa nắng — mùa mưa thì đợi nắng làm sao được ? — Thì giờ còn lại thì tiêu khiển :

Macphail nhìn bạn, không có vẻ tin lắm. Chương trình đó nặng quá đối với ông. Trong khi họ ăn món thịt bò — Nhà bếp chỉ biết nấu có mỗi món đó thì máy hát lại vang lên. Khách khứa của cô Thompson cũng lớn tiếng hát một bản dương được thiên hạ hoan nghênh, nhưng rồi giọng oang oác của cô ả lần ạt-hết. Họ la hét ; đùa giỡn.

Hai gia - đình rán tiếp tục chuyện trò nhưng rồi cũng phải chú ý tới tiếng li cụng nhau, tiếng ghê lết trên sàn. Chắc có thêm khách tới. A, một dạ hội rồi đây.

Hai ông đương bàn cãi với nhau về y khoa thì bà Macphail bỗng chen vô :

— Không hiểu cô ta có chỗ đâu mà chứa bấy nhiêu người ?

Óc bà ta đã vỡ vụn ở đâu đâu. Davidson nhăn mặt lại. Mặc dầu đương nói chuyện về khoa học mà trí não ông cũng hướng về phía dưới. Thành lính trong khi bác-sĩ tả vài chứng bệnh mà ông có dịp nhận xét trên mặt trận Flandre, thì nhà truyền giáo đứng phắt ngay dậy, thốt một tiếng lớn.

Bà Davidson hỏi :

— Cái gì đó, mình ?

— Hiển nhiên rồi ! Sao mà mình không nghĩ tới chứ !

Con đó ở Iwelei ra mà !

— Vô lý !

— Nó đáp tàu ở Honolulu. Rõ ràng quá rồi. Và nó kiếm ăn ở đây. Ở đây !

Ông ta dẫn mạnh vào hai tiếng cuối, về khinh bỉ.

Bà Macphail hỏi :

— Iwelei là cái gì ?

Cặp mắt sâu hoắm của Davidson nhìn trừng trừng bà Macphail, giọng ông ta vang lên vì ghê tởm :

— Cái xóm quý ở Honolulu, xóm bình khang. Một vết dơ trên nền văn minh của chúng ta.

Iwelei ở đầu tỉnh. Từ hải cảng, đi vào những ngõ hẻm, trong bóng tối, qua một cái cầu lung lay, tới một đại-lộ vắng vẻ đầy ổ gà, rồi thành lình vô một khu có đèn sáng trưng. Hai bên đường có những xưởng sửa xe hơi, những quán cà phê rục rĩ, mà

quê mùa, ồn ào tiếng đờn, tiếng ca ; những tiệm hút tóc và tiệm bán thuốc hút. Không khí có cái gì như kích thích, chờ đợi khoái lạc.

Con đường lớn đó chia xóm Iwelei làm hai, mỗi bên có những con đường ngang nhỏ. Quẹo vào những con đường này là thấy hàng dãy nhà, nhà nào nhà này xinh xắn, đẹp đẽ, sơn xanh, cách nhau bằng những lối đi rộng và thẳng. Cái vẻ đều đặn, xinh đẹp, ngăn nắp đó mà lại tiết ra một cái gì cho ta cái cảm giác ghê tởm ; vì không ở đâu mà sự mua sơn bán phấn lại tổ-chức có hệ-thống như ở đây. Chỉ có ít ngọn đèn rải rác trên những lối đi, thành thử nếu ánh đèn trong nhà không chiếu qua cửa sổ thì ngoài đường sẽ tối tăm. Đàn ông dạo tới dạo lui, ngó những ả ngồi ở cửa sổ đương thêu thùa hoặc đọc sách làm bộ không để ý đến khách qua đường. Đàn ông cũng như đàn bà thuộc đủ dân tộc : nào là người Mỹ, nào là lính thủy ghé bến, tội lính tình nguyện trên chiến hạm, say mèm, rồi tội xăng đá da trắng và da đen đóng đồn trên đảo ; bọn Nhật-Bản đi từng nhóm hai, ba người, bọn Hạ-Uy-Di, bọn Trung-Hoa áo dài lượt buột, bọn Phi-Luật-Tân đội những chiếc nón kỳ cục ; hết thấy đều lấm lũi, như ngạt thở. Tình dục sao mà tẻ.

Davidson hồng hách quát tháo :

— Ô truy lạc ô nhục trâng tráo nhất trên Thái-Bình-Dương. Đã bao lâu nay, các nhà truyền giáo mặt sát sự đời bại đó sau cùng báo chí trong miền cũng phải lên tiếng. Mà ty cảnh-

sát không chịu diệt. Họ viện lẽ rằng không sao tránh được cái xấu xa đó, vậy thì tốt hơn là dấn vào một khu cho dễ kiểm soát. Sự thực là họ ăn tiền. Đúng vậy, những chủ quán cà-phê, tội ma cô và chính tội điếm nữa hồi lộ họ. Nhưng rồi rút cục họ cũng phải hành-động.

Macphail nói :

— Tôi có đọc tin đó trên báo Honolulu.

— Đúng ngay chúng tôi tới thì xóm Iwelei với tất cả cái tội lỗi, cái ô nhục của nó bị diệt hẳn. Toàn dân khu đó bị đưa ra tòa... Tại sao mà tôi không nhận ngay ra được con điếm đó kia chứ ?

Bà Macphail bảo :

— Bây giờ nghe ông nói tôi mới nhớ rằng cô ta xuống tàu vài phút trước khi tàu chạy. Lúc đó tôi đã nhận thấy cô ta có vẻ không lương thiện.

Vẫn giận dữ, Davidson la :

— Làm sao mà nó dám tới đây, kia ? Tôi không khi nào tha thứ điều đó.

Rồi ông ta rảo cẳng bước ra cửa.

Bà Macphail hỏi :

— Ông định làm gì vậy ?

— Bà muốn tôi làm cái gì nữa bây giờ ? Phải làm ngưng cái đó lại chứ. Tôi không để cho chúng nó biến cái nhà này thành..., thành...

Ông ta kiếm một tiếng để khỏi làm hai bà mắc cỡ. Cảm xúc làm cho mắt ông sáng ngời, nước da đã tái lại tái thêm.

Bác sĩ nói :

— Hình như có ba bốn người đàn ông ở dưới đó. Xuống lúc này e có khinh suất chăng ?

Vị cô đạo lờm bác sĩ về khinh bỉ, rồi chẳng nói chẳng rằng, chạy ra khỏi phòng.

Bà vợ bảo :

— Ông chưa biết tính nhà tôi, không có sự nguy hiểm nào về bản thân mà có thể ngăn cản ông ấy được trong khi thực hành nhiệm vụ.

Bà ta ngồi, tay chấp lại vì kích thích mạnh, lưỡng quyền cao đồ ửng lên, rần nghe xem cái gì xảy ra ở dưới. Cả ba người đều lắng tai. Thấy tiếng Davidson xuống cầu thang bằng cây, rồi mở cửa. Thành linh tiếng ca ngưng bật nhưng tiếng hát vẫn ồ ồ một bản thô lỗ. Có tiếng Davidson vang lên, tiếp ngay là tiếng một vật nặng rớt xuống

Âm nhạc ngưng. À, thì ra ông đã gạt cái máy xuống sàn; Rồi có tiếng Davidson với tiếng the thé của cô Thompson ; sau cùng là tiếng ồn ào, như có nhiều người cùng gào hét một lúc. Bà Davidson thờ dài, hai tay nắm chặt lại Macphail nhìn hết bà nọ đến bà kia, không biết nên làm gì. Ông không muốn xen vào chuyện đó, nhưng có lẽ hai bà mong ông xuống chăng ? Rồi như có cuộc đấu đá. Tiếng động bây giờ rõ ràng hơn. Ông Davidson đã bị họ hất ra ngoài rồi chăng ? Cửa đóng lại cái rầm, Yên lặng một chút, rồi có tiếng ông Davidson leo cầu thang, trở về phòng.

Bà Davidson bảo :

— Tôi đi kiểm nhà tôi.

NGUYỄN-HIÊN-LÊ

(còn tiếp 1 kỳ)

Hộp thư Bách-Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt kỷ - niệm Đệ tứ chu - niên » (15 - 1 - 1961)

Đề có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-đáo số « Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tứ chu-niên Bách-Khoa », trân trọng mong các bạn gửi bài về Tòa-soạn Bách-Khoa trước ngày 30-11-1960.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng để tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng tôi tiện liên-lạc trao đổi ý kiến với tác-giả.

B. K.

HÒA - HỢP

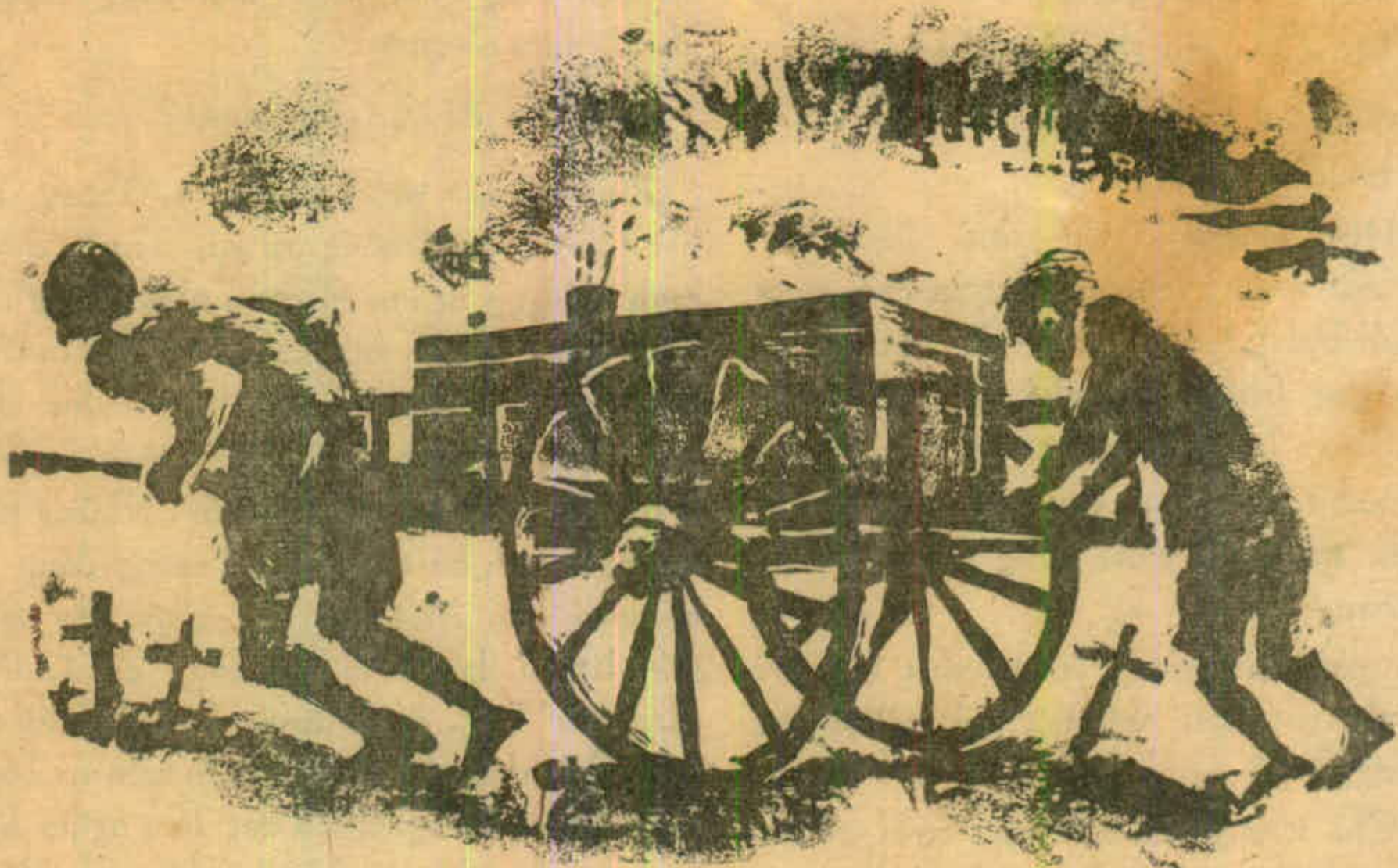
Hoa rực nắng mắt ngày lòng nhuộm thắm
Muốn niềm vui bén nhị giục trao hương
Cảnh nhiệm tình trong nhựa hợp ngoài sương
Cùng thắm đậm đề hồng non mở cánh.

Đàn xa vắng điệu sầu rung bóng lá
Thoảng trời khuya sao lặn giấc mơ tan
Âm ngân thanh gợn sóng lướt qua màn
Ta, gió, nhạc với thời-gian hiu hắt...

Bên song vắng trăng hiền soi dáng ngọc
Tay áp tay, nghe mạch sống giao hoà
Trong hư-không còn lại có đôi ta
Phút tương-ứng, biết mình cho hay lấy ?

Trốn mình bạch, quãng biên-thùy thực mộng
Thả giác-quan chờ đợi chút say mê
Cõi du-dương, diu dặt bước đi về
Trút bản-ngã, nhập sắc hình thân mến.

Đ.T.



TÌNH « NGƯỜI »

● PHAN - DU

NÉN hương Thuận vừa thấp và cắm vào một góc xe lúc ở nhà xác ra đi ngùn cháy nhanh đến muốn bật thành lửa ngọn. Những tia khói trắng vừa thoát khỏi các đầu hương chưa kịp vươn lên cao đã phải quàng theo gió sớm, rạt rạt tỏa ngược lại phía sau, tan vội đi trong thanh-khí ban mai. Thật chỉ có nén hương và khói hương tan vội đã mang lại cho cuộc tiễn đưa thăm lạng này một ít ý vị, màu sắc tang-khó mà thôi. Cảnh trời sớm nay đẹp một cách tàn-nhân quá với nền trời màu lam cao vút và tiếng chim vui reo không ngừng

trên những cành xanh tươi mượt có ánh nắng vàng lộng-lẫy xuyên qua. Bác Cẩm — ông lão kéo xe thì vô tình, thản nhiên làm sao. Tiếng bánh xe nghiền cát, sỏi sào sạo, tiếng chuyển mình của thân xe cũng không hề góp vào cho cuộc tiễn đưa một âm-diệu u-buồn nhỏ-nhất nào. Cỗ quan lại trần-trường quá. Trên chiếc xe vận-tải cũ-kỹ này, nếu không có nén hương bụi-ngùi buồn tỏa khói thơm và cái dầu hồng-thập-tự đồ dính bên xe, khách qua đàng rất có thể lầm nó với một chiếc hòm mới mua còn trống rỗng trong lòng. Nhưng rồi cái mùi vị tang khó của nén hương mang lại như

cũng muốn tan nốt theo câu nói của bác Cẩm, sao một đoạn đường :

— Lên Chợ, tao còn phải ghé lại đã.

Thuận ngạc-nhiên :

— Để làm gì bác ?

— Hừ, khéo hỏi thì thôi. Sáng nay « làm xác » cũng tao, rồi chuyên-chở cũng tao. Túi-bụi từ sớm đến giờ đã có gì trong bụng đâu. Phải ghé lại chợ ăn bát mì đã. Vói lại kéo những ngư này mà không có rượu thì... chịu sao được. Bận nào đi, tao cũng phải uống năm ba trự. Lệ thường mà.

Rồi với cái giọng bông đùa bác nói vọng vào cổ quan như nói với một người còn sống :

— Chả việc gì mà nôn vọt. Sớm muộn gì nội nhật hôm nay lão cũng được nằm yên dưới mồ. Lên chợ nằm nghỉ chơi để người ta ăn đã nghe chưa ? Đói bụng kéo sao nổi.

Rồi chừng như được kích-thích, qua trí tưởng tượng, bởi cái ngọn béo của bát mì và hương men nồng thơm của mấy ly rượu để ngâm thuốc đang chờ bác trên chợ như thường lệ, bác Cẩm kéo xe đi càng nhanh hơn. Cổ quan lại càng lắc lư, rung-rinh theo đà tiến, thỉnh-thoảng lại vồng mạnh trên nền gỗ mỗi lúc bánh xe chạm phải đá hay lọt xuống một hục ổ gà. Thuận nhìn cổ quan và lờm trộm bác Cẩm. Những câu nói vừa rồi không làm cho hắn khó chịu bằng cái thái-độ của bác. Hắn thấy bác dễ ghét quá, không phải vì cái đầu trọc hay bộ mặt nhăn nheo, đen đui lăm li, nhưng gì cái vẻ dửng-dưng, lạnh-lùng ngay trong công việc dẫn-độ những thầy ma vô thừa nhận từ nhà xác về nơi an nghỉ cuối cùng.

Vừa đến chợ, bác Cẩm đã cho xe dừng lại bên hàng, thở phào một tiếng khoan-khoái, nhìn cổ quan :

— Năm đó đã, nghe chưa ?

Rồi bác chạy ngay vào quán. Trong lúc bác Cẩm ăn mì, uống rượu, Thuận đứng cạnh xe lặng ngắm cổ quan nằm chổng đít phơi mình dưới ánh nắng. Có lẽ cái cảnh này đã quen mắt quá với người dọc chợ nên chẳng ai buồn để ý. Ngay cả giống chó ở đây chúng cũng quen lắm rồi. Nhưng hồn ma nằm trên xe vận tải thì chẳng đáng gì mà phải sửa. Một vài con chạy đến ngửi giây lát rồi lại buồn tình chạy đi. Chỉ có đám ruồi lằng, đánh được hơi lạ, bu lại chen chúc thám hiểm một cách kiên trì hơn, múa lượn, bò ngang bò dọc lồm ngồm hay tụ lại từng chòm nhỏ đen kín xao dợn, lúc nhúc trên nền ván trắng. Riêng đối với Thuận, thì các lối triển-lãm của cổ quan lúc này trông vừa ngộ mắt vừa đáng thương tâm làm sao. Qua lớp ván mỏng, hẳn hình-dung cái xác của lão Bảy nằm im lặng, thẳng thắn, chân chổng lên cao, đầu hướng xuống đất. Tưởng-tượng đến cái thể nằm kỳ cục ngược đời như vậy, tuy đang buồn, Thuận cũng thấy tức cười. Hẳn nghĩ lão Bảy cả một đời sống đã khổ, chết đã âm-thầm, mà cuộc hành-trình từ cái nhà xác lạnh-lẽo tới năm mồ vô chủ, quạnh hiu ở tận đâu trên núi kia, cũng còn gặp phải lắm nỗi trắc trở, nhiều khê. Thuận những lo với ngày trời tốt nắng như thế này và con hàng lăm dốc, ngoài cái trạm chợ mà bác Cẩm cần ghé để nhậu-nhẹt ra, cổ quan và cái xác lão Bảy sẽ còn phải trải qua nhiều lần được nằm chổng đít lên để phơi nắng như vậy. Cảm cảnh và không biết làm gì hơn, hẳn

bước lại đốt thêm một nén hương cắm vào xe. Nhìn mặt trời, Thuận thấy sốt ruột và đâm oán bác Cẩm vì cái lối ăn uống khề khà của bác ngay trong lúc phải đưa người chết đến mộ-địa. Nhưng hấn càng nôn nóng thì, trong quán, bác Cẩm lại càng có vẻ cà kê với bát mì, cút rượu. Ăn xong, bác còn ngồi nán trò chuyện ba hoa với bà quán cho chán chê rồi mới chịu cấp nón ung-dung bước ra, vừa đi vừa xỉa răng. Thấy hấn, bác hỉ hì :

— Hừ, đi thôi. Mày lại vừa thắp hương à ? Thằng này chu đáo thật. Mày bà con thế nào với lão ?

Thuận ngấm bộ mặt đỏ gay của bác Cẩm. Đã ghét, lúc này hấn càng có ác-cảm thêm nên hấn chẳng muốn trả lời. Bác Cẩm thì chừng như chỉ hỏi cho có truyện, vì vừa hỏi xong, bác đã cúi xuống đỡ còng xe lên. Đám ruồi lằng nghe động bay ào lên tán loạn. Một số ít đáp xuống chỗ cũ. Chiếc xe lại từ từ lăn bánh. Mặt trời tuy chưa cao lắm nhưng ánh nắng đã có chiều gay gắt. Mồ hôi bắt đầu chảy nhỏ giọt từ trán và hai cánh tay trần xương xẩu của bác Cẩm, thấm ướt chiếc áo cánh màu thanh - thiên. Sắc mặt bác càng đỏ thêm. Vừa qua khỏi cầu, bác lại đằng hắng mấy tiếng, khạc nhổ rồi tắc lưỡi :

— Ái chào đi : Sao mà nặng lắm thế này. Sống khôn thác thiêng, muốn chóng được xuống mồ thì để người ta kéo đi chứ làm cái quái gì mà nặng trĩu trĩu vậy lão ? Có quấy phá chơi thì trở lui mà quấy phá lão Chình chứ tao với lão có việc gì đâu ?

Thuận ngạc-nhiên hỏi ?

— Bác cũng biết lão Bầy ?

— Hừ, ngày bữa chi mày. Người cùng làng với tao đó. Thằng cha này đại quá.

Nó ở với lão Chình suốt mười mấy năm trời, làm giàu cho chủ để mỗi tháng chúng thí cho mấy trăm bạc, không cơm không nước. Thế mà đau, chúng lại bỏ mặc trong nhà thương thí. Chết chúng cũng chẳng đoái hoài. Chủ với tớ gì mà tệ bạc quá vậy. Còn mày, mày ở đâu mà biết lão ?

— Cháu đánh giày ở tiệm ông Chình, tớ cũng hay ngủ ở đó. Biết lão đã ba năm rồi.

— Chỉ biết thôi à ? Không bà con chi cả à ? Thằng nói nghe lạ quá !

Định nói gì nữa nhưng chừng như vì mệt, bác Cẩm ngừng lại để thở. Dáng đi của bác lúc này trông có vẻ loạng-choạng, nhọc nhằn. Chiếc xe vận-tải tiến lên không được thẳng lối như trước, hai còng xe hết hướng qua bên tả lại chệch qua bên hữu. Càng nhọc bác càng văng tục luôn mồm. Nghe cái giọng nhè-nhè và ngấm vẻ mặt đờ-đẫn, đỏ gấc của bác Cẩm, Thuận đâm lo. Hấn nhủ thầm :

— Lại *ba-xi-đế* rồi : Không khéo mà nhào cổ xuống mương thì khốn. Cứ đi theo cái lối « *đàng xà* » này mãi thì biết đến bao giờ mới tới huyết cho.

Trông cái lối kéo xe của bác Cẩm có vẻ ì-ạch, lếch-thếch như chuột tha dưa cải, Thuận đâm ngao-ngán, mỉm cười hỏi :

— Chừng như bác quá chén rồi phải không bác ?

Bác Cẩm lại khạc nhổ :

— Tao mà quá chén à ? Biết mấy gọi là quá. Tiền đâu có nhiều mà quá với quắc. Đầu tắt mặt tối trong bệnh-viện, vọc xác chết mỗi cả tay, mỗi ngày được một phần cơm của bệnh nhân, làm gì có dư.

Bác rút khăn lau mặt, lau cổ :

— Mày tính bầy đồng bạc với năm trăm cà ram gạo thì làm gì có dư. Già cả, một thân một mình thì cũng đủ độ-nhật đó, nhưng làm chi có dư... Với lại bữa nay.

Vừa nói đến đây bỗng bác im bặt. Một chiếc xe ô-tô nhà binh to lớn kèn kàng, từ đâu phía trên rùng-rùng đổ xuống, hung hăng như một con quái vật, rút nhanh qua, tung cả một đám bụi mờ và những tiếng cười nói léo-séo. Bác Thuận hốt hoảng cho chiếc xe lách vội qua bên đường, đứng dặng chân, quay lại nhìn theo với cái dáng giận dữ tức tối, hét lớn :

— Quân ăn cướp ! Chạy cái tiên-sư cha bay như thế à ? Chút nữa thì cán chết người ta rồi. Tao giữ vững càng xe chứ không thì cổ quan trụt mắt còn chi.

Thuận không chú ý đến câu nguyện rủa của bác Cẩm vì hắn đang ngắm cổ quan và ngắm nghĩ về cái số phận hẩm-hiu, tồi tàn của những xác chết vô thừa-nhận để buồn tủi thêm vì lão Bầy. Nhưng bác Cẩm lại ngoảnh nhìn hắn, lớn tiếng phân bua :

— Đấy, mày thấy tao có say đâu. Say thì chết với cái xe ấy rồi còn gì. Hừ, kể cũng khó mà được say. Tao uống cả chai bố cũng chưa thấm nữa là. Chỉ khổ cái là không có tiền để uống cho nó đã cái thêm thêm. Tao nghiện rượu là chỉ

vì ba cái xác chết toi này chúng báo hại tao. Chúng làm cho tao đã buồn càng buồn thêm. Kéo những ngữ này mà không có rượu tao cũng đến chết mất. Nhưng bữa nay tao uống có ba trự thôi. Thường lệ là năm trự kia... Thế ra... ừ, thế mày không có bà con gì với lão Bầy cả sao.

— Không là gì cả.

— Cũng có lý. Vì lão người cùng làng, tao biết. Cha mẹ, anh em lão chết tiết cả trong thời chiến. Lão chả có vợ con gì. Tao cũng vậy... Hừ lạ thật.

Rồi tự-nhiên bác đổi giọng :

— Tao cũng vậy. Lão Bầy thế mà còn có phúc. Tao làm xác cho lão cẩn-thận hơn cho người nào cả, vì niệm cái tình cùng làng đó. Lão lại chết vừa gặp kỳ vái của một bà nhà giàu hảo tâm cúng cho bệnh-viện nên được liệm tiêm-tắt hơn. Bây giờ giờ ra đi, lại có mày... Hừ, mày không bà con gì cả. Người dung ? Lúc còn sống lão đối với mày như thế nào mà mày thương lão lắm vậy ? Chắc lão tử tế với mày lắm phải không ?

Câu hỏi sau cùng vô tình nhắc Thuận một cái gì mà tự hắn cũng khó nghiệm ra. Chính hắn cũng chẳng hiểu vì sao hắn lại chịu khó đi đưa lão Bầy lên tận huyết mã ; tại trước cái chết của lão, hắn không thể đứng-dung được như thường-lệ, quả

MỤC-LỤC BỘ MÔN (Bách-Khoa 49-72)

Chúng tôi đã in xong tập Mục - Lục bộ môn từ Bách - Khoa 49 đến 72.

Các bạn muốn mua xin gửi tem (cò) 2\$50 cùng tên, địa chỉ, chúng tôi xin gửi tới.

B. K.

thật đây là lần đầu tiên hẳn phải băn-khoăn, nghi ngại nhiều vì cái chết, vì một người chết. Mồ côi cha mẹ từ thuở còn măng sữa, bơ-vơ lạc-lơng trơ trọi, trên đời, Thuận chưa hề có dịp phải đau khổ, buồn tiếc, thương xót vì sự khuất bóng của một linh-hồn thân yêu nào cả. Hẳn chỉ được chứng kiến toàn những cảnh chết chóc của người đưng, với cái tò-mò của tuổi trẻ và một ít thoáng gọn buồn thương, bắt nhãn trong lòng, một ít cảm giác rờn-rợn pha lẫn cái vui mừng ích-kỷ của con người khi thấy mình còn may mắn chưa vướng phải lưới hái của Quỷ-Thần để rồi hẳn lại lãng quên ngay với chuyện kiếm ăn hàng ngày giữa cái ồn-ào, náo rộ của phố phường, bên hè một tiệm cà-phê gần chợ. Thật chưa bao giờ cái chết của tha-nhân gieo được vào tâm-hồn hẳn một xúc-động mãnh-liệt như lần này. Càng ngẫm nghĩ hẳn càng ngạc-nhiên vì người chết lại chính là lão Bảy.

Hẳn gặp lão Bảy ở tiệm cà-phê Ông Chinh cách đây đã được ba năm rồi. Trong ba năm trời tuy cùng chung đưng, gần-gủ nhau hàng ngày dưới mái hiên sau cửa tiệm cà phê, nhưng giữa lão với hẳn thật chẳng có một mối liên-hệ nào đáng kể, ngay cả về mặt nghề nghiệp làm ăn. Hẳn đánh giày để độ-nhật. Còn lão, lão sống với cái nghề rang chế cà-phê, giúp việc nước sôi, quét dọn ở cửa tiệm. Ngày ngày hẳn thường gặp lão, thấy lão, nhìn lão, nói năng cười cợt với lão và đêm đêm hẳn cũng hay gác chân lên người lão để ngủ trên mấy cái thùng sữa kê ở xó hiên thật đấy, nhưng hẳn chẳng hề có thiện cảm với lão. Sự hiện-diện của lão Bảy trong cuộc sống hay ở mé hiên sau của tiệm cà-phê thật chẳng quan-hệ, cần thiết cho hẳn

chút nào. Thấy lão, hẳn biết là có. Vắng mặt lão, hẳn cũng chẳng màng tưởng đến bao giờ. Vì lão tầm thường, vô nghĩa quá. Lão sống âm-thầm như một bóng ma, khuất lấp như một con dế mèn ở mé hiên sau. Mé hiên với mặt tiền của cửa tiệm chỉ cách nhau độ năm sáu thước thôi nhưng là hai thế giới phản trái hẳn nhau. Nhất là về đêm. Phía trước và trong tiệm là ánh-sáng, là âm nhạc, là cảnh hoa lệ, thanh-lich, đông-đảo, náo rộ, tưng bừng. Phía sau là một hậu-trường khuất tối, bản tối, tối tàn. Lão ẩn mình ở đấy. Lão khư khư cố thủ ở cái xó hiên này nghe đâu đã trên mười mấy năm trời, trải qua bao nhiêu thăng trầm, biến chuyển của cửa tiệm, đem các sở-trường rang, xay, pha chế cà-phê để làm giàu cho chủ và cống-hiến cho khách mười phương những cốc cà-phê đậm nồng hương-vị. Nhưng không phải vì thế mà lão được ai chú ý. Ngay Thuận nữa, hẳn cũng ít quan-tâm đến lão. Suốt ngày và cả về đêm, hẳn thường len-lỏi, xông-xáo ở mặt tiền của tiệm ông Chinh nhiều hơn. Và khi đã trà-trộn vào cái thế-giới sáng-sủa, rộn-rịp, mải mê với sự săn đuổi, tranh giành cùng đám bạn đồng-nghiep những đôi giày, đôi dép ám bụi khát xi để kiếm miếng ăn, hay cái thú vật lộn, đùa nghịch, lũng ví nhau quanh tiệm, Thuận rất sẵn-sàng quên hẳn cái lão bảy thấp lùn, đen đũi với mái tóc lưa thưa húi ngắn, tấm mình trần - trụi ngồi bên lò rang bập-bùng, lửa ngọn hay đứng cạnh cái bếp thấp ám khói, hừng-hực than hồng phía sau dãy soong, án, cối say, bình lọc ngỗng ngang. Hẳn cũng như lũ bạn đồng nghiệp chỉ nhớ đến lão Bảy vào những lúc ế khách, sau khi đã đùa nghịch chán, ngồi ngáp vặt và cần đến những trò giải-trí vui hơn, hay đêm về cần có chỗ ngủ. Chúng

nhớ đến lão để chọc ghẹo, trêu cợt, phá phách, làm tình làm tội đủ vánh. Hết đĩa này trèo lên cổ, đĩa khác lại cõi lên lưng. Thoi ngằm, thụi trộm, kéo tóc, beo tai chán, chúng lại dấu các thứ dụng-cụ để được nhìn ngắm cái vẻ quay-quắt, tức tối rất ngộ-nghĩnh của lão mà reo cười. Những đêm mưa gió, không ngủ ngoài trời được, chúng lại kéo uà vào mé hiên sau chiếm cứ chỗ nằm của lão. Còn rộng thì chúng cho lão nằm chung trên sập. Chật quá, chúng lại đồng thanh quỵến-nghị hạ bộ lão xuống. Lão không nghe, chúng cũng cứ lồi bừa xuống đất. Được cái là lão Bầy rất hiền lành. Lão không giận lâu bao giờ. Lão chỉ diên tiết lên, trợn mắt phùng mang, múa men la-lối om sòm một lúc để rồi lại cười hi-hì với lũ trẻ. Và chừng như lão cũng thích được chúng trêu chọc ; phá phách như vậy. Lão thường bảo với nhiều người :

— Lạ thật, chúng nghịch như quỷ sứ phá nhà chay. Vậy mà vắng chúng thì nghe cũng buồn.

Lũ trẻ được thể càng coi thường lão và phá phách g'à hơn. Chúng coi thường không phải chỉ vì lão hiền lành, ít-ỏi, dễ giải, xuề xoà nhưng còn vì cái bản-tính dằn-dộn của lão nữa. Lão đại-dột ngớ-ngẩn có tiếng. Trong tiệm bất cứ người nào, từ ông chủ đến cô con gái hay cả bọn chiêu-đãi-viên đều ăn húng ăn hiếp lão được cả. Cũng vì thế mà Thuận càng thấy lão tầm thường hèn mọn quá. Hèn mọn hơn cả bọn chúng. Sự hiện-diện của lão, tuy trong gang tấc, vẫn luôn luôn bị mờ nhoà, quên lãng giữa cuộc sống rộn-ràng. Đối với Thuận lão là một cái gì trông ngọt mát, vui vui thể thôi. Có cũng được, không cũng xong. Thật chẳng quan-hệ chút nào.

Nhưng ngay từ cái buổi chiều mà một chiếc xe Hồng-thập-tự từ đầu sông-sộc chạy tới chỗ lão Bầy đi một cách hấp-tấp vội-vàng giữa cái nhốn-náo của đám đông quanh tiệm cà-phê và những tiếng còi rú nghe đến rộn hờn, Thuận vụt sực tỉnh để cảm thấy lão Bầy không phải là vô nghĩa-lý như hần tưởng lâu nay. Cả buổi chiều hần nghe nôn-nao, xao xuyến, khác-khoải mãi vì lão. Đến khi được tin lão chết hần lại càng bàng-hoàng sảng-sốt nhiều hơn. Cứ mỗi lúc tạt vào mé hiên sau, Thuận lại thấy vắng-vẻ khó chịu. Sự cô-đơn, trống-trải bao vây mãi hần. Càng về tối, mé hiên càng trở nên hoang vắng, quạnh-quẽ. Nhìn vào cái xó hiên lão Bầy thường ngồi hàng ngày, hần thấy như có cả một khoảng trống đến kỳ dị, một khoảng trống sâu thẳm, vô tận. Hần nghĩ không ra. Sau khi lão Bầy vừa được vào bệnh-viện, ông Chình đã tìm người thay thế lão ngay. Cái gã thể chân cho lão Bầy tuy không thiên-nghệ bằng nhưng trẻ-trung, lanh-lợi và bặt thiệp hơn. Gã cười nói bô-bô luôn mồm. Với gã, cái lò rang đen kịt lại tiếp tục bốc cao lửa ngọn, cái bếp thấp lại bùng-hực than hồng, mé hiên sau lại sực nức cả mùi cà-phê như cũ. Gã cũng ngồi vào cái chỗ ngồi của lão Bầy, cũng lặp lại gần y hệt những cử-động hàng ngày của lão. Nhưng vô ích. Mé hiên, dưới mắt Thuận, vẫn cứ hoang vắng, quạnh-quẽ. Cái khoảng trống vẫn cứ trống, vẫn sâu, rộng, lồ-lộ trước mắt hần một thể-thảm chừng như không có gì chèn lấp lại cho kín được nữa. Đêm về, dưới ánh lửa ngọn nhảy nhót trong lò rang, càng nhìn cái khoảng trống kỳ quặc ấy lòng hần càng buồn. Hần cảm thấy đời hần như vừa mất một cái gì từ lâu đã giúp hần người ngoài được nổi bơ-vơ cô-độc mà

hắn không hề hay biết. Hắn đâm ra thương nhớ lão Bảy, cần sự gần-gũi và có mặt của lão hơn bao giờ cả, hồi tiếc về sự hưng-hò, lãnh đạm của hắn lâu nay. Sự bồi tiếc này càng khiến hắn phải trông lão mãi không thôi, theo dõi dấu vết lão cho đến lúc không còn theo được nữa. Sớm nay hắn tìm tới nhà xác, lò-dò theo mãi cổ quan để đưa tiễn lão đến tận huyết mã là vì vậy. Và thật khó mà nói cho bác Cẩm hiểu được cái động-cơ sâu xa, kỳ quặc ấy. Để trả lời, hắn chỉ biết ứa nước mắt nhìn vào nén hương đã hầu tàn ở một góc xe. Bác Cẩm thấy vậy, gật đầu :

— Đúng thế rồi phải không ? Tao đoán có sai đâu. Mày cũng thủy chung đó. Tao nghĩ người đời họ bạc-bẽo cả. Lão Chinh trước mắt đây. Nhưng cứ gì lão Chinh. Thiên-hạ phần đông thế cả mày ơi. Tao biết. Tao phải kéo nhiều xác vô thừa-nhận như thế này cũng là vì người đời họ bạc-bẽo cả... Lắm lúc bà con đẩy mà chúng cũng muốn làm lơ nữa là lão Chinh, hi, hi Lão Bảy thế mà có phúc. Lão tử-tử với mày cũng đáng mà.

Thuận lắc đầu :

— Không phải. Lão đối với cháu cũng thường thôi. Cũng như người khác thôi. Không thân lắm. Nhưng chẳng hiểu tại sao lão chết, cháu nghe khó chịu quá. Cháu tiếc và nhớ lão...

Bác Cẩm hừ một tiếng, quay nhìn Thuận chăm-chú với cặp mắt ngờ-ngác và cái mồm há-hốc rồi cúi đầu xuống, bác lẩm-bẩm :

— Hừ, cũng lạ. Cũng lạ...

Cả hai lại im lặng rảo bước. Đàng càng vắng dần. Trời lại đứng gió. Mặt Thuận hừng-hực nóng và như co rúm hẳn lại.

Chiếc áo sơ-mi màu nâu cũ kỹ, bản thủ của hắn ướt đầm, dán chặt vào lưng. Hắn cởi cả nút áo để hở bụng, hở ngực vẫn cứ nghe nóng. Cả cái mũ vải dày cấu bản, phe-phẩy mãi trên tay hắn cũng không đem lại được một chút hơi mát nào. Nhìn con đàng vắng uể-oải trườn dài dưới ánh nắng chang-chang, xao dợn sau lớp hơi đất bốc lên ngùn ngụt, Thuận đâm chán ngán. Hắn có cảm-tưởng như con đàng đưa tới bãi tha-ma cứ kéo dài ra mãi không ngừng. Và để lẩn trốn cái ảo-giác khó chịu ấy, hắn cúi xuống nhìn vào bánh xe đang làm lúi lẩn tròn trên nền cát bụi khô khan, nóng bỏng. Cứ như thế hắn gắng-gỏi lê bước mãi cho đến lúc bác Cẩm kêu lên :

— Lại dốc nữa. Cái dốc này thì phải biết. Dài lắm. Tao nghe đã điếc cả hơi tai rồi mày ơi.

Cái dốc này dài thật. Thuận phải đẩy hộ để tiếp sức cho bác Cẩm. Vừa lên hết dốc, cả hai người đã mệt nhoài, mồ hôi toát ra như tắm. Bác Cẩm cho xe dừng lại, ngồi dựa vào gốc cây, nhũn mắt lại, lấy nón quạt lia lia một lúc rồi vừa thở vừa nói :

— Chao ôi là nắng. Đường đi chẳng xa gì nhưng tao nghe ngán quá. Được cái là đã đến nơi rồi.

Đưa tay chỉ bãi tha-ma dưới xa, bác tiếp :

— Đây rồi. Xuống hết dốc là tới. Huyết đã đào xong từ chiều hôm qua. Ở phía trong kia một chút.

Bác lại tựa cả đầu vào gốc cây, ngồi thờ với cái dáng gầy gập, nhọc nhằn, đưa mắt chăm chú nhìn vào cổ quan. Gương mặt bác Cẩm lúc này và cái lối nhìn có vẻ khác thường khiến Thuận phải chú ý. Hắn thấy bác Cẩm khác lạ hẳn đi. Thay vì cái vẻ

dừng dưng, lạnh lùng, chai đá là những nét xúc-động gợn lên ở mấy nếp nhăn của vầng trán toát tháo mồ hôi, ở cặp chân mày nhú hẳn lại và đôi môi ử rữ bám chặt vào nhau. Bác Cẩm ngồi nhìn như vậy rất lâu. Cái trạng-thái ngất lạng của bác bên cạnh cỗ quan, giữa cảnh hoang vắng làm cho Thuận phát sợ. Hấn đằng bắng mấy tiếng. Như sực tỉnh, bác Cẩm tựa mình, thở dài nhìn Thuận :

— Ngồi xuống đây con. Đứng làm chi cho mỏi. Đến nơi rồi. Nghỉ đã. Tao cho mày thế mà có tình. Lão Bảy cũng có phước đó.

Thấy Thuận tỏ vẻ ngạc nhiên, bác chăm rai nói tiếp :

— Hừ, mày không biết. Tao phục-vụ ở bệnh-viện trong bảy năm trời nay. chuyên-môn làm xác. Tao đã quen với xác chết lắm rồi. Tao thấy cái chết nó thường quá. Mày thử nghĩ mà coi có ai lột da mà sống đời được. Chẳng ai thoát được cái cửa đó. Chẳng trước thì sau cũng có một lần. Chết không đáng buồn. Tao chỉ thấy một cái đáng buồn là... là..,

Bác Cẩm lại nhìn vào cỗ quan trần-trường nằm chổng đít trên chiếc xe vận-tải :

— Cứ phải kéo xác ma nhiều quá, tao thấy không có cái chi đáng buồn và vô phước bằng một chiếc quan-tài mà chẳng có người đưa. Phải kéo xác lâu ngày như tao rồi mới cảm thấm thía chỗ đó mày ơi. Lúc sống bơ-vơ, trơ-trọi kể đã khổ mà tao nghĩ cũng chưa đáng buồn bằng lúc chết phải ra đi đơn thương, độc mã như vậy đó. Tao cho là đại vô-phước. Thiệt mà, Đại vô-phước.

Hạ giọng thân-mật hơn, bác vừa phe-phẩy chiếc nón vừa nói thêm :

— Trong bảy năm, tao kéo như rứa là có trên ba chục cái xác vô thừa-nhận. Đ^ể coi.. Ba mươi hai, ừ phải đó, ba mươi hai với lão Bảy nữa vị chi là ba mươi ba, chứ có phải ít đâu. Nhưng chỉ có lần này tao mới thấy có người đi theo... là mày đó. Có mày tao đỡ buồn hơn trước, ít nghe khó chịu như mọi lần. Bữa nay tao chỉ uống có ba trự. Mọi bận không uống cho thật say thì mày tính... chịu sao nổi, Thương-tâm lắm mày ơi.

Bác Cẩm ngừng lại, thở dài một tiếng, ồi nhìn sững vào cỗ quan. Trên chiếc xe vận-tải, cỗ quan vẫn nằm im lạng, ngoan ngoan đợi chờ. Thuận có cảm-tưởng như cái hòm sặng trắng hếu và cả cái xác lão Bảy ở trong ấy đang lạng nhìn và lóng nghe bác Cẩm. Tự-nhiên lòng hấn bồi-hồi cảm-động và bao nhiêu ác-cảm của hấn đối với bác ta từ sớm đến giờ vụt tiêu-tan đâu mất. Hấn càng sững-sốt khi thấy bác Cẩm nhú thêm đôi mày, nói như khóc :

— Thương-tâm cho người ta rồi lại thêm lo cho mình. Tao già chừng này tuổi, gần đất xa trời lắm rồi. Năm nay là sáu-lăm rồi. Một thân, một mình, không ai là người thân-thích cả. Một mai nằm xuống thì cũng là cái xác vô thừa-nhận chứ gì. Tao thấy trước như vậy rồi. Nghĩ chẳng ra làm sao cả.

Nói xong bác lại ngồi im lạng. Nhưng lần này bác không nhìn vào cỗ quan. Cặp mắt lơ-đờ, sâu hoắm của bác buồn rầu hướng thẳng xuống phía bãi tha-ma.

Dưới xa, bãi tha ma hoang vắng, trống trải, dàn rộng mãi ra với vô số mồ con, mã lớn chen chúc kể tiếp nhau không ngừng dưới ánh nắng gay gắt. Tuy bãi tha ma nằm ngay bên con đàng dưới chân dốc, Thuận vẫn tưởng chừng như hấn đang

ngắm nhìn một thế-giới âm-u, huyền-bí, cách biệt hẳn với cõi dương gian đầy sinh-khí. Hấn cảm thấy rờn rợn. Ngay lúc ấy hấn nghe có một bàn tay nắm chặt lấy cánh tay hấn và cái giọng khàn khàn, buồn buồn của bác Cẩm :

— Lâu nay mày ở dưới tiệm lão Chình à ? Không có cha mẹ, bà con gì sao ả ?

Thuận quay lại, gật đầu :

— Cháu mồ-côi từ lúc nhỏ.

— Hừ, mồ-côi. Mấy tuổi rồi ? Tao xem, mày cũng đã trông.

— Mười-lăm.

— Mười-lăm tuổi. Thế là... tuổi Tuất Ừ, tuổi Tuất đó. Mày đánh giày có đủ ăn không ?

Thuận thở dài :

— Cũng có ăn. Nhưng có chắc chắn chi... Với lại nhiều lúc cháu thấy bơ-vơ quá. Mấy đứa kia chúng có cha, có mẹ...

Bàn tay bác Cẩm bóp chặt thêm cánh tay của Thuận :

— Mày thấy bơ-vơ. Ừ, làm sao mà chẳng bơ-vơ. Sống trơ-trọi một thân, một mình, người lớn như tao còn buồn nữa là mày. Tao cũng thấy bơ-vơ.

Bác ngả đầu vào thân cây, trầm ngâm một lúc rồi chép miệng :

— Tao hai đời vợ. Bạc tình cả hai. Có mấy đứa con cũng chết cả. Bà con bây giờ chẳng còn ai. Thực ra thì cũng còn đó, nhưng tao đã nói là người đời họ bạc-bẽo lắm. Có tiền, có gạo thì khác, còn làm vào cái cảnh nghèo đến không đất cắm dùi như tao thì đừng có hòng.

Giọng nói của bác Cẩm mỗi lúc mỗi rầu rĩ và nhỏ dần để rồi tắt hẳn trong một tiếng

thở dài nào-nuột. Tiếng thở dài nghe lạnh lạnh chừng như thoát ra từ đâu trong cổ quan cảm lạnh nằm trơ trơ trên chiếc xe vận-tải đang ứ-rũ chúi mũi xuống bên gốc cây hơn là từ đáy lòng của ông lão. Bàn tay của bác Cẩm lại xiết chặt thêm. Từ cái bàn tay gầy guộc, xương xẩu ấy, Thuận nghe có một hơi ấm nóng len vào da thịt biến vội thành những rung chuyển êm-ái, nhẹ-nhàng lan rộng khắp tâm-hồn hấn. Mắt Thuận chớp nhanh và không nghĩ - ngại, hấn buột miệng hỏi :

— Nhà Bác ở đâu, Bác ?

— Nhà tao ? Ừ, chuyển về tao chỉ cho. Nhưng mày hỏi để làm gì ?

— Để thỉnh thoảng lên thăm Bác.

Cặp mắt lơ lơ, mệt mỏi của bác Cẩm vụt nói rộng ra và như sáng hẳn lên.

— Ừ, phải đó. Hay quá, mày nói thật trúng theo ý tao. Mày phải năng lên thăm tao nghe chưa ? Còn tao, hể tao rảnh là tao xuống tìm mày. Gặp một đứa có tình như mày tao thấy cũng vui đó.

Mặt có dáng vui-vẻ, bác Cẩm đứng lên tiến lại phía chiếc xe bảo Thuận :

— Đi con. Còn một khúc đường nữa. Đưa lão ta đến nơi đến chốn rồi có về cho sớm. Bận về mày ghé nhà tao cho biết. Nhà tao thì chật hẹp lắm. Nhưng cũng rộng chán cho hai bác cháu mình. Lúc nào mày buồn thì mày cứ lên tao.

Và khi chiếc xe bắt đầu chuyển bánh, bác Cẩm mỉm cười :

— Đừng tưởng tao nghèo và già cả như thế này mà không được tích sự gì cho mày đâu. Nhờ mày đau vào nằm nhà thương thì thì tao cũng săn-sóc cho mày được vậy chớ.

Chúng tôi đã nhận được :

Tờ giấy 20 đồng (Lê-Tâm) — Đi xem phim Ấn-Độ (Hà-Hợp-Nguyễn) — Mắt tối ; Ánh lửa đêm (Thanh-Lộc) — Đồi hoa ; Hỏi em (Ngô-Thương) — Kiếp hoa ; Quan cách ; Đồi cánh chim trời ; Mưa nắng hai mùa ; Trẻ với già (Hoài-Chi) — Vai trò của con người với gia đình (Trung-Thế-Chế) — Trở về (Chiêm-Việt) — Những ngày mưa (Võ-Võ) — Trên vùng cao sáng ấy (Phạm-Duy-Nhân) — Đêm hoang ; Đêm sông ; Trở giấc ; Vào đêm ; Người đi ; Vào nhớ (Đoàn-Ngọc-Kiều-Nga) — Mẹ hiền, nhớ em ; Chiều bắt bướm (Yên-Giang) — Những sự tình cờ (Thanh-Chương) — Lạc đường ; Mệt mỏi ; Miếng cơm ; Mộng ảo (Diệu-Thanh) — Mở hội (Ngọc-Sương) — Đêm lữ thứ ; Vào thu ; Ai hát trong đêm ; Chuyển tàu mưa (Huyền-Thao) — Hoài cổ ; Cuối cùng (Lang-Vũ-Giang) — Tình thương (Thiện-Ý).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn tất cả những bài trên đây, nếu bài

nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Anh Nguyễn - Khắc - Thiệu, Huế — Đã được thư « Khẩn ». Cảm ơn anh lắm Anh cố gắng thêm được chớ ? Đến 15-11 mới hết hạn.

Anh Nguyễn - Phúc, Huế. — Đã nhận được « Nổi loạn » và thư. Đã có thư ra anh.

Ô. Trần-Công-Thương, ty Điện-dia Kiến-Hòa. — Đã gửi bảo-đảm tài-liệu về thơ cùng thư. Xin cho biết đã nhận được chưa.

Bạn Vương - Huy, K. B. C. 4522. — Đã được « Câu chuyện bốn ngày » và thư. Ý-kiến anh em về truyện này, tôi đã ghi lại trong thư vừa gửi bạn. Mong bạn cũng đồng ý.

Nguyễn-Ngu-Í

Cô Thùy-Song-Thanh. — Xin cô vui lòng cho tòa-soạn biết tên thật cùng địa chỉ để tiện gửi nhuận bút.

B.K.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- « Hồ-Thùy-dương » của Doãn-Quốc-Sỹ, do nhà Nguyễn - Đình - Vương xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 205 trang, giá 30\$00.
- « Giá-trị luân-lý Đạo Phật » của ông Thích-Mãn-Giác, do Ban Hoàng-Pháp Đà-Lạt xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 30 trang, bản đặc - biệt không đề giá.
- « Căn-bản của tín-đồ Phật-giáo » của ông Huyền-Cơ, do Thích-Tuệ-Nhân xuất-bản có gửi tặng. Sách dày 140 trang, giá 20\$00.

- « Hình-học » lớp đệ Nhị của Ô.Ô. Đặng-Văn-Nhâm và Nguyễn-Phúc, do nhà Thế - Sự xuất - bản và gửi tặng. Sách dày 248 trang, giá 68\$00.
- « Giảng văn » lớp đệ Tứ của ông Bàn - Bà - Lân, do nhà Bạn Trẻ xuất - bản và do tác - giả gửi tặng. Sách soạn theo chương-trình hiện hành của bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, dày 366 trang, giá 70\$00.
- « Văn-phạm Việt-Nam » của ông Từ-Phát, do nhà Thanh - Quang xuất-bản và gửi tặng. Sách soạn giản dị, dễ hiểu, dày 168 trang, giá 32\$00.

- « Hà-Tiên thập-cảnh » và « Đường vào Hà-Tiên » của Thi-sĩ Đông-Hồ và Mộng-Tuyệt, do nhà Bốn-Phương xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 73 trang, giá 18\$00.
- « Lá thu vàng » tập 9, của ông Thàn-Liên Lê-Văn-Tất gửi tặng. Sách dày 20 trang, giá 10\$00.
- « Sờ tay sự phạm » số 2, là một tập-san chuyên nghiên-cứu giáo-dục mới. Ra ngày 1 mỗi tháng. Báo dày 145 trang, giá 20\$00.
- « Ánh đèn dầu » hệ tranh-tý 1960 của hãng Standard - Vacuum oil company xuất-bản và phát-hành.

- « Giai-phẩm Hương thu » một văn-phẩm tâm-tinh, xã-hội, thời-đại, do nhóm « Văn-nghệ đời mười » chủ-trương biên tập và gửi tặng. Báo dày 34 trang, bản đặc-biệt giá 50\$00.
- « Giai-phẩm Đất Việt » một giai-phẩm văn-nghệ, xã-hội, tâm-tinh, do Nguyễn-Thanh chủ-trương biên tập và gửi tặng Báo đặc-biệt kỷ-niệm lễ Quốc-Khánh.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả và ân cần giới thiệu với độc-giả thân mến.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Sunfines

COFAT CHOLON

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HANG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ - DO

ĐAKAO CÓ GÌ LẠ ? ?

Phòng trà Ca nhạc TỬ-HẢI

(Ở TRƯỚC TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐAKAO)

Số 44 — 46 Đại lộ Đinh-Tiên-Hoàng

Nơi tập-hợp của nhiều ca-sĩ duyên-dáng, trong một khung cảnh
đầm ấm.

Mỗi tối từ 20 giờ 30 đến 23 giờ 30, trình-bày ca nhạc với sự cộng-
tác của nhiều ca-sĩ hữu danh thủ đô.

Nhận đặt tiệc (món ăn Âu Tây, hoặc Việt-Nam).

Suốt ngày : bán giải-khát và khai-vị, giá bình-dân.

Tiếp-đãi niềm-nở, giá cả phải chăng.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN SỐ 54

NỘI - DUNG PHONG - PHÚ

Dày 176 trang, giá 12\$

Ở Việt-Nam đã có tờ báo nào đáng gọi là **Nhật Báo Đứng Dẫn** ?

Đó là câu hỏi của một số lớn các bạn đọc khó tính.

Nhưng nếu quý bạn ấy chịu khó tìm đọc tất cả các báo hàng ngày so sánh thì sẽ thấy :

NGOÀI NHỮNG TIN TỨC MỚI LẠ,
NHANH CHÓNG, XÁC THỰC VÀ VÔ TƯ

NHẬT BÁO NGÔN-LUẬN

Còn có những bài thơ êm dịu, những thiên tiểu thuyết hấp dẫn, những chuyện ngắn chọn lọc, những bài sưu tầm công phu...

Do một nhóm nhà văn nhà báo Yêu Nghề Góp Sức Xây Dựng Nhật Báo NGÔN-LUẬN.

HÀNG NGÀY CỐ GẮNG LÀM VỪA LÒNG QUÝ BẠN

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUAT VÀ BÁN

1— **CÁC LOẠI ĐƯỜNG :**

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— **CÁC LOẠI RƯỢU :**

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— Các tiệm tạp-hóa

— Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

SÁCH BIÊN SOẠN ĐỂ HỌC THI

- ĐẠO ĐỨC HỌC ĐỆ NHẤT A, B, C, D.
của Nguyễn-văn-Trung
 - LUẬN LÝ HỌC ĐỆ NHẤT A, B, C, D.
của Nguyễn-văn-Trung
 - [CÔNG DÂN GIÁO DỤC ĐỆ NHỊ
của Trần-Mộng-Chu — Nguyễn-Cao-Quyền
 - VIỆT SỬ và THẾ GIỚI SỬ ĐỆ TƯ
của Bùi-Quang-Ly
 - CÔNG DÂN GIÁO DỤC ĐỆ TƯ
của Trần-Mộng-Chu — Nguyễn-Cao-Quyền
 - NGHỊ LUẬN LUÂN LÝ
của Nguyễn-Xuân-Hiến — Trần-Mộng-Chu
 - BÌNH GIẢI VĂN CHƯƠNG
của Phạm-Thế-Ngũ
- NAM-SON** xuất-bản

ĐẠI-NAM VĂN-HIẾN

Sắp tái bản :

LƯỢC - SỬ VĂN - NGHỆ VIỆT - NAM

Nhà văn hậu chiến : 1950 — 1956

của THẾ-PHONG

200 trang khổ lớn rô-nê-ô 21 x 33 — **Giá 200đ.**

Để đáp lại lần in đầu quá nhỏ, sơ sót và nhiều bạn chưa có sách, In 100 bản lần thứ 2 gồm 50 trên giấy trắng. Bạn nào muốn có bản đặc biệt xin gửi bưu-phiếu đặt in trước.

Xin gửi cho ông : **ĐỖ-MẠNH-TƯỜNG**

Nhờ báo **SÔNG** chuyên giao

60-62, Ký-Con — SAIGON

Giấy phép số 1878 cấp lần thứ 2, 8-II-1958

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bào-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.721 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyễn-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN**

10 ₤

DUC THU SA 53

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CALTEX (ASIA) LIMITE

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.

Hút thuốc thơm

Mã nhất tâm



Sang tinh thần

Sản -

- Tinh -

- Li

GIÁ HẠ

15 \$





LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Sạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
Điện thoại : 25.539

In tại nhà in VAN-HOÀ
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$